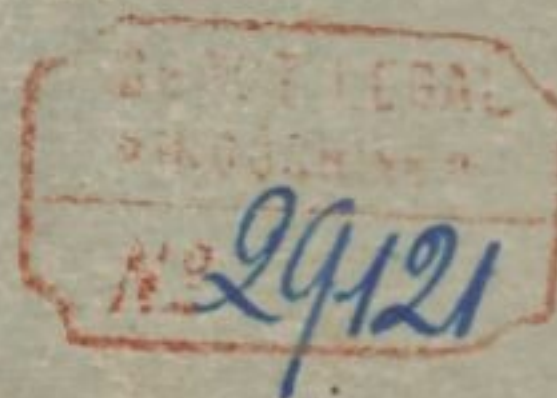


16°
Indoch
1221

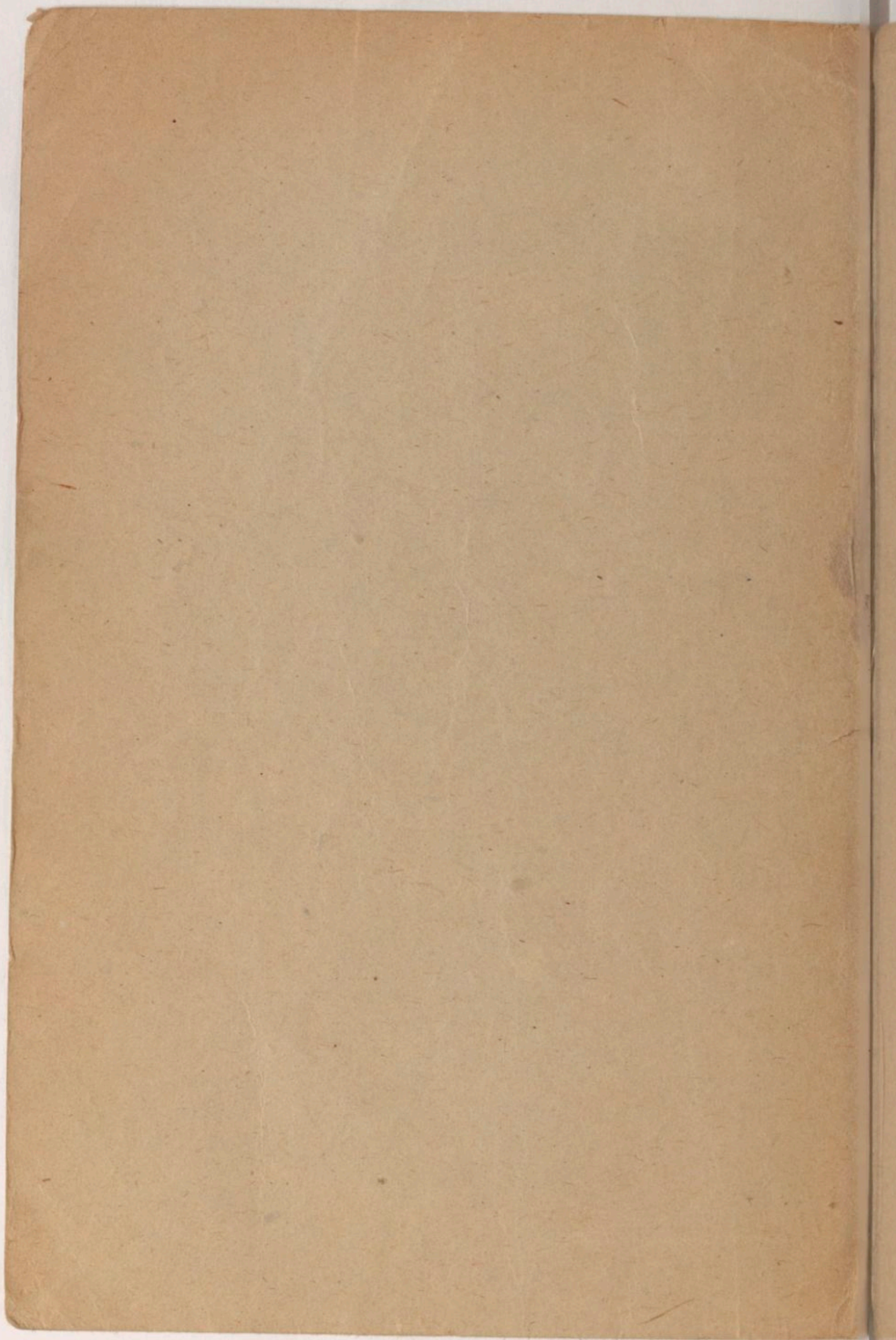
HU'ONG XA



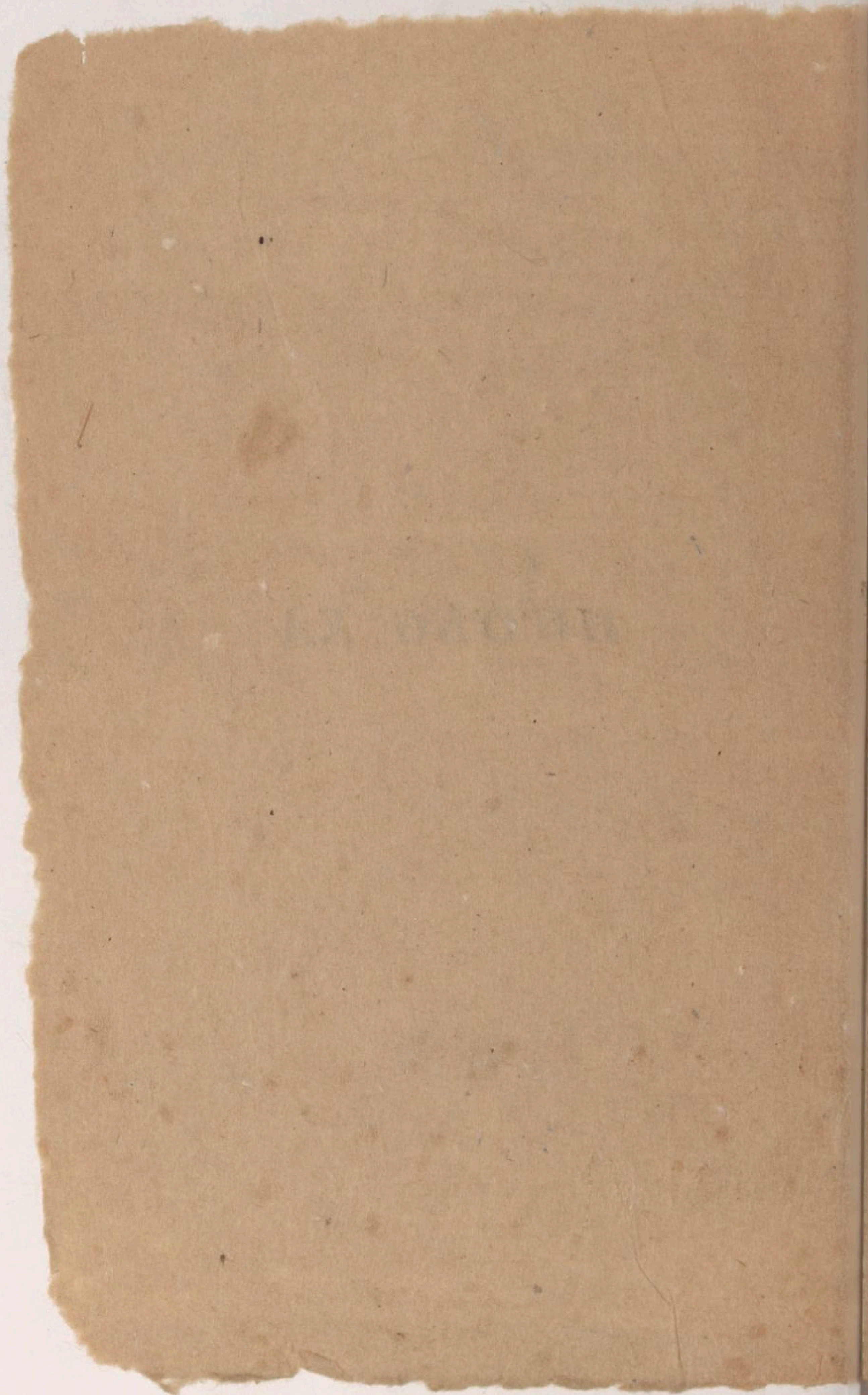
ĐOẢN THIÊN CỦA
**A. DAUDET, E. DABIT,
NAGAI KAFU, KIM CO KY
QUAN, LY BACH, S. ZWEIG,
L. PIRANDELLO, R. TAGORE,
L. TOLSTOI, F. MIRANDA
NIETO, S. MAUGHAM,
E. THOMPSON SETON.**



ĐỢT NAY



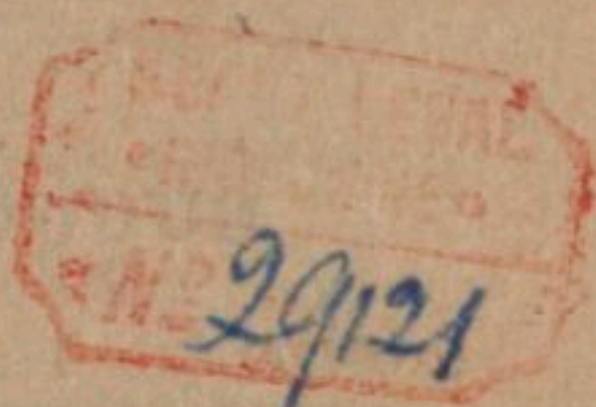
HƯƠNG - XA



LOẠI GIÓ BỒN PHƯƠNG

HU' O' NG

XA



ĐOÀN THIÊN

của

A. DAUDET, E. DABIT, NAGAI
KAFU, KIM CỒ KỲ QUAN, LÝ
BẠCH. S. ZWEIG, L. PIRANDEL-
LO. R. TAGORE, L. TOLSTOI,
F. MIRANDA NIETO, S. MAU-
GHAM, E. THOMPSON SETON,

16° Indo ch.

1224



ĐỜI NAY

LOẠI GIÓ BỐN PHƯƠNG

ĐỜI NAY

ĐÃ XUẤT BẢN:

CON QUỶ TRUYỀN KIẾP (The Undying Monster)

(hết) của J. D. Kerruish. —

Bản dịch của **Thế Lữ**.

HƯƠNG XA (Tập đoản thiên).

ĐƯƠNG IN:

AN-NA KHA-LÊ-NINH (Anna Karénine) của

L. Tolstoï. — Bản dịch

của **Vũ Ngọc Phan**.

SẼ XUẤT BẢN:

BỨC MÀN SƠN (The painted Vail) của S.

Maugham, — Bản dịch của **Huyền Hà**.

AMOK của S. Zweig. — Bản dịch của **Huyền Hà**.

TARTARIN TARASCON của A. Daudet. — Bản

dịch của **Huyền Kiêu**.

ĐẤT LÀNH (The Good Earth) của P. Buck.

Bản dịch của **Huyền Hà**

HOA LẠ (tập đoản thiên của các nữ văn hào

thế giới).

LỜI NÓI ĐẦU

Chủ ý bộ biên tập sách này là trình bày những vẻ mới lạ và những hình sắc khác nhau trong văn chương các nước. Những truyện ngắn thu hẹp lại đây tuy không thể đủ thay được một bộ toàn thư khảo về loại văn này của khắp hoàn cầu, nhưng có thể là những thí dụ linh hoạt để bạn đọc trông thấy ít nhiều giọng điệu của một vài xứ sở phương ngoài. Một mẫu vải chưa là một bộ áo, nhưng vẫn có giá trị đối với trí tưởng tượng sáng suốt và rời rào của bạn đọc.

Sự phong phú của văn chương nước ngoài đã khiến việc lựa chọn mất nhiều giờ đo dự. Cách diễn dịch ra quốc văn cần phải cẩn trọng và thích hợp để bạn đọc không bị lầm lạc trong sự xét đoán và không mất hứng thú riêng có thể gặp thấy ở nguyên tác.

ĐỜI NAY

CÁC VÌ SAO

của A. DAUDET

A. Daudet (1840-1897), tác giả những cuốn *Lettres de mon moulin*, *Le petit chœur*, *Fromen jeune et Risler aîné*, *Sapho*, v.v... người An-nam đọc được chữ Pháp ai là không biết đến.

Tập truyện ngắn « *Lettres de mon moulin* » (Những bức thư viết trong nhà cối xay) mà Thạch-lam trích dịch truyện « *Các vì sao* » đăng dưới đây, là một tác phẩm thời niên thiếu (soạn năm 1866). Về sau giọng văn nhà tiểu thuyết có già dặn hơn, nhưng không thể có lại được cái thơm mát, cái tươi sáng của bông hoa xuân hé nở, trong sương hồng buổi sớm.

Đọc tập truyện ngắn ấy, ta có những cảm giác êm thấm, dịu dàng. Tác giả dù muốn ta buồn, lo, vui, yêu, ghét, kinh hoàng, ta cũng chỉ buồn, lo, vui, yêu, ghét, kinh hoàng một cách nhẹ nhàng. Những cảm giác kia rồi ta quên ngay. Nhưng cái tình man mác vẫn man mác mãi trong lòng ta, hàng chục năm sau, mỗi khi ta đọc đến cái tên Alphonse Daudet. Đó là cái hay, đó là cái tài, đó là cái tình của nhà thi sĩ đáng yêu, vì A. Daudet thực là một thi sĩ viết văn xuôi.

* * *

(Lời một kẻ mục-đồng xứ Provence)

Thời tôi còn chăn gia súc trên núi Luberon, có khi hàng tuần lễ tôi không gặp mong người nào, một mình tro troi trong đồng cỏ với con chó Labri và đàn chiên của tôi. Tỉnh thoảng cụ Ân-sĩ núi Ure đi qua

đó để tìm hái dược-thảo và một đôi khi tôi thoảng gặp cái mặt đen xì của một bác đốt than người xứ Piémont. Nhưng đó toàn là những người chất phác, ở nơi vắng vẻ lâu ngày đã nhiễm tính yên lặng, không thích nói truyện và không biết những truyện người ta kể ở dưới đồng bằng trong các làng xóm và các thị thành. Vì thế cho nên, cứ mười lăm ngày, khi nghe thấy trên đường dốc tiếng nhạc của con la ở trại mang lương thực trong mười lăm ngày lên cho tôi, và trông thấy hiện dần dần trên đỉnh sườn non cái đầu nhanh nhẹn của thằng nhỏ, hay cái khăn màu nâu sẫm của bà cô Norade, là tôi sung sướng lắm. Tôi bắt họ kể cho tôi nghe những tin tức ở vùng dưới, những lễ rửa tội ở nhà thờ, hay những việc cưới xin; nhưng cái điều mà tôi muốn biết hơn cả, là hỏi xem cô gái con ông bà chủ tôi, cô Stephanette, một cô gái xinh đẹp nhất trong cả vùng ấy, đang làm gì. Không ra về chú ý lắm vào truyện đó, tôi dò hỏi xem cô ta có hay đi chơi hội hè, họp đám không, xem cô có nhiều cậu ngấp nghé không; và nên có người hỏi tôi rằng biết được những điều đó có ích lợi gì cho tôi không, tôi, một kẻ mục đồng nghèo hèn ở trên núi, tôi sẽ trả lời rằng tôi mới có hai mươi tuổi, mà cô Stephanette là sự đẹp đẽ nhất tôi được trông thấy trong đời tôi.

Một chủ nhật kia tôi ngóng đợi lương thực nửa tháng, thì lần này mang lên chậm quá. Buổi sáng, tôi tự bảo : « Chắc vì có lễ nhón ở nhà thờ ». Rồi buổi trưa có một trận mưa to; tôi đoán rằng con la chưa dám lên núi, vì đường xấu. Sau mãi vào quãng ba

giờ, lúc trời đã quang tạnh, mặt núi loáng nước và ánh sáng, tôi mới nghe thấy lẫn trong tiếng giọt mưa rơi trên lá xuống và tiếng reo của suối chảy, tiếng nhạc của con la vui vẻ và lạnh lạnh như một hồi chuông nhà thờ ngày lễ Pâques. Nhưng người dắt la không phải thằng nhỏ, cũng không phải già Norade. Chính là... các anh thử đoán xem ai? ... Chính là cô chủ tôi, ngồi thẳng thẩn giữa các giỏ mây, tất cả người đều hồng hào vì không khí trên núi, vì cái mát mẻ của trận mưa rào.

Thằng nhỏ thì ốm, còn già Norade thì về nghỉ bên quê các con. Nàng Stephanette xinh đẹp vừa đặt chân xuống vừa bảo cho tôi biết như thế, và tại sao cô ta lên chậm: cô nói đã bị lạc đường nhưng trông cách ăn mặc ra ngày lễ của cô ta, với cái giải lụa hoa, cái váy bóng và các đường ren, cô có vẻ vừa mới ở một cuộc khiêu vũ nào ra hơn là đã đi tìm đường trong cát bụi. Con người mới xinh xắn làm sao! Khiến mắt tôi nhìn cô không biết chán. Thực ra, tôi không được nhìn gần cô như thế bao giờ.

Thỉnh thoảng về mùa đông, khi đàn gia súc đã xuống cánh đồng, và những lúc buổi chiều tôi trở về trại để ăn cơm, cô ta nhanh nhẹn đi qua căn phòng, không nói truyện với các người nhà, lúc nào cũng chỉnh tề và hơi làm cao... Nhưng bây giờ, tôi được cô ta đứng trước mặt, chỉ có một mình tôi, thật có đáng hóa điên không?

Khi đã bỏ các lương thực trong thùng ra, cô Sptephanette bắt đầu tò mò nhìn chung quanh. Khẽ nhắc

cái váy đẹp mặc ngày chủ nhật, sợ nó có thể dây bẩn, cô bước vào trong lều, xem cái chỗ tôi ngủ, cái ổ rơm và tấm da cừu, cái áo tơ rộng của tôi mắc ở tường, cái gậy và cái súng đá bột lửa. Những cái đó, cô thấy hay hay.

— Thế ra anh ở đây ư, anh mục đồng ? Có một mình thế này chắc anh buồn lắm. Anh làm những cái gì ? Anh nghĩ đến ai ?

Tôi muốn trả lời : « Nghĩ đến cô, cô chủ ạ » ; thực như thế chứ không phải nói dối. Nhưng mà tôi bối rối đến nỗi không tìm được một câu nói. Tôi chắc rằng cô ta biết vậy, nhưng cái cô ác nghiệt lại thích tính nghịch làm cho tôi bối rối thêm :

— Thế còn người nhân tình của anh, hỡi mục đồng ! thỉnh thoảng có lên thăm không ? Cái người nhân tình ấy chắc phải là con chiên vàng hay là nàng tiên Estérelle, chỉ hay đi trên đỉnh núi...

Cô ta, thật giống như nàng tiên Estérelle, trong khi nói thế, với cái tiếng cười xinh xắn khi ngửa cổ ra đằng sau, và cái vẻ vội vàng đi nó làm cho cuộc đến thăm của nàng như một lát thoáng hiện hình.

— Thôi, từ giã anh nhé.

— Xin chào cô chủ.

Thế là nàng trở đi, mang theo những cái giỏ không.

Khi nàng đã khuất trên con đường dốc, tôi tưởng những hòn sỏi lăn dưới móng chân la hình như rơi từng viên một trong lòng tôi. Mãi giờ lâu, lâu lắm, tôi còn nghe thấy ; và đến lúc ngày đã xế, tôi ngồi yên như người mê ngủ, không dám động dậy, sợ làm

cho cái mộng bay đi. Đến chiều, khi thung lũng đã bắt đầu biến ra màu lam và đàn cừu đã vừa kêu, vừa chen nhau trở vào chuồng, tôi nghe thấy có tiếng gọi ở dưới dốc, rồi tôi thấy nàng Stephanette của tôi, không vui cười như trước nữa nhưng mà run lên vì rét, vì sợ, vì ướt lạnh. Nghe đâu khi xuống khỏi sườn núi, nàng thấy lạch Sorgue tràn lên vì trận mưa rào, và nàng suýt chết đuối vì muốn lội qua. Nguy nữa là, giờ này ban đêm, không thể còn nghĩ đến trở về trại nữa ; có con đường tắt, nhưng nàng thì không thể tìm được, mà tôi thì không thể bỏ được đàn cừu. Cái ý nghĩ phải một đêm trên núi làm cho nàng băn khoăn lắm, băn khoăn vì nỗi người nhà lại lo sợ nữa. Về phần tôi, tôi hết sức làm yên lòng nàng :

— Đêm tháng bảy này ngắn, cô chủ ạ... Chỉ chia khó một lát thôi.

Tôi bèn róm một đồng lửa để nàng hơi chân và hong cái áo dầm nước ở lạch Sorgue. Rồi tôi đem đến trước mặt nàng ít sữa và ít bánh sữa con ; nhưng mà cô bé khốn nạn chẳng nghĩ gì đến sưởi, mà cũng chẳng nghĩ gì đến ăn; thấy những giọt nước mắt tràn lên trong mắt nàng, tôi cũng muốn ứa nước mắt khóc.

Nhưng đêm đã đến hẳn rồi. Ở trên đỉnh các ngọn núi chỉ còn lưu lại một chút ánh sáng mặt trời như bụi, một làn hơi ánh sáng về phương đông. Tôi muốn để nàng vào nghỉ ở trong lều. Tôi lấy rơm mới giải lên trên một tấm da cừu mới nguyên, chúc nàng ngủ

cho ngon giấc, rồi tôi ra ngồi ở ngoài, trước cửa... Trời làm chứng cho tôi rằng, tuy ngọn lửa yêu bốc cháy trong mạch máu, tôi không có một ý nghĩ xấu xa nào trong trí; chỉ có một cái ý tự cao khi nghĩ đến rằng, trong một góc lều, bên cạnh đàn cừu đang tò mò nhìn nàng ngủ, người con gái của ông bà chủ tôi đang yên nghỉ như một con chiên quý hơn và trắng hơn hết các con chiên khác giao cho tôi canh giữ. Không bao giờ tôi thấy trời thăm thẳm và các vì sao sáng như thế kia... Bỗng nhiên, cái phen lều hé mở, rồi nàng Sptephanette hiện ra. Nàng không thể ngủ được. Những con cừu khi động dậy làm kêu lộp rơm rạ, hay là chúng be lên trong cơn mê. Nàng thích đến ngồi bên lửa hơn. Thấy vậy, tôi lấy cái áo da chiên khoác cho nàng; tôi róm cho lửa sáng lên, rồi hai chúng tôi ngồi gần nhau, yên lặng. Nếu các anh đã có khi xuất đêm ở ngoài trời, tất các anh được thấy trong cái lúc chúng ta ngủ, một cái thế giới bí mật hoạt động trong thanh vắng và yên lặng. Lúc ấy, các giòng suối có một tiếng reo trong hơn, các mặt ao đều lấp lánh nhiều ánh sáng. Tất cả các thân núi đi lại tự nhiên, và trong không trung có những tiếng sát chạm, những tiếng âm thầm, tưởng như ta nghe thấy cành cây nhón thêm, cỏ mọc lên. Ban ngày là cuộc sinh hoạt của các sinh vật, nhưng ban đêm là cuộc sinh hoạt của các tinh vật. Khi ta không quen thì sự ấy làm cho ta sợ... Bởi vậy, cô nàng của tôi cả người run lên, và hơi một tiếng động là nàng nép vào tôi. Một lần, một tiếng kêu dài,

buồn thắm, ở mặt ao lấp lánh phía dưới, uyển chuyển đưa lên tận chỗ chúng tôi ngồi. Cùng một lúc, một ngôi sao sa trên đầu tôi về một hướng, hình như cái tiếng kêu chúng tôi vừa nghe thấy có đem theo luồng ánh sáng với mình.

Nàng khẽ hỏi tôi :

— Cái gì thế ?

— Một linh hồn lên thiên đàng, cô chủ ạ.

Và tôi đưa tay làm dấu chữ thập.

Nàng cũng làm dấu và ngừng đầu yên một lúc, trầm ngâm lắm. Rồi nàng bảo tôi :

— Có thật những người mục đồng như các anh là những tay phù thủy không ?

— Làm gì có thể, thưa cô. Nhưng ở đây, chúng tôi sống gần các vì sao hơn, và chúng tôi biết những sự xảy ra trên ấy rõ hơn các người ở đồng bằng.

Nàng vẫn ngừng nhìn lên, đầu tựa vào tay, mình khoác tấm da cừu, trông như một cậu đồng tử trên trời.

— Thật là nhiều ! Mà đẹp quá ! không bao giờ tôi thấy nhiều sao như bây giờ... Anh có biết tên các vì sao không, anh mục đồng ?

— Có chứ, cô chủ... Đây này, ngay trên đầu chúng ta, là con đường của thánh *Jacques* (*sông Ngân-hà*)... Nó đi từ nước ta sang tận Y-pha-nho. Chính thánh *Jacques de Galice* đã vạch con đường ấy để chỉ lối cho vua *Charlemagne* khi ngài sang đánh bọn *Saracens*. Xa tít nữa, là chiếc xe các linh hồn (*Char des âmes*, sao Bắc-dầu) với bốn cái trục sáng loáng. Ba

ngôi sao đi phía trước là *ba con vật (trois bêtes)* và ngôi sao bé tí tẹo ngay cạnh ngôi sao thứ ba là *người đánh xe*. Cô có nhìn thấy ở ngay chung quanh như trận mưa sao không? Đó là những linh hồn mà Chúa không dung ở trong nhà... Thấp một tý nữa, là *Cái cào hay là Tam đế (sao Sâm)*. Đó là đồng hồ của bọn mục đồng chúng tôi. Cứ nhìn ngôi sao đó, tôi đủ biết bây giờ đã quá nửa đêm rồi. Thấp một chút nữa, vẫn về phương nam, lấp lánh sao *Jean de Milan*, bó đuốc của các vị sao (sao Lãng). Về ngôi sao ấy, những người mục đồng thường kể truyện như thế này: đầu có một đêm kia *Jean de Milan* với *Tam-đế* và *La Poussinière (sao Ngang)* được một vị sao mời đi ăn cỗ cưới. Sao *Poussinière* vội vàng đi trước tiên, và đi cao lên. Cô nhìn xem, ở trên cao, kia, ngay chỗ cùng trời. Sao *Tam-đế* đi ở phía dưới, và đuổi kịp; nhưng còn anh sao *J. de Milan* lười biếng kia, vì ngủ trưa quá, phải ở lại sau cùng, và bức mình, anh ta giở cái gậy ra để ngăn bọn kia lại... Vì thế, nên sao *Tam-đế* lại có tên là *Cái gậy của J. de Milan* nữa... Nhưng mà ngôi sao đẹp nhất, thưa cô, là ngôi sao của chúng tôi, là ngôi sao của người mục đồng, *l'Etoile du berger (sao Hôm, sao Mai)*, chiếu sáng cho chúng tôi ban sáng khi đánh cừu ra đồng, và cả ban chiều khi dắt cừu về. Chúng tôi cũng gọi tên nữa là *Maguelone*, cô *Maguelone* xinh đẹp, chạy theo cậu *Pierre xứ Provence (sao Thổ)* và cứ bảy năm lại lấy cậu ta một lần...

— Thế nào, mục đồng, sao cũng lấy vợ lấy chồng à?

— Có chứ, thưa cô...

Tôi đang cố giảng cho nàng nghe những cuộc lấy nhau ấy, thì tôi thấy một vật gì mát và nhỏ khe khẽ đè trên vai tôi. Chính là nàng buồn ngủ dựa đầu vào tôi, làm nhàu nát một cách đáng yêu những giải lụa, những đường ren và mái tóc uyển chuyển của nàng. Nàng ngồi như thế không động dậy cho đến khi các vì sao mờ đi vì ngày sáng đến... Còn tôi, tôi nhìn nàng ngủ trong thâm tâm cũng hơi hồi hộp, nhưng vẫn giữ gìn trong sạch được bởi cái đêm thanh ấy chỉ cho tôi những ý nghĩ đẹp đẽ mà thôi. Chung quanh chúng tôi, ngàn sao vẫn cứ chuyển đi yên lặng, theo nhau như con một đàn ; và, có lúc, tôi tưởng tượng rằng một ngôi sao ấy, một ngôi sao xinh xắn và sáng láng nhất vì lạc đường đã đến tựa trên vai tôi mà yên giấc ngủ...

THẠCH-LAM dịch

BÁC LÁI ĐÒ LAURENT

của EUGÈNE DABIT

Eugène Dabit là một văn sĩ thiếu niên trong đám bình dân Pháp. Văn ông giản dị, có khi giản dị quá, nhưng mạnh mẽ biết bao ! Chỉ đọc một đoạn thiên trích dịch dưới đây, và rút trong tập « Train de vies » (một đoàn đời, của ông đủ rõ. Đọc xong, ta không khỏi ngậm ngùi thương tiếc nhà văn hào đã xấu số chết non, (Dabit mất năm 37 tuổi) Nếu không, văn phẩm sẽ còn phong phú đến đâu.

..

Trích trong « Train de vies » (một đoàn đời) tác phẩm cuối cùng của Eugène Dabit (1899-1936)

Từ Paris đến Rouen, từ Conflans đến Tours, người ta gọi chàng là « bác lái đò Laurent »... Nhờ về một đời làm lụng chàng có bộ ngực nở rộng, hai cánh tay chắc chắn, hai cái chân không bao giờ mỏi mệt, và tiếng nói sang sảng đi xa. Mặt chàng quen chịu nắng, chịu rét, sắc đã rám, nét đã cứng cỏi, một gương mặt có vẻ tự hào, với bộ ria cụp, với hai con mắt xanh phản chiếu ánh nước sông. Chàng cần mẫn khéo léo.

vui vẻ, hòa nhã; chàng quen những người mở đập, những chủ đóng tàu và biết cư xử để không làm hại một ai.

Chàng thấy ngày tháng trôi mau và, như nước sông, chảy mãi không ngừng. Chàng lấy vợ ở một thành phố thở đầy than khói, tại miền Bắc: tóc nàng màu nhạt, giống tóc bà cụ Laurent; nàng giản dị, can đảm. Hai vợ chồng được một đứa con mà họ đã gửi về quê ở với ông bà. Những buổi chiều hè, ngồi phía sau thuyền, tay vịn bánh lái, trong chuyến xuôi cuối cùng trên sông Seine của chiếc « Adrienne », Laurent nghĩ thầm: « Đời cứ thế này mà nhắc đi nhắc lại mãi. » Menlan, Nantes, Bonnières, Vernon rồi Rouen. Chàng thuộc lòng những đảo xanh tốt thường ghé đậu thuyền, những luồng nước nguy hiểm của con sông, những nơi săn cá, những đập người ta dềnh dàng bắt dơi, và những hàng cơm người ta thường vào làm cốc rượu. Hôm qua, hôm nay, buổi mai bao giờ cũng thế, tháng ngày lăn đi như làn sóng sông.

Rồi một năm Laurent phải chật vật mới kiếm được hàng mà chở. Những công ty vận tải có từng đoàn tàu nhỏ, ra cạnh tranh với các chủ thuyền; bọn họ bắt đầu thả trên sông những thuyền buồm chạy bằng máy. Bên cạnh những thuyền sắt ấy, chiếc « Adrienne » uể oải, nặng nề trôi, nhẵn nhéo, tạn tã, chậm chạp như một ông già lội nước. Laurent nhận thấy nó ngắc ngoải sắp chết, dù chàng săn sóc buộc bó các vết thương cho nó.

Chàng cũng vậy, mỗi năm một tuổi, thêm già. Ngắm

bốn mùa thay đổi, chàng không vui nữa, mùa hạ với giòng nước sông bốc hơi khói dưới lửa trời, mùa thu với làn mây mù sương tỏa; mùa xuân không làm chàng rạo rức nữa; vợ chàng mặt kém tươi, mắt kém xanh; con chàng vào làm công cho một xưởng máy. Bây giờ, có khi chàng nghỉ việc hằng tuần, ở Rouen hay ở Conflans, Sainte-Honorine; chàng sửa sang lại thuyền Adrienne, nhưng ngày sung túc không thêm vội vã trở lại, mà Laurent thì túng đói, mòn mỏi.

Từ đó chàng thường lê gót trên các bến tàu. Chàng vào tửu quán gọi một cốc rượu rồi ngồi uống kẻ cà, nhấm nháp. Một đôi khi anh em bạn đến hàng, họ kêu: « Kia! Bác lái đò Laurent! » Chàng chỉ lắc đầu, tự biết rằng mình trụy lạc, rạc rời, vô ích như thuyền Adrienne của mình. Rồi một ngày kia chàng sẽ không đi sông nước nữa. Tiếng sóng vỗ đều đều sẽ không ru chàng ngủ nữa. Chàng nắm mạnh tay xuống bàn gọi một cốc rượu khác. Một lần chàng đánh nhau với chủ một chiếc tàu máy khá ố kia: chàng bị thua; chàng trở về thuyền Adrienne, người say mềm; lòng căm tức, hồ thẹn, chán nản.

Công việc đình đốn hẳn: chàng mất cả cái thú đi tìm kiếm việc. Ở một góc bến không người, thuyền Adrienne nằm mục nát với đoàn thuyền khác. Laurent không ngắm tới nó nữa, không sơn nó nữa, và nước ngầm ngấm thấm qua thân nó; mỗi ngày lại phải thụt. Nhưng Laurent có cần gì! thời vận tải phồn thịnh đã qua rồi. Trong những hàng quán bán thịt, chàng thuật lại đời mình cho bọn thiếu niên nghe:

những kỷ niệm của chàng làm cho chàng đau lòng và say sưa như khi uống rượu. Với thuyền Adrienne chàng đi sâu vào trong làn nước tối. Cha mẹ chàng qua đời; chàng bán nhà lấy tiền tiêu vì chàng không làm việc nữa.

Một ngày, chiến tranh bùng nổ bùng ra, chiến tranh, sự ô-uế ấy! Con chàng tổng quân bị giết. Mấy tháng sau, vợ chàng chết. Chết là may cho nàng: nàng tàn tạ, ốm o như thuyền Adrienne.

Còn một mình chàng ở trên chiếc thuyền của chàng. Trong hẳng giờ chàng đứng nhai bồm bẻm, nhìn nước chảy, nhìn chiếc tàu đi qua dắt theo sau một đoàn sóng với những ngọn cờ gió đưa bay phấp phới.

Tới khi hết tiền, chàng bán thuyền Adrienne cho một người buôn sắt vụn để kiếm lấy miếng ăn. Một buổi chiều chàng đi Paris, đến trọ bên bờ vịnh-hà Saint-Martin, trong một hàng cơm bán thổi. Nhưng đứng ở cửa sổ, chàng trông thấy những sóng chậm rãi đi trên giòng nước đục ngầu.

Người ta quen biết chàng nên chàng kiếm được việc làm. Chàng kéo giây thuyền ở xóm Villette, theo giọc sông Saint-Martin. Hồng, hồng! Giây cọ sát như cưa vai chàng.

...Chàng mặc rách rưới. Chiếc áo lót phong phanh để hở bộ ngực đầy lông: chẳng mấy khi chàng đến tiệm cạo, nên mặt chàng râu ria đâm tua tủa. Bây giờ người ta gọi chàng là bác khỉ độc Laurent! Chàng không tắm rửa nữa! Ôi! Chàng không còn yêu mến, thêm thưởng nước như xưa. Sạch sẽ, ngăn nắp, sung

sương đều là những ý tưởng đã chết hẳn trong tâm hồn chàng.

Những buổi chiều hè, chàng nằm dài trên sườn bờ vận-hà, gần công viên Jean Jaurès. Chàng nhìn chiếc tàu giặt, trên đó các ông thợ giặt cầm chày đập quần áo, và, xa hơn một quãng, những chiếc thuyền mang tên các tỉnh mà chàng đã qua trong thời niên thiếu. Chàng nằm mãi trên cỏ tơ, bên cạnh bọn phu vác; chúng gọi chàng là thủy thủ nước ngọt, vì suốt đời chàng chỉ quanh quẩn trong sông, đó là một sự thực. Chàng đáp lại, rồi cắt thẳng: uế oải, chàng xuống bến Jemmapes.]

Chàng đã trọ trong khắp các hàng quán giọc bến: ở hàng nào chàng cũng bị sự khốn quẩn đuổi ra. Chàng trông thấy dựng lên những nhà mới; ở xóm ấy cũng vậy, mọi vật đều theo thời gian đổi khác. Chàng dừng gót trước nhà « Poliet và Chausson »; Những thuyền nhỏ, trắng như thạch cao nhấc chàng nhớ tới vận-hà Berry; một lần chàng đã đi sông ấy trên chiếc suồng của một người bạn nghề. Chàng từng từng bách bộ vượt qua viện tế hàn Benoit Malon, vì chàng ngủ ở chuồng ngựa của một nhà vận tải bằng xe. Vừa đi, chàng vừa liếc con mắt thêm muốn nhìn vào những tủn điểm: kính trong hàng ném ra những ánh lửa. Khi chàng bước vào hàng, người ta kêu: « Kia ! bác khỉ độc... Laurent ! » Chàng uống nửa cốc rượu đỏ, thản nhiên, chẳng để ý đến một ai.

Các tuần lễ cứ như thế trôi đi. Chàng không có gia đình nữa, nhưng từ xóm Villette đến Bastille ai

nấy đều quen biết chàng. Một lần ở đập « Thuyền xướng », chàng đã đóng một vai trong cuốn phim chiếu bóng « Hai đứa trẻ » : chính chàng đã mở cửa đập cho hai đứa trẻ trốn đi. Người ta nói đến việc ấy ở trên bờ vịnh hà nên một đạo chàng đã trở lại với cái tên « bác lái đò Laurent ».

Bây giờ thì hết, Laurent nhận biết mình là vô dụng. Tém lại, đời chàng qua rất chóng. Có một thời, chàng là một tay trai tráng giàu lòng quả cảm, và về mùa đông cũng vậy, chàng bơi lội vui thích, một thời công việc không làm chàng sợ hãi, và bơi thuyền trên một con sông lạ đối với chàng là một sự mạo hiểm đầy thú vị. Ngày nay thì chàng chẳng thêm muốn, ước mong một sự gì nữa.

Chiều hôm nay, chàng vào một tửu điểm : ở đây người ta còn cho chàng uống chịu. Hằng giờ chàng ngồi « nhai lại » những kỷ niệm như các ông già. Chủ điểm thu dọn bàn ghế. Thôi, phải ra ; chàng đứng dậy.

Hôm ấy là một ngày tháng một. Laurent rét ; chàng áp vạt áo mỏng che ngực, gù hai vãi xuống, thọc hai tay vào túi rộng, đèn cây đều tắt, nước tối âm u. Nhưng chàng có thể nhắm mắt mà tiến bước được, vì chàng thông thuộc đường lối như đi trong nhà mình : Ở đây có một công ty : công ty mỏ kẽm ở miền thượng du xứ Bắc-kỳ và xứ Lào ; những tên ấy làm chàng mơ mộng. Laurent, thủy thủ nước ngọt ! Xuống một quãng, có những nơi chứa đồ ních chặt biết bao thứ quý lạ, lợi ích. Chàng.

chàng chẳng có một tý gì : da chàng, và chốc nữa chàng sẽ ngủ trong rơm, chàng sẽ nghe tiếng đuôi ngựa đập sườn. Như ngày tốt đẹp trên thuyền Adrienne. Hừ ! chàng không phải là một thằng què quặt bỏ đi, chàng đã được hưởng một phần hạnh phúc, phần hạnh phúc mà chiến tranh và bọn cự phú đã cướp mất. Vợ, con, bạn, thầy đều qua đời như những kẻ chết đuối trong sông. Xa một quãng nữa, có một xưởng than : chàng đã làm việc ở đây trong vài tuần lễ. Bây giờ, các suồng đều chạy bằng máy, và người ta đóng mỏ đập bằng trục điện. Song những bao nặng năm mươi cân, tuổi già của chàng không vác nổi nữa. Vả lại, vác làm gì ?

Chàng dừng lại, tự nhủ thầm : « Sao cứ sống mãi ? » Chàng cảm thấy rằng chỉ việc bỏ rơi mình xuống sông, để giòng nước trôi đi là sẽ có thể gặp mặt vợ, gặp mặt cha mẹ ở nơi thủy phủ. Như thế này này, đưa người về đằng trước một tý, can đảm hơn lên một chút, Laurent ơi, thế là xong đời.

Một cơn gió làm dẫn mặt nước, chàng nghe thấy một tiếng kêu se se. Đó là tiếng hát của con sông, tiếng mà chàng quen lắm, tiếng sóng vỗ mạn thuyền Adrienne. Làn nước xám, lam, lục, màu thay đổi luôn luôn, mà chàng đã yêu hơn yêu vợ, và nó đã đem hết ái tình ra yêu lại chàng. Tưởng đến sau này phải nằm ngủ giữa đám đất dày, nặng, ý nghĩ ấy làm chàng khiếp sợ. Chàng vẫn nhích gần lại, trông thấy bóng mình chìm đáy nước, hình ảnh thắm sâu của một chàng Laurent đang gọi.

Nhưng chàng lùi lại. Đã biết bao lần chàng trông thấy cứu vớt kẻ chết đuối, mặt xanh nhợt, chân tay sưng bủng, quần áo dán sát vào thân thể. Mỗi khi vớt được xác, những người coi đập nhận được một món tiền thưởng. Nếu chàng rơi xuống sông ở quãng này gần phố Grange-aux-Belles thì chắc thằng cha Coquereau to lớn kia sẽ dùng cu liêm kéo chàng lên. Và nó sẽ kêu : « Lại một anh Do-thái ! » rồi sẽ tiếp : « Ô này ! bác khỉ độc Laurent, rõ thương hại lão già ! » Một lát sau, bạn bè sẽ đi uống cốc rượu ở hàng cà-phê « Hàng-hải ». Laurent làm như thế...

Nhưng, chàng không nhúc nhích. Nước chảy, chảy không ngừng, gieo xuống chân đập, và xối bọt lên ; trong giờ lâu chàng nghe tiếng ào ào. Rồi chàng ngược mắt nhìn dãy nhà đen, những xưởng máy với hàng ống khói như những cánh tay giơ thẳng lên trời ; bỗng chốc, chàng vụt thấy một bọn người xúm xít quanh mình, và cười đùa chế giễu ; bọn người ấy, không một ngày nào là không hống hách, đe nạt chàng, ngay từ hồi họ bắt đầu thả xuống sông Seine đoàn tàu máy của họ. Chàng muốn xa lánh bọn họ, nhưng thấy chân mình cứng nhắc ; chàng muốn rời khỏi Paris, ngắm lại một lần nữa những cảnh rộng mênh mông làm man mác tâm hồn, những bờ sông đầy hoa cỏ và rì rào cùng tiếng sóng vỗ, những bến nhan nhản những thuyền mỗi một năm kẻ mạn.

Chàng cố ráng sức, đá một chân ra phía trước, vấp vào cái giây chèo buộc thuyền ; chàng hất cẳng, rơi vào quãng không, miệng kêu sẽ sẽ : « À ! » : đó là

lời than phiền, mà đó cũng là một hơi thở sung
sướng.

KHÁI-HUNG dịch

VƯỜN MẪU ĐƠN

của NAGAI KAFU

Sau trận Nga-Nhật, luống tư tưởng của phái Tự-nhiên bỗng thêm nhiệm hầu khắp nền văn chương Nhật-Bản.

Nhưng có một nhóm văn sĩ đứng tách ra ngoài. Trong số những nhà văn độc lập ấy phải kể Nagai Kafu. Ông sinh tại Đông-Kinh năm 1879 và hiện nay sống đời độc thân ở vùng ngoại ô kinh thành. Thông thuộc xóm cô đào (geisha) thì không ai bằng ông.

Sau cuộc du lịch ở Pháp về, ông cho ra nhiều tác phẩm tân kỳ đặc biệt, có tính cách khoái lạc, phóng lãng, ý tứ tinh tế, tiếm xả không ai bì kịp.

Những trứ tác của ông là : Oboro-Yo (Đêm trăng mờ) Jigoku no Hana (Hoa địa ngục) Kanraku (Phóng đảng) Reishô (Lãnh trào) America-Monogatari (Mỹ-châu ký sự), France-Monogatari (Pháp-quốc ký sự), vân vân...

Ông đã dịch Nana của zola sang chữ Nhật.

Ngày hôm đó, nhân một việc bất ngờ, nàng Hồng-Liên và tôi xuống một chiếc thuyền nhỏ, chuyên chở khách từ Lưỡng-quốc kiều đến hồ Bản-sở, rồi chúng tôi đi xem hoa mẫu đơn.

Hồi ấy về cuối tháng năm, không biết đã đến thời kỳ hoa tàn chưa. Truyện đã xảy ra như sau đây :

Chiều hôm trước, tình cờ chúng tôi gặp nhau ở rạp hát, rồi chúng tôi cùng nhau qua một đêm ở phòng ngủ tại Đề-nhất-hộ. Tôi định sáng hôm sau về nhà sớm, nhưng vì mưa cản trở phải nản lại ; đến chiều trời mới tạnh. Suốt ngày bị giam cầm trong gian phòng nhỏ nên khi bước ra ngoài phố, tôi thấy dễ chịu vô cùng. Gió nhẹ ở mạn sông thổi vào càng làm tôi hớn hở.

Hai chúng tôi qua Dương-liều kiều một cách tự nhiên. Mùa hạ sắp tới, chiều nay sau trận mưa, trời quang đãng làm cho tôi có cảm tưởng như mới bắt đầu buổi bình minh và ngày bỗng như kéo dài ra. Những đám mây giống như những bức vẽ của các họa sĩ trường Thú-dã phác theo hình tròn trên trần các đèn tản mát khắp trời. Trên nền trời xanh, đây đó điểm những đám mây màu đỏ chói, trông đẹp mắt vô cùng. Mặt nước một màu xanh thẫm, gần như đen vì nước triều tràn lên sông Thần-diễn, phản chiếu ánh mặt trời sắp lặn, đằng xa, sau vừng cây ở Minh-thần-tự trông giống như một tấm gương vừa đánh bóng.

Đến ngành Thần-diễn-giang, thì con sông ăn rộng ra. Ở đây có tụ họp nhiều thuyền bè, còn màu nước sông trông lại đẹp hơn ánh mặt trời tàn. Lá liễu xanh rờn ở hai bờ sông trồng xen giữa những cột đá hình chữ nhật lả lướt trước gió. Người ta không còn nghe thấy tiếng đàn tam đánh tập trong các kỹ viện trên bờ. Dù gần về chiều, nhưng mỗi khi có một đám mây tản ra, cảnh vật lại sáng thêm, nên ta có thể

không những nhận rõ được mặt các lữ khách, mà quần áo họ, mà còn nhìn thấy rõ ràng cả một thành phố, trận mưa vừa rồi đã làm nên quang đăng và tĩnh mịch. Trên đường, các thiếu phụ đi lại nói truyện, họ vừa ở nhà tắm ra, tay còn cầm khăn và quần áo. Gáy họ trắng rất đẹp, đẹp đến rùng mình. Những lữ trẻ con đã chạy ra sân rồi. Gần đấy, tiếng xe điện chạy không ngớt. Xa xa một tiếng còi tàu thủy nổi lên không dứt...

Ở thượng tầng Quy-thế-lân, cái mái lớn như ngà đến tận mặt nước, bỗng có những tiếng đàn tam đồng vọng ra. Trước hàng rào gỗ ngăn Long-hồ đình còn dẫm nước mưa, đỗ hai cái xe tay mới sơn, ở chân xe có thảm đỏ. Ở ngay cửa lớn, gần cây dương-liễu, một kỹ nữ thoăn thoắt đi vào, tay nâng vạt áo có thêu dấu hiệu họ mình và dưới tà có thêu hoa ; một vũ-nữ trẻ mặc áo lụa Hữu thuyền in hoa sắc sỡ cùng theo nàng vào. Những khách qua đường đều ngơ ngác quay lại nhìn hai nàng.

Nàng Hồng-Liên bảo tôi :

— Thôi ta đi ! Rồi nàng tiến về con đường lớn, về phía Lương-quốc kiều.

Tôi liền bảo nàng :

— Bây giờ em về nhà ngay sao ? Có cần phải gọi xe không ?

Song Hồng-Liên cứ bước và khẽ lắc đầu. Tôi để cả tâm trí ngắm cảnh trời muôn về chiều mở rộng ra giữa phố lớn và con sông nông. Đến chân cầu chúng tôi sức ngửi thấy mùi thức ăn ở một hàng cơm nào

gần đây xong ra. Ở chỗ này, nào xe điện đi đi lại lại, nào những tốp người đứng đợi, và những xe chở khách qua cầu, tất nập cản trở cả lối đi. Bỗng tôi cảm thấy một cách quá chân thật giữa tôi đi dạo phố với một kỹ nữ và cái xã hội nhộn nhịp không một phút ngừng kia có một vực sâu không chút giây liên lạc, mỗi đảng noi theo một số mệnh một chí hướng. Những cảm tưởng yên tĩnh này rất có thể do ở tâm hồn tôi cảm thấy mỗi khi chiều xuống. Nhưng đồng thời cũng vì tâm được yên tĩnh và không vì một lẽ gì cưỡng được một mối buồn vô cớ cứ tự nhiên đến xâm chiếm linh hồn. Buồn không phải vì biệt ly cũng chẳng phải hối hận đã đi suốt ngày với gái giang hồ mà cũng chẳng phải vì trông giòng nước chảy. Không, tôi chỉ cảm thấy càng một lúc, như trong các mộng khác, tất cả các thứ vui của đất đế đô có thể hiến cho những người sinh trưởng ở đây mà riêng tôi đến ngày nay đã hầu hưởng hết.

— Này coi chừng ! Nàng kéo tay áo gọi tôi khi tôi qua đường xe điện, rồi nàng đọc những giòng chữ trên một tấm biển chia ra phía sông.

— Thuyền nhẹ, chở khách đi xem hoa mẫu đơn ở Tứ-cô-mục, người lớn bốn xu.

— Chúng ta đi chẳng ? Tôi hỏi nàng.

— Vâng, em chưa bao giờ được đi. Nàng trả lời tôi bằng một giọng trong trẻo, đầy nghị lực, tôi chưa từng nghe thấy lần nào.

Chúng tôi cùng bước lên một chiếc cầu đặt trên

mấy tảng đá ở bờ sông, lại qua một chiếc thuyền cũ rồi mới xuống một chiếc thuyền nhỏ trong khoang có giải chiếu.

Anh lái đò, một gã chừng hai mươi hai, hai mươi ba tuổi, mặc một cái áo lót bần, bên ngoài thêm một cái áo gi-lê, đang nói truyện với một phượng bạn ở chiếc thuyền không buộc gần đây. Hình như chúng tôi đến đã làm cho anh ta thêm nghị lực, nên đang ngồi xồm, anh nhẩy lên, vươn lưng, trong tay còn cầm chiếc diều nhỏ anh vừa hút, vừa lớn tiếng chào khách đi trên đường mà đứng ở dưới thuyền chỉ trông thấy chân bước đằng sau bến đá.

— Thuyền sắp nhỏ sào ! Có ai đi xem hoa mẫu đơn ở Bản-sở không ?

Tôi phải bảo anh ta nếu đợi khách nữa thì đến nơi mặt trời lặn đã lâu rồi. Tôi bằng lòng giả hăm nhằm xu nếu anh ta cho thuyền đi ngay. Anh lái vội thả bơi chèo xuống nước và bảo tôi :

— Thưa ngài, mùa tươi đẹp đã đến,

Anh ta đặt xuống chiếu cái khay có đề cái lò con đề châm diều.

Nước chiều vừa lúc lên to, vì thế giòng sông chảy chậm. Thuyền chỉ nhờ có bơi chèo mới tiến được, nên chỉ hơi tròng trành. Tôi bỗng nhớ đến một thú vui êm dịu thời thơ ấu, người nhũ mẫu dụ tôi : « Ghi cô, ghi cô, thuyền kia đi về đâu ? » (1)

Tôi ngấm sự nhộn nhịp buổi chiều : nhiều người

(1) Bắt chước tiếng động bơi chèo.

vơ vẩn dựa vào thành hàng rào sắt, chỗ xe điện và, xe tay đi lại rầm rập ; những chiếc thuyền nhỏ, không một lúc nào ngừng, chiếc vào bến, chiếc rời cầu, những chiếc cầu trông như những cái hộp, còn hành khách thì tấp nập lên lên xuống xuống...Càng xa Nhật-bản kiêu bao nhiêu, chúng tôi lại càng thấy hiện ra những khoảng đất mới, rộng mông mênh; quá một tí nữa, thấy cả Tân-phố ở đằng xa. Trên các mái nhà đã hiện ra những biển rao hàng ánh sáng rực rỡ trong buổi nhá nhem tối. Trên bầu trời rộng, một đám mây đen tiến lên, lướt qua mặt trời tàn, rồi phủ cả hai bờ ngành sông. Ở xa tí, chỗ hết tầm mắt, cái cầu lớn toàn bằng gỗ bắc qua sông trông như bò trên mặt nước. Xa hơn tí nữa, ống khói các xưởng nhả lên trời những làn khói đen nghịt. Đến ngay giữa sông, chúng tôi theo kịp cái phà đi trước chuyên chở khách từ Tân-phố đến Nhất-cô-mục. Trên phà có một gã, trông như một anh đi rao hàng, đeo trên vai một gói hàng lớn, ngoài bọc vải bông màu vàng nhạt. Gần anh ta có một thiếu niên đẹp trai, đầu trần, khoác một cái áo nhẹ, hở đến thắt lưng, trông thật rõ là một tay ăn chơi.

Vừa lúc đó một chiếc tàu nhỏ vượt qua, sóng làm tròn tránh thuyền chúng tôi, chiếc phà càng trông tránh hơn. Sóng lướt trên sông, bọt trắng xóa giạt vào bờ, ở ngay chỗ bắt đầu Tân-phố, có những cây rậm rạp.

Thuyền chúng tôi nhờ mũi nhọn như những chiếc đánh cá nên chỉ một lúc là vượt qua chiếc phà rồi tiến

về ngành Quán-giang. Phong cảnh đến đây đã thay đổi, khác hẳn thời xưa, hồi còn có luôn luôn những cuộc hòa nhạc ở Chỉ-thôn-lâu. Trên những vườn hoang, người ta đã dựng lên những ngôi nhà, giống như những quán rượu nhỏ có một từng gác : hai thiếu phụ tóc quăn theo kiểu các thiếu nữ phái trung lưu, đang dựa bao lơn hóng gió và ngắm giòng sông.

Anh lái đò trông thấy liền cất tiếng bông đùa :

— Chiều nay đẹp quá !

Hai nàng yên lặng trở vào, vẻ sợ hãi.

Tôi hỏi anh ta, anh đáp tôi, vẻ ngạo nghễ :

— Thưa ngài đó chính là ba nhà thanh lâu. Bọn gái điếm ấy thật đã khéo chọn chỗ xây tổ.

Nàng Hồng-Liên nhả mặt tỏ khó chịu, lấy tay chạm vào đầu gối tôi và bảo :

— Anh cho em hút thuốc lá nhé ?

Gã lái đò quay mạnh lái về phía bờ đá, rẽ thuyền vào con sông đào. Một lát sau thuyền luồn qua một chiếc cầu có đóng một tấm biển đề mấy chữ « Đệ nhất kiều ». Sông đào không hẹp lắm ; theo suốt giọc sông tụ họp thuyền bè đủ các kiểu, chở tất cả các thứ hàng hóa. Giờ nghỉ đã đến, các lái đò thanh thoi hút thuốc nhìn trời. Một vài người dùng khăn xuống nước lau mồ hôi. Những người đàn bà, con đeo trên lưng, róm lửa đốt lò hay vo gạo. Phần nhiều họ đốt những than cháy dở còn lại, vì thế hơi xông lên rất khó chịu. Ngọn lửa lấp lánh, phản chiếu xuống nước. Nàng Hồng-Liên tò mò nhìn tất cả những cảnh đó.

— Ra họ ngủ cả trên thuyền ? nàng hỏi tôi.

— Chính thế.

— Thích quá nhỉ! Xa hẳn được cảnh đời náo nhiệt...
Vừa nói, nàng vừa nhìn tôi.

Tôi nói :

— Hà tất ta nhắc đến chuyện cũ làm gì. Mình có thể như xưa được nữa đâu.

Nói thế, song tôi cảm thấy buồn lạ lùng. Trước kia, đã có hồi chúng tôi chung sống với nhau ở Trúc-dià-gia. Sau sáu tháng ăn ở với nhau, chúng tôi lại thỏa thuận xa nhau, nàng lại trở về nghề ca kỹ.

— Anh còn muốn chúng ta lại chung sống như xưa không?... Anh ghê sợ sao?

— Không. Không phải anh sợ gì, nhưng rồi cũng lại như trước, chúng ta sẽ lại chán nhau ngay.

— Vâng... Nhưng cứ kéo mãi cái đời ca kỹ, em buồn quá.

— Nay dù em muốn làm gì em cũng vẫn buồn. Nếu em lập gia đình thì lại càng chán hơn. Hay hơn là ta hãy đợi đến năm em ba mươi, anh ba mươi, ba mươi sáu, nghĩa là chỉ ba, bốn năm nữa thôi. Trong thời gian ấy chúng ta hãy sống với một tâm hồn trẻ trung không chút ưu phiền. Có phải tự ý em, em đã lấy tên nhà chủ mở một kỹ viện riêng là gì?

— Vâng, chính thế. Song đứng về một phương diện em thấy vì em anh phiền lòng hơn khi xưa ta chung sống với nhau, nghĩ thế nên em lại muốn quay lại sống với anh như trước.

— Em nghĩ cũng không phải là sai, song ta thử ngẫm : một khi người ta đã quen sống trong một

thời kỳ một cuộc đời khoáng đạt, vui vẻ, sau đây có tính lại, người ta cũng không thấy ân hận điều gì về những món tiền phung phí trong các tửu điểm, cao lâu; song nếu ta cứ đủ ngồi nhìn những sự ưu phiền hàng ngày, ta sẽ thấy đời người chán và vô vị lạ. Ví như em, có đi xem hát với bạn bè, đến dự lễ một đào nương mới ra đời, hay phải săn sóc một cái quà cáp nào đem cho kẻ khác thì em đem hết ý tứ ra, nhưng nếu phải làm tờ khai máng nước, hay đem trước bạ con dấu, em có thấy rằng như thế là rất khó chịu không, em có vui lòng làm không ?

— Vậy thế thì cứ để thời gian trôi chảy, chúng ta chẳng bao giờ nên vợ nên chồng sao ?

— Anh không có ý nói thế, nhưng chúng ta hãy để luống tuổi hơn nữa ; đợi khi ta không còn ước ao đến tình ái của kẻ khác và ngay chính chúng ta cũng không còn tình yêu, lúc các thú vui qua đi lòng ta cũng không nhớ tiếc. Sớm hơn, ta sẽ buộc cho nhau những nỗi ưu phiền, người này ngờ người nọ : « Chẳng biết chàng có chung tình không ? Nàng có phụ ta không ? »

Giữa chúng ta sẽ xảy ra những xung đột, ta sẽ nói với nhau những lời cực cần, mà chẳng qua cũng vì chúng ta muốn trông gặp nhau luôn, vì chúng ta yêu mến nhau quá. Vậy đợi khi nào nói đến lập gia đình hay sống cách biệt nhau, ta cũng đứng đưng, tình tình ta bình thản hơn, lúc ấy hãy chung sống với nhau có phải sung sướng hơn không ?

— Chao ôi ! Thế ra đời chẳng vui gì.

— Chính thế, có gì là vui.

Thuyền chúng tôi lượn qua chiếc cầu thứ hai, trên có đường xe điện chạy. Chúng tôi nhìn được đến tận chân trời giòng sông thẳng.

Thuyền qua một chiếc cầu gỗ nữa rất thấp, rồi ngay đấy chúng tôi lại trông thấy chiếc cầu thứ tư. Ở hai bên bờ sông, những lũ trẻ tụ họp chơi đùa đông như kiến. Chẳng những chúng đùa nghịch trên các cầu, mà bất cứ có khoảng đất nào bỏ không ở gần nước là lại có những tụi mất dạy, con gái nô đùa chẳng kém con trai.

Chúng kêu thét không còn biết gì là mệt, từ bờ bên này gào sang bờ bên kia :

—Cái đầu lão Kim-thái-Lan bên ấy dài thừa ba đốt.

Chúng tôi có cảm tưởng những tiếng lanh lảnh đó lướt trên mặt nước như đuổi theo làm cho thuyền chúng tôi đi nhanh hơn lên.

Buổi hoàng hôn hôm nay không một hơi gió càng làm lửa cái lò bếp trên các thuyền rực rỡ thêm, còn màn các tường trắng các nhà lớn trên bờ phản chiếu xuống nước vẫn giữ nguyên được màu trong trắng.

Song những đồng củi thì đã ngã bóng tối đen. Đây đó, gần các cầu, bọn lái buôn dựng các bó nứa nhọn hoắt trông như đe dọa trời. Nhưng chẳng có chỗ nào phong cảnh thay đổi hẳn. Lúc đầu chẳng có gì đáng gọi sự tò mò của chúng tôi, chiếc thuyền lắc lư chỉ làm cho chúng tôi thêm mệt và khó chịu. Ngồi trên chiếu, chúng tôi mỏi rần cả lưng.

—Sông này chảy đến đâu ?

— Đến tận Quy-giang-hộ...

— Từ đây đến vườn mẫu đơn còn bao xa ?

— Ngay đằng kia, chỗ cái cầu thứ ba, rồi từ đây không còn bao lâu.

Hồng-Liên và tôi đều ngáp dài.

— Này em, anh tưởng như em thì không còn muốn tìm một kếp hát để kiếm tiền nữa.

— Không, điều đó thực vô nghĩa lý. Dù hán có cho tiền, em cũng từ chối ngay. Xưa kia, khi ai trêu đùa em với bọn kếp hát, lòng em còn thấy sung sướng, nhưng nay, có ai bông lơn, em cũng chỉ trả lời : « À ra thế ! » vì em cũng chẳng vui cũng chẳng buồn.

— Anh cũng nghiệm thấy thế. Ngay đến những truyện bàn về người khác, anh cũng dừng dừng. Nhưng em xem, dù sao chẳng nữa, nếu chúng ta cứ chung sống với nhau bây giờ thì chắc cũng chẳng hơn gì lần trước.

— Thật ư ? Nếu vậy em muốn chúng ta cùng chết.

— Nếu chết được cũng không phải là dở...

— Song thiên hạ họ dị nghị.

— Phải, người ta sẽ bịa đặt, thêu dệt đủ điều. Song đến ngày thứ ba, thì chúng ta và cái chết của chúng ta, họ đều quên hết.

— Vậy thế không đáng chết sao ?

— Thật không đáng.

Nói xong chúng tôi lại ngáp dài.

— Vì thế anh nghĩ, tốt hơn là em không nên bao giờ nghĩ đến những sự điên rồ như thế, cứ sống giản dị,

không chồng con, không tình ái.

— Vâng, một người như anh đã nếm đủ các thú vui, rất có thể sống không vợ con, đến thế thì còn bàn cãi làm gì ?

— Còn em ? Em chẳng vừa nói rằng em đã chán những bọn kép hát là gì ?

— Bọn kép hát, vâng, thật em chán họ ; nhưng một kép hát có phải là một người chồng đâu ?

— Vậy ta cứ nói một cách giản dị thì kép hát hẳn cũng là một người đàn ông chứ ?

— Vâng, rất phải. Một khi người ta bị khắp mọi người ruồng bỏ, không thể nghĩ đến ai mà nhủ thầm rằng : « Đó là người yêu của ta », thì tất nhiên sự cô đơn cũng chỉ là một trạng thái thông thường. Song khi người ta còn thấy những kẻ quanh mình cũng cảm động, cũng khoe, cũng cười với mình, ta sẽ phải ngạc nhiên. Vậy như anh, anh có muốn thử một lần không ? Hay ta mang nhau lên núi ở, xa hẳn nơi náo nhiệt...

Như thế không được lâu đâu. Em nghĩ mà xem, dù ta ra ở ngay bờ bể Xương-trấn, ta cũng không thể ở đến quá một tuần lễ.

— Vậy không còn cách gì hơn nữa sao ? Thế thì khổ thực !

Anh lái đò bỗng nói to : « Thưa ngài, đã đến nơi ! » Anh ta cho thuyền áp gần một chiếc thuyền khác đậu xen ở giữa hai chiếc nữa, hai bờ thuyền có thể dùng làm bậc lên bờ được. Ngay trước mặt chúng tôi là chỗ xe tay đẩy. Vừa lên bờ, ở phía trước một

phổ hẹp, ngay trên tường Kiến-nhân-tự có treo một cái biển con đề mấy chữ : « Vườn mẫu đơn ».

Ở miền ngoại ô ướt át, đường bẩn lấm. Nàng Hồng-Liên và tôi tránh các vũng nước, qua một cái cửa, rồi vào một con đường lát gạch, hai bên bờ bày những chậu hoa, và có những cây cổ thụ lớn. Cuối vườn bóng tối đã phủ vì những chiếu căng lên che mưa cho hoa.

Chúng tôi đến nhằm lúc mấy nữ lý đang đi quanh vườn, châm lửa vào hàng nghìn ngọn đèn treo thấp dần,

Những bông hoa mẫu đơn giống từng hàng ẩn hiện mập mờ trong bóng hoàng hôn và dưới ánh sáng vàng nhạt các ngọn đèn. Nhiều cánh hoa đã tả tơi rơi dưới đất ; những bông còn lại để lộ những cánh úa trên đài đen.

Nếu những bông hoa này để ra ngoài nắng gió thì đã rụng rồi, nhưng người ta tàn bạo bắt hoa ở lại cho đến lúc tàn hẳn mới thôi. Mỗi bông hoa tàn thoát ra một cảm tưởng mệt mỏi, chán chường, làm tôi bỗng liên tưởng đến tâm trạng của hai chúng tôi lúc đó. Chúng tôi lặng ngấm, các cánh hoa như nhũ thăm nhau rồi đồng lòng nặng nề rơi xuống đất. Vậy mà một ngọn gió nhẹ cũng không có, một tiếng chân động cũng không. Vài cánh hoa rơi trên đồng lá đen. các cánh khác tả tơi rơi xuống mặt đất, chỗ có ánh đèn chiếu đến. Mùa hoa đã hết và lúc này đã muộn, nên không có du khách nào đến sau chúng tôi nữa. Về phía phố, men theo sông, tiếng trẻ con đùa nghịch

còn vọng lại, thỉnh thoảng tiếng bát lại dội lên, tưởng như bọn chúng mỗi lúc một đông.

— Mẫu đơn Bản-sở chỉ có thể này ư ?

— Ấy chính người ta thường bảo, những vật quý giá đối với kẻ muốn biết rõ ràng vẫn chỉ làm cho thất vọng thôi.

— Thôi chúng ta về đi.

— Ừ thì về.

VŨ-MINH-THIỆU dịch.

TÔ TIÊU MUỘI

KIM CỎ KỶ QUAN

Kim-cỏ-kỷ-quan là một tập đoản thiên có giá trị của văn chương Trung-hoa, về đời Thanh. Chúng tôi chọn dịch truyện sau đây là vì muốn giới thiệu với độc giả một gia đình có tiếng vào bậc nhất ở nước Tàu về đời Tống, nhà họ Tô : cha là Tô-Tuân và ba con là Tô-Thức (Tô-đông-Pha , Tô-Triệt, Tô-tiêu-Muội. Cả bốn cùng văn chương lỗi lạc nhất một thời.

• • •

Bắt đầu ngay từ thời Hồn-độn, đạo Càn thành trai, đạo Khôn thành gái. Tuy rằng Tạo-Hóa vô tư, Âm, Dương vẫn phân thứ vị. Dương động, Âm tĩnh. Dương cấp, Âm nhận. Dương ở ngoài Âm ở trong. Vì thế, nam tử chủ việc bốn phương, nữ tử chủ việc một nhà. Chủ việc bốn phương thì đội mũ, đeo đai. Đó là đẳng trượng phu, ra ngoài biên thùy làm tướng võ, trị việc trong nước làm tướng văn, không một việc gì không đương nổi. Vì thế, cần phải bác cổ, thông kim, biết quyền, biết biến. Chủ việc một nhà thì tóc vấn, lược cài, áo xiêm tha thướt. Bốn phân một ngày chẳng qua nước, cơm ba bữa. Bốn phân

một đời chẳng qua sinh trai nuôi gái. Con nhà đại gia khuê các thì tuy có học đấy cũng chỉ cần biết những chữ họ tên ghi chép được sổ sách. Họ lại không thi khoa cử, không cầu danh dự. Việc văn thơ họ tính không can thiệp.

Nói chung thì như thế. Song mỗi người một tính chất, ai dễ giống ai! Có hạng con gái ngu xuẩn, dạy cho biết được hai chữ khó như lên trời. Có hạng con gái thông minh, chỉ đọc qua một lượt là thuộc, không học ai mà hay chữ, ngâm thơ cùng với Lý. Đỗ tranh cường, làm phú cùng với Ban, Mã đấu thắng. Khi đẹp núi sông như đã ngẫu nhiên chẳng chung đúc ở bên nam mà chung đúc ở bên nữ vậy. Như thời Hán, trong họ Tào có em gái Ban Cố; nàng thay anh soạn tiếp trọn bộ Hán sử. Lại có nàng Thái-Diêm chế ra mười tám nhịp Hồ-gia, lưu truyền hậu thế. Thời Tấn, nàng Tạ-đạo-Uần, cùng các anh vịnh tuyết, có câu «liễu như nhân phong», các anh đều không kịp. Thời Đường có thượng quan Tiệp-Dự. Vua Trung-tôn truyền nàng phẩm bình văn thơ của triều thần. Nàng khen chê không sai một lời.

Đến như những phụ nữ xuất sắc về thời Đại-Tống lại càng nhiều hơn. Trong số đó chỉ hãy kể nàng Lý-dị-An và nàng Chu-thục-Chân, cả hai đều xưng bá trong văn chương khuê các, đều có tài nơi hàn-nyễn nữ lưu. Đáng lẽ hai nàng phải xứng đôi với những bậc tài tử thông minh. Có sao nguyệt lão lại chưa lầm trong hôn bả khiến hai nàng đều lấy phải chồng vô tài, vô học. Để đến nỗi đã tỏ tình oán hận,

bút trát còn lưu.

Nàng Lý-dị-An có soạn một thiên « Thương Thu »
để gửi trong âm điệu tất cả lòng ngạo mạn của
mình :

Kiểm tìm rất mực !
Lạnh lạnh, trong trong...
Thê thê thăm thăm... Bội bực !
Tiết trời vụt ấm vụt rét...
Băn khoăn rạo rức !
Tiếng nhận qua...
Đau lòng ta...
Ấy thời xưa người tương thức.

Hoa vàng ngồn ngang đầy đất
Ôi ! tiêu tụy !
Ngày nay ai người cứu vớt ?
Ngồi tựa bên song
Một mình, âm thầm u uất
Lấm tấm mưa bay
Hoàng hôn điểm điểm rơi từng giọt...

Mùa thu tới, chông ra đi, vàng Chu-thực-Chân,
một mình dưới đèn sầu muộn. Bỗng nghe ngoài song
có tiếng tí tách, liền ngâm thành một thiên tuyệt
điệu :

Ruột thắt lòng rầu lệ chứa chan
Sợ hoàng hôn lại, lại hôn hoàng.
Kham sao mưa lạnh đêm thu mới ?
Bạn với thâu đêm chấm lửa tàn.

Đời sau khắc in thành một tập thơ, lấy tên là tập « Đoạn Trường ».

Đó là truyện hai người lấy phải chồng tầm thường. Sau đây xin thuật truyện một thiếu nữ thông minh lấy một bậc trượng phu thông minh. Đôi bên cùng nhau xướng họa, đã gây nên biết bao giai thoại.

Hạt My-châu vùng Tứ-xuyên, cổ nhân gọi là Thục-đô, lại kêu là Gia-châu hoặc Mi-sơn. Ở đấy có núi Ma-di và Nga-mi, có sông Mân và hồ Hoàn. Sơn xuyên cảm tú đã chung đúc vào nhân vật và sản xuất được một nhà danh nho uyên bác, họ Tô tên Tuấn, tự Minh-Doãn, biệt hiệu Lão-Tuyền, người đương thời xưng là Lão-Tô. Lão-Tô sinh hạ hai trai : Đại-Tô và Tiều-Tô. Đại-Tô tên Thức tự Tử-Chiêm, biệt hiệu Đông-Pha. Tiều-Tô tên Triệt, tự Tử-Do, biệt hiệu Dĩnh-Tân, cả hai đều có tài văn kinh vũ võ, đều có học bác cổ thông kim, lại cùng đậu tiến-sĩ một khoa, cùng được trọng dụng nơi triều đình và cùng thụ chức hàn-lâm học-sĩ. Thiên hạ gọi hai anh em là « Nhị-Tô » và gọi ba cha con là « Tam-Tô ».

Sao lại có một xứ kỳ dị đến như thế ! Bao nhiêu cái đẹp của núi sông, hợp cả vào một nhóm. Có hai trai như kia còn chưa là một sự hy hân. Lại sinh thêm một gái tên là Tiều-Muội nữa. Thông minh như Tiều-Muội trên đời không hai. Nàng nghe một biết

hai. Hỏi nàng mười điều, nàng đáp lại trăm điều (1)

Cha và anh nàng đều là những bậc đại tài, sớm chiều bàn giảng đủ các sách tử, sử, kinh, thư. Nàng được mắt thấy tai nghe không thiếu thơ, từ, ca, phú. Tự cô có câu ; « Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen ». Huống Tiêu-Muội tư chất lại hơn người gấp mấy, điều gì mà không hiểu ?

Năm mười tuổi, nàng theo cha, anh đến kinh sư. Nơi trú ngụ có cây hoa tú-cầu, gặp tháng xuân, hoa đương đua nở. Lão-Tuyền thưởng ngoạn hồi lâu, rồi lấy giấy bút đề thơ. Mới viết được bốn câu thì người nhà báo có khách đến chơi. Lão-Tuyền liền bỏ bút đứng dậy. Tiêu-Muội đi dạo tới thư phòng cha, thấy trên bàn có bốn câu thơ :

*Hóa ngọc long lanh của thợ trời,
Thanh u trăm vẻ một màu tươi.
Khoảng cảnh mây trắng còn vương vấn,
Bén nhụy, trăng vàng đứng lả lơi.*

Tiêu-Muội xem xong biết là bài thơ vịnh hoa « Tú-Cầu » và nhận được nét bút của phụ thân, liền chẳng đợi nghĩ chín viết tiếp luôn bốn câu :

*Tựa khối pha lê : vành rực rỡ,
Như bầy hồ điệp : cánh tươi bơi.
Hương thơm vì được ai cho mượn,
Thì lẫn hoa mai biết mấy mươi !*

Tiêu-Muội đề xong lại đề y nguyên như cũ ở trên bàn, rồi rào bước về phòng.

(1) Một thiếu nữ đáng sợ.

Lão-Tuyền sau khi tiễn khách ra cổng, quay về thư phòng để làm nốt bài thơ còn bỏ dở. Thấy đã đủ cả tám câu và ý tứ đều đẹp, ông ngỡ rằng đó là nét bút con gái. Liền gọi Tiểu-Muội ra hỏi thì quả không sai, tác giả chính là nàng. Lão-Tuyền trầm ngâm, tiếc cho con gái. Nếu nàng là trai thì sau này thế nào chẳng là một đại danh trong khoa bảng. Từ đó ông càng yêu dấu, cho được đọc rộng khắp các sách, chứ không bắt phải chuyên dốc việc nữ công nữa.

* * *

Thấm thoát, Tiểu-Muội đã mười sáu tuổi. Lão-Tô lập tâm kén rể đại tài để được xứng đôi với nàng,

Một hôm tể tướng Vương-kinh-công cho mời Lão-Tuyền đến phủ đàm đạo. Vương-kinh-Công húy An-Thạch, tự Giới-Phủ, là người chưa từng có tên tuổi trong khoa giáp. Hằng ngày ông không rửa mặt, thay áo, rận chấy hung nhúc. Lão-Tuyền ghét Vương, cho Vương là một người « bất cận nhân tình », ngày kia tất sẽ trở nên một vị gian tướng, nên đã từng làm bài luận « Biện gian » để công kích. Kinh-Công ôm giận trong lòng. Về sau thấy Đại-Tô và Tiểu-Tô cùng đậu tiến-sĩ, Vương bèn ngậm oán mà làm thân. Về phần Lão-Tuyền thấy Kinh-Công lên giữ chức tể-tướng, sợ sẽ làm trở ngại cho đường tiến khứ của hai con, cũng đành khuất phục kết giao.

Hôm ấy Lão-Tuyền đến tướng phủ, không khỏi cùng Kinh-Công đàm đạo về cổ kim, nghị luận về thời sự. Hai người rượu say lúc nào không biết. Kinh

Công ngẫu nhiên khoe rằng con trai mình là Vương-Bàng xem sách chỉ đọc qua một lượt là thuộc lòng. Lão Tuyền cạ chén đáp :

— Con cái nhà ai lại phải đọc đến hai lượt ba o giờ ?

Kinh-Công chữa :

— Lão phu say nên trót lỡ lời, chẳng sợ mứa diu qua mắt thợ.

Lão-Tuyền tiếp :

— Con kẻ vô ơn này đều chỉ đọc một lượt, cả đến đứa con gái cũng vậy, cũng chỉ đọc một lượt.

Kinh-Công thất kinh :

—Tuởng chỉ có lệnh lang là những bậc đại tài. Lại cả lệnh ái nữa ư ? Thì ra tú khí My-sơn đổ dồn cả vào nhà ngài rồi !

Lão-Tuyền tự hối rằng đã lỡ lời, vội vàng cáo lui. Kinh-Công bèn bảo đồng tử lấy ra một tập văn, đưa cho Lão-Tuyền mà nói rằng :

— Đây là tập song khóa của cháu Vương-Bàng. Xin phiền ngài diễm định giúp.

Lão Tuyền bỏ vào trong ống tay áo, giả giả rồi từ biệt ra về. Tới nhà ông đi ngủ liền. Mãi nửa đêm mới tỉnh rợn thức giấc. Nhớ lại mọi việc xảy ra, ông hối hận tự nhủ : « Mình rõ khờ, đi khoe tài con gái với Giới-Phủ, bây giờ Giới-Phủ đem tập song khóa của con trai đưa cho mình diễm định, hẳn là để cầu thân đây. Việc cầu thân ấy mình không ưng thuận, nhưng lại không có cách gì khước từ. » Ông trầm ngâm nghĩ ngợi cho tới sáng. Chải đầu rửa mặt xong ông lấy văn phẩm của Vương - Bàng

lần lượt xem qua, thì thật là hàng hàng gấm thêu, lời lời châu ngọc. Bất giác ông đem lòng mến tài. Tự nghĩ : « Chẳng rõ duyên phận con gái ra sao. Chi bằng ta cứ đưa quyền văn cho nó coi, xem nó thích hay không thích. » Ông giấu họ tên, rồi giao tập văn cho nữ hoàn mà dặn rằng :

—Quyền văn này một danh sĩ thiếu niên vừa đem trình tao để nhờ tao chấm. Nhưng tao không được nhàn hạ. Vậy chuyển giao cho tiều thư phê duyệt. Duyệt xong phải bẩm ngay cho tao biết, nghe.

Liễu hoàn đem văn lên trình tiều thư và thưa lại những lời phân phó của Thái-lão-da. Tiều thư chấm xong, phê điểm từ đầu. Chỉ một lát đã xong. Nàng than rằng :

« Văn hay ! hẳn đây là tác phẩm của một tài tử thông minh. Chỉ hiềm tú khí phát tiết cả ra ngoài. Đẹp mà không thực, sợ đó là một tài năng không trường cửu. » Bèn phê ở mặt quyền . « Tân-kỳ, táo lệ đó là điều sở trường ; hàm xúc ung dung, đó là điều sở đoản. Thi đậu cao thì có thừa, hưởng tuổi thọ thì không đủ. »

(Về sau Vương-Bàng đậu trạng-nguyên năm mười chín tuổi. Chẳng được bao lâu chết yểu ; đủ rõ Tiều-Muội biết người tương tận là chừng nào !)

Tiều-Muội phê xong, gọi liễu hoàn đem quyền văn lên nộp lại phụ-thân. Lão-Tuyền xem qua, thất kinh, kêu :

— Chết ! con bé nó phê như thế này thì trả lại Giới-Phủ sao được ? Tất nhiên họ phải lấy làm quái gở,

nhất lại bôi bẩn cả mặt quyền văn của họ. Làm thế nào bây giờ ?

Giữa lúc ấy, người nhà báo có quan đường-hầu phụng quân chỉ của Tướng-công đến lấy quyền văn hôm trước, xin diện kiến Thái-đa rồi về có lời bẩm lại. Lão-Tuyền chân tay cuống quýt, vội cắt bỏ tờ mặt quyền đi thay một tờ mới vào, rồi phê lên những lời ca tụng đẹp dễ. Đoạn thân giao tận tay quan đường-hầu thu nhận. Quan đường-hầu nói :

— Tướng-công dặn hỏi ngài một câu : quý phủ tiêu thư đã hứa gả cho ai chưa ? Nếu chưa thì Tướng-phủ nguyện kết duyên hài tần tẩn.

Lão Tuyền đáp :

— Tướng-phủ nghị thân, lão phu há dám chẳng vâng lời ? Chỉ hiềm tiêu nữ diện mạo xấu xí, sợ không xứng đáng được kén chọn vào nơi kim ốc. Phiền ngài khéo bẩm lên cho. Phỏng vấn khắc biết, thực không phải lão phu suy-thác.

Quan đường-hầu lĩnh mệnh về bẩm lại Kinh-Công. Kinh-Công thấy mặt quyền thay mới, đã vài ba phần không bằng lòng. Lại sợ dung mạo Tô-tiêu-Muội quả thực tầm thường, con mình không ưng ý. Bèn mật sai người đi tra xét. Người này hỏi dò và được nghe thuật lại rằng Đông Pha học sĩ thường cùng Tiêu-Muội trào hí lẫn nhau. Đông Pha có bộ ria che kín cả miệng. Tiêu-Muội vịnh đùa :

Mồm râu kiếm mãi mà không thấy ?

Bỗng vắng trong râu một tiếng truyền.

Tiêu-Muội có cái sọ trán cao đột ngột. Đông-Pha

bèn đưa lại :

*Rã khỏi sân ngoài ba, bốn bước,
Trán nạng trước đã tới hiên sau.*

Tiêu-Muội điều cái cảm dài của Đông-Pha :

*Tương tư năm ngoài hai hàng lệ
Nay vẫn chưa trôi hết má chàng.*

Đông-Pha điều lại đôi mắt sâu của Tiêu-Muội :

*Bào lần lau mắt sâu khôn tới
Lưu lại hai giòng suối nước trong.*

Người mật thám nghe được những truyện ấy liền về bẩm với Kinh-Công rằng Tô-tiêu-Muội kể về tài thi cao tuyệt, nhưng xét về dung mạo thì tầm thường thôi. Kinh-Công bèn gác bỏ việc hôn nhân ra một bên không bàn đến nữa.

* * *

Nhờ có việc Tướng-phủ cầu thân, tài danh của Tiêu Muội bỗng một thời đồn rầy khắp kinh thành. Sau biết việc hôn nhân ấy không thành, thiên hạ mộ tiếng, kéo nhau đến ứng tuyển không biết bao nhiêu mà kể. Lão-Tuyên đòi đưa trình văn phẩm, rồi cùng với con gái cùng duyệt. Có tập văn, nát như bùn, có tập được phê không quá hai ba điểm. Tựu trung chỉ có một quyển văn hay, mặt quyển đề họ tên là Tân-Quan. Tiêu-Muội bèn phê bốn câu :

*Ngày nay tú tài minh tuệ.
Sau hãn phong lưu học sĩ.
Tiếc có hai Tô đồng thời,
Nếu không, ngang giọc một đời.*

Lời phê nói rõ văn tài Tần-Quan ở vào khoảng Đại-Tô và Tiêu-Tô, trừ hai Tô ra không một người nào theo kịp. Lão-Tuyền đọc qua, biết con gái đã kén người này, bèn dặn gia nhân :

« Hễ tú tài Tần-Quan lại thì đưa đến tương kiến ngay. Ngoài ra đều khước từ hết cho tao. »

Ai hay bọn đưa trình quyền đều đến nghe tin tức. Trừ một mình Tần-Quan không tới. Là vì tú tài Tần-Quan, tự Thiếu-Du, quán Cao-Bưu, phủ Dương-Châu là người bụng chứa muôn câu, mắt không ai lọt. Sinh bình chàng chỉ kính phục có anh em họ Tô. ngoài ra không thêm đếm sía. Nay chàng mộ tài Tô-tiêu-Muội. Tuy nhiên, rao ngọc cầu bán, lại sợ thương tổn danh dự, nên không chịu theo nhập bọn đi tìm hỏi tiêu tức kia.

Lão-Tuyền thấy Tần-Quan không đến, cho người lại nơi chàng ngụ dò thăm ý tứ. Thiếu-Du trong bụng mừng thăm, nhưng lại tự nhủ : « Tài danh Tiêu-Muội mình mới được nghe truyền chứ chưa từng được diện thí. Lại thấy nói dung mạo cô nàng không đẹp, trán lồi, mắt lõm, chẳng rõ đó là hạng quý sú gì. Nhưng làm thế nào được gặp mặt nàng bây giờ ? »

Việc toan hãy tạm gác không lưu ý tới vội, thì hay tin ngày mồng một tháng hai Tiêu Muội lên Nhạc-miếu thắp hương. Gặp cơ hội ấy Tần-Quan liền cải trang để đi nhìn cho rõ mặt.

Từ xưa con gái nhà quan vào miếu tiến hương, không phải sớm, xong công việc phải đến đêm. Làm thế nào ? Sớm thì người chưa lại. Đêm thì người đã về. Hôm mồng một tháng hai vào khoảng giữa canh

năm, Tần thiếu-Du đã dậy chải đầu, rửa mặt, cài trang một đạo sĩ phương xa, đầu đội mũ Đường vải xanh, sau tai lộ hai vòng ngọc giả, mình mặc đạo bào đen, lưng thắt giây thao vàng, chân đi giầy cỏ nhà tu, cổ đeo một chuỗi mấy hạt châu to bằng ngón chân cái, tay cầm chiếc bát sơn son thếp vàng. Chưa sáng chàng đã đến trước cửa miếu Nhạc-dông đứng đợi.

Sắc trời vừa ửng hồng, kiệu Tiều-Muội đã đi tới. Thiếu-Du né ra một bước, nhường lối cho kiệu vào miếu, rồi đến ngồi nghỉ ở dưới hành lang bên tả. Tiều-Muội xuống kiệu, lên điện. Thiếu-Du đã nhìn tỏ mặt. Tuy nàng không mười phần mỹ lệ, nhưng rất có vẻ thanh nhã, u nhân, cử chỉ và dáng điệu tịnh không dung tục. Nhưng không rõ nàng có tài năng khí độ không?

Đoán phỏng tuần hương thấp đã xong, Thiếu-Du đi vòng hành lang lên điện. Hai người gặp nhau ở gian bên tả. Thiếu-Du tụng:

Tiêu thư phúc có thọ có,

Nguyện phát từ bi.

Tiêu Muội ứng khẩu đáp:

Đạo nhân đức gì, tài gì?

Dám cầu bổ thi!

Thiếu-Du lại tụng:

Nguyện tiêu thư thân như cây thuốc,

Trăm bệnh không sinh.

Tiêu-Muội vừa đi vừa đáp:

Mặc đạo nhân miệng nhả hoa sen,

Nửa đồng chẳng thi.

Thiếu-Du theo thẳng đến trước kiệu đề tụng nữa:

Tiêu nương tử hoan hỉ một ngày

Nào, hãy tay buông non báu :

Tiêu-Muội lại thuận miệng đáp :

Phong đạo nhân tham si như thế,

Sao cho thân lột huyết vàng ?

Đứt lời Tiêu-Muội lên kiệu. Thiếu-Du lúc quay đi còn nói luôn một câu :

— Phong-đạo nhân được ứng đối với Tiêu nương tử, thực là muôn nghìn may mắn.

Tiêu-Muội ngồi trong kiệu không lưu ý. Nhưng người lão bộc theo hầu nghe thấy và lấy làm quái lạ rằng sao lại có một đạo nhân phóng tứ đến như thế. Muốn trở lại sửa cho một mẻ. Thì chỉ thấy dưới hành lang chạy ra một nhi đồng tuần tú, tóc kết đề rủ xuống lưng. Nó đến trước mặt đạo nhân và nói :

— Tướng-công lại đây mà thay áo. Đạo nhân chạy trước. Thằng bé theo sau. Lão bộc nắm lấy vai nó hạ giọng hỏi :

— Người phía trước là Tướng-công nào ?

Thằng bé đáp :

— Đó là quan lớn Cao-Bưu Tần Thiếu-Du.

Lão bộc không nói gì về nhò thuật lại với vợ. Rồi câu truyện đến tại Tiêu-Muội. Nàng mới hiểu rằng đạo nhân đi hóa duyên kia là Tần Thiếu-Du giả trang. Và nàng mỉm cười, dặn bọn liễu hoàn không được dả động tới việc ấy nữa.

Tần-Thiếu-Du hôm ấy nhìn no dung nhan Tiêu-Muội và thấy nàng không xấu. Huống nàng lại ứng

đối trôi chảy, tài năng hẳn không cần phải nói.

Chàng chọn ngày lành thân đi cầu hôn. Lão Tuyền ưng gả và bắt không được dẫn tiền hay lụa gì cả.

Bảy giờ vào sơ tuần tháng hai. Thiều-Du tức khắc muốn thành hôn. Nhưng Tiều-Muội không ưng. Nàng xem văn phẩm Tần-Quan, biết chàng tất nhiên sẽ trúng tuyền. Kỳ thi gần tới, nàng muốn « hốt voi mũ quạ » đã rồi mới động phòng hoa trức. Thiều-Du chỉ còn việc vâng theo.

Ngày mồng ba tháng ba, bộ Lễ mở kỳ thi đại khoa. Tần-Quan ứng thi đậu tiến sĩ liền. Chạy tới Tô phủ lạy cha mẹ vợ, và bẩm lại việc hoàn hôn. Nhân nơi nhà trọ không ai, chàng muốn xin làm lễ cưới ở Tô phủ. Lão-Tuyền cười nói :

— Hôm nay treo bảng, tân khoa bỏ màu trắng, mặc màu lục. Vậy chính là ngày thượng cát, còn phải chọn ngày nào khác nữa. Thôi thì ngay chiều nay làm lễ thành thân ở nơi tiền ngự. Như thế há chẳng đẹp lắm ư?

Đông-Pha học sĩ đứng bên, cũng tán thành, nói đêm nay Tần-Quan nên cùng Tiều-Muội song song làm lễ bái đường, thành tựu nhân duyên trăm năm.

* * *

Đêm ấy, trăng sáng như ban ngày. Thiều-Du ở nơi khách sảnh, yến tiệc đã xong, muốn tiến vào phòng. Nhưng cửa phòng đóng chặt, Trong sân kê một chiếc bàn nho nhỏ, trên bàn bày giấy mực, bút nghiên, ba

phong giấy, ba chiếc chén. Một chiếc bằng ngọc, một chiếc bằng bạc, một chiếc bằng sành. Một liễn hoàn áo xanh ngồi giữ bên cửa. Thiếu-Du nói :

— Phiên ngươi vào trình tiêu thư rằng tân lang đã đến, sao không mở cửa ?

Liễn-hoàn đáp :

— Phụng mệnh tiêu thư, có ba đề mục ở đây. Ba lần thi đậu trúng thức đã, Tân-lang mới được tiến phòng.

Rồi trở ba phong giấy nói có đề mục ở trong. Thiếu-Du chỉ ba cái chén hỏi :

— Còn đây là ý tứ gì ?

Liễn-hoàn đáp :

— Chén ngọc đựng rượu, chén bạc đựng trà, chén sành đựng nước lã. Ba lần thi cùng trúng thì xin dùng chén ngọc xơi ba chén rượu ngon, rồi mời vào phòng thờ. Một lần trúng hai lần không thì xin giải khát thanh trà trong chén bạc, đợi đến đêm mai thì lại. Một lần trúng hai lần trượt thì lại mà nung chén sành uổng cạn nước trong, phạt ở phòng ngoài đọc sách ba tháng.

Thiếu-Du mỉm mỉm cười mát :

— Chà ! Hạ quan đã từng ứng cử chế khoa, đã được xưng tụng « thanh tiền vạn tuyển ». Nói chi ba đề mục, cho dầu ba trăm đi nữa phỏng ta có sợ gì !

Liễn-hoàn nói :

— Đem tiêu thư tôi so sánh với những quan khảo thì tầm thường « chi hồ dã giả » ấy sao được ? Đề mục của tiêu thư tất phải khó lắm. Đây, đề thứ nhất là một

bài tuyệt cú. Tân-lang phải làm một bài hợp ý với bài xuất đề. Đề thứ nhất trùng thức đến đề thứ hai. Tức là bốn câu thơ giấu tên bốn cô nhân. Đoán sai một tên là không trùng thức. Còn đề thứ ba thì rất dung dị : chỉ có một câu đối bảy chữ. Đối xong mà hay thì xin mời uống rượu ngon và vào phòng thơm.

Thiếu-Du xin bắt đầu đề thứ nhất. Liễu hoàn lấy một phong giấy mở ra đưa cho tân lang tự coi. Thiếu-Du thấy viết trên một bức hoa tiên bốn câu thơ này :

*Đồng, sắt chảy trong lò,
Trên tường giẽ, kiến bò
Âm, dương không hai nghĩa
Giữa trời, đất là ta.*

Thiếu Du nghĩ thầm : « Đề mục này không còn ngờ vực gì nữa, hẳn là nói ta đã từng giả dạng một vân du đạo nhân, đến khuyên giáo Tô-tiểu-thư ở Nhạc miếu. Bốn câu hợp lại thành bốn chữ « Hóa duyên đạo nhân ». Rõ ràng muốn đùa ta. » Bèn, trong ánh trăng, cầm bút thảo một bài thơ ở dưới bài ra :

*« Hóa » công có ý giục xuân về,
« Duyên » tới vườn rồi, hoa nở đi !
« Đạo » đạt gió đông nay có chủ
« Nhân » gian ai dám bên hoa kẻ ?*

Liễu hoàn thấy thơ viết xong liền gấp bức hoa tiên thứ nhất lại làm ba, rồi đưa qua khe cửa sổ vào trong phòng mà nói to lên rằng : « Tân lang nộp

guyên ». Thế là xong kỳ đệ nhất. Tiêu Muội xem thơ, hợp bốn chữ đầu câu lại thành : « Hóa duyên đạo nhân ». Nàng mỉm cười.

Thiếu-Du mở phong thứ hai ra xem. Thì lại một bức hoa tiên, thơ đề bốn câu :

Ban lệnh thi hành, mạnh lãn ông,

Xuyên tường lấy sáng chiếu thư phòng,

Giữa đường mây và không quên mẹ,

Trộn buổi ông già tựa cửa trông.

Thiếu-Du đọc qua chẳng cần phải nghĩ ngợi, đoán ra được ngay : câu thứ nhất là Tôn-Quyên, câu thứ hai là Khổng-Minh, câu thứ ba là Tử-Tư, câu thứ tư là Thái-công-Vọng. Liễu-hoàn lại theo lối khe cửa sổ để tiên.

Thiếu-Du tuy không nói ra, nhưng chắc mẫm rằng hai đề mục ấy mình còn chẳng coi ra gì, nữa là đề mục thứ ba, tức một vế câu đối quên : « Từ thời năm sáu tuổi, ta đã đối lâu lâu, có thấy khổ khăn bao giờ đâu ! » Bèn lại mở bức hoa tiên thứ ba. Trong có vế câu đối này :

Buông phen, ây nguyệt khỏi ngoài song.

Mới đọc lên tưởng là dung dị, nhưng càng nhận kỹ càng thấy vế ra kỳ sảo. Nếu lại đối một cách bình thường thì tổ sao được bản sự. Thiếu-Du suy đi nghĩ lại tìm mãi không được vế đối. Trên chòi trống đã điểm ba, mà chàng vẫn còn loay hoay lúng túng.

Bấy giờ Đông-Pha vẫn chưa ngủ, qua nghe tin tức em rẽ ra sao. Thì thấy Thiếu-Du ở trong sân đương lững thững bước một, và luôn miệng ngâm nga câu

bảy chữ « Buồng phen ấy Nguyệt khỏi ngoài song », tay phải làm điệu bộ ấy nguyệt Đông-Pha tự nhủ : « Hẳn đó là một vế câu đối của Tiều-Muội Thiều-Du coi chừng đương bị hãm. Ta mà không giải vây thì ai là người toát-hợp ? » Chàng kịp nghĩ giúp, nhưng cũng chưa tìm được câu nào hay.

Ngoài sân có một cái thố hoa, trong thố hoa đựng đầy nước trong. Thiều-Du đi đi lại lại một hồi, rồi ngẫu nhiên đến đứng tựa thố hoa nhìn nước. Đông-Pha cảm hứng xúc động, nghĩ ngay ra câu đối. Toan gà, nhưng lại sợ liên lụy đến thể diện em rề. Chàng liền đứng xa, háng dặng một tiếng, rồi cúi xuống đất nhặt viên sỏi nhỏ, ném vào trong thố hoa làm nước tung tóe, bắn cả lên mặt Thiều-Du và bóng trời trong cùng bóng trăng tan tác, rồi loạn trên mặt nước. Thiều-Du tỉnh ngộ, bèn cầm bút đối rằng :

Ném đá tung trời ra đáy nước.

Liễu hoàn nộp quyền thi thứ ba. Tức thì ở phía trong cười thét lên một tiếng, rồi cửa phòng mở rộng. Một ả thanh y bước ra, tay nâng hồ bạc rót rượu ngon vào chén ngọc dâng mời tân lang :

—Rước tài tử cạn ba chén « hoa hồng thưởng lao ».

Và Thiều-Du đương lúc đương đương đắc ý, uống luôn ba chén rượu đầy. Liễu hoàn đỡ chàng vào phòng thơm...

KHÁI - HƯNG dịch

TRƯỜNG CAN HÀNH

của LÝ-BẠCH

Lý Bạch tự Thái-Bạch, hiệu Thanh-Liên cư-sĩ sinh vào thời vua Huyền-tôn nhà Đường (713-758) tại làng Thanh-liên, châu Xương-minh đất Thục. Ông là một bậc thiên tài của nhân loại. Đọc thơ ông. Hạ-tri-Chương đã phải thán phục ông là một trich tiên. Bèn tâu vua Huyền-tôn cất ông lên chức hàn lâm học-sĩ. Thơ ông cao điệu, phong nhã lại phóng túng thoát ra ngoài khuôn khổ, ý tứ và âm luật của bọn thợ thơ. Phải chăng vì thế mà người Tàu thời nay tôn ông là tổ phái « Thi-ca lãng mạn » ở Trung-Hoa ?

Thiếp ngắt hoa trước cửa,
Tóc chấm trán vừa ngang,
Chàng cười ngựa trúc đến,
Tung mơ chạy quanh giường.
Làng Trường-can cùng ở
Hai trẻ một lòng thương,
Mười bốn về làm vợ,
Thiếp e then bẽ bàng,
Chúi đầu vào vách tối,
Gọi, mãi chẳng quay sang.
Mười lăm, mi mới nở,
Nguyễn ghi tạc đá vàng.

Chàng không hề lỗi hẹn,
 Thiếp rất được yêu đương.
 Mười sáu, chàng ra đi,
 Treo leo lối Cộ-đường :
 Tháng năm ai dám tới ?
 Tiếng vượn kêu thảm thương.
 Ngoài cổng thưa chân bước,
 Rêu xanh mọc thành hàng ;
 Rêu dày không thể quét,
 Lũ rụng giổ thu mang.
 Tháng tám ngoài vườn cỏ,
 Nhôn nhơ đôi bướm vàng :
 Tự cảm đau lòng thiếp,
 Nhìn tàn tạ hồng nhan.
 Sớm chiều xuống Ba-quận
 Mong ngóng đợi thư chàng,
 Đón nhau xa không ngại,
 Trường-phong bao dặm dàng.

KHÁI HƯNG dịch

DƯỚI TRĂNG UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

của LÝ BẠCH

Từ thơ ngang tàng, điệu thơ lão đảo hơi men.

I

Trong hoa một hồ rượu,
Ngồi uống, bạn không ai.
Cất chén mời trăng sáng,
Vời bóng là ba người.
Trăng không ngừng ta uống,
Bóng theo ta, chẳng rời,
Tạm bạn trăng cùng bóng
Đề chờ xuân tới nơi.
Ta ca trăng bồi hồi,
Ta múa bóng linh loạn.
Lúc tỉnh cùng giao hoan
Say mỗi người phân tán.
Bạn già nhưng vô tình
Hẹn nhau sông Ván-hàn.

II

Trời mà không thích rượu
 « Sao Rượu » ở chi trời ?
 Đất mà không thích rượu,
 Suối « Rượu » ở chi đời ?
 Trời đất đã thích rượu,
 Thích rượu không then trời.
 Đã nói trong như thánh,
 Đục từa hiền thêm lời,
 Hiền thánh đều đã uống,
 Thần tiên còn cầu ai ?
 Ba chén thông đạo lớn,
 Hợp tự nhiên một chai,
 Chỉ tìm thú trong rượu,
 Mặc người tỉnh lỏi thôi.

III

Ba tháng ở Hàm-dương,
 Nghìn hoa đẹp như gấm.
 Ai hay xuân mà sâu,
 Nên cần uống nhiều lắm.
 Cùng thông và ngắn, dài,
 Tạo-Hóa sẵn phú bẩm.
 Sống, chết, một chén thôi,
 Muôn việc khôn xét thắm.
 Khi say quên trời đất.
 Ôm gối nằm ngủ tấp.
 Chẳng biết có thân mình,
 Vui ấy vui nào thắm.

IV

Sầu lớn nghìn muôn mối,
Ba trăm chén rượu ngon ;
Sầu nhiều, rượu tuy ít,
Rượu nghiêng sầu phải bon.
Sở dĩ biết rượu thành,
Rượu say mở lòng son.
Bá-Di không nhận thóc,
Nhan-Hồi dòi chết mồn.
Thời ấy không thích uống,
Hư danh sao vẫn còn ?
Cua lôm là châu báu,
Gò men ấy non Bồng.
Và cần uống rượu tốt,
Gác cao cười trắng tròn.

KHAI HƯNG dịch

NGƯỜI LÁI SÁCH

của STEFAN ZWEIG

Stefan Zweig sinh ở thành Vienne, kinh đô nước Áo, năm 1881, Qua một thời kỳ tòng học ở tỉnh nhà, tiên sinh đi du lịch các nước Âu-châu. Những đô hội lớn như Paris, Londres, Berlin, Rome, vân vân đều được tiên sinh qua thăm cả. Ông viết rất nhiều và rất sớm. Ông sở trường đủ các thể văn, từ thi ca, kịch hát, cho đến lối tiểu thuyết, nghiên cứu và lịch sử ký sự.

Ông ra mắt lòng văn từ năm 1900 bằng một tập ly ca: *Những giấc mơ vàng*, rồi đến tập *Những tràng hoa sớm* (1907).

Về kịch bản, ông có vở *Thersite* (1907), *Cái nhà bên bờ biển* (1911), *Jérémie* (1918), *Con chiến của kẻ nghèo* (1930), *Volpone* (viết chung với danh sĩ Pháp Romain Rolland.)

Cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông là một thiên tình sử: *Mối tình của Erika Ewald* (1904). Các cuốn truyện khác mỗi truyện đều có một tình cách và một văn thể riêng như: *Cuộc tình duyên thứ nhất* (1911), *Tình thương tại hại*, tác phẩm cuối cùng và đặc sắc nhất của tiên sinh. Stefan zweig có một nghệ thuật và một tài năng chắc chắn khi viết trung thiên tiểu thuyết. Những truyện vừa, như *Cái ngõ hẻm dưới ánh trăng*, *Điên*, *Cõi lòng tan nát*, *Bức thư của người lạ*, *Sợ*, *Tình cảm hỗn độn*, vân vân, có thể liệt ngang hàng với tác phẩm các văn gia Anh, Mỹ như Somerset Maugham và Pearl Buck, tuy rằng lối hành văn của mỗi tác giả đều có một tinh thần riêng.

Những sách nghiên cứu về văn chương, triết học, lịch sử của Stefan zweig cũng có giá trị lắm lắm. Tiên sinh đã dày công khảo sát về thi sĩ Pháp Verhaeren, Marceline Desbordes-Valmore, Baudelaire, và văn hào Anh Dickens, về văn hào Nga Tolstoi, Dostoievsky, về các

nh triết học Freud, Nietzsche, về nhạc sư Haendel. Hai cuốn lịch sử ký sự về hai bà hoàng-hậu xấu số Marie Stuart và Marie Antoinette đều được cả thế giới trí thức ham chuộng.

Cuộc Âu-chiến 1939 bùng lên, thì hai vợ chồng Stefan zweig sang náu bên Brésil. Cho đến năm 1942, có điện tín báo rằng hai vợ chồng nhà văn này cùng tự tử vì không muốn sống mà nhìn thấy nền văn hóa Tây-phương bị diệt vong.

Tặng N. K. Đ.

Tôi ở xa, trở về thành Vienne, vừa đi thăm vùng ngoại ô, thì gặp trận mưa rào. Dưới cơn mưa tấp, khách qua đường đi vào trú ở các cổng tò vò hay là dưới dãy hàng hiên. Tôi cũng đi tìm chỗ tránh mưa. Thật may mà ở Vienne đâu phố nào cũng có hàng giải khát mở cửa đón khách. Vì vậy tôi mới sa vào một tửu quán ở ngoại châu thành, mũ và hai vai áo của mình ướt sũng cả. Đó là một nơi quán rượu vẫn giữ những lẽ lối cổ điển đáng yêu của thành Vienne. Trong hàng không có thứ nhạc khi jazz như các tiệm cà-phê ở trung tâm thành phố, nơi mà người ta bắt chước các *mốt* của người Đức một cách dơ dáy. Nơi này là một tửu quán tấp nập những người trung lưu, họ chỉ chăm *ngốn* các thứ báo trướng hơn là ăn bánh ngọt. Bên trong nhà hàng, nặng một bầu không khí lẫn lẫn những đợt khói màu lam nhạt nhờ. Tuy thế, nơi này cũng có vẻ sạch sẽ đôi chút, với những tấm ghế dài bọc nhung, và cái quầy bằng *nhom*. Trong lúc vội vã, lúc vào tôi chưa kịp xem biển hiệu nhà hàng, và lại xem thì có ích gì đâu. Tôi đã kiếm được chỗ ngồi rồi. Tôi sốt ruột nhìn qua

lần cửa kính ám hơi nước, để mà đợi cho trần mưa to kia dứt hẳn.

Trong khi ngồi rảnh, tôi đã tự buông mình trở theo cái lớp sóng lười lĩnh êm như ru, do bất cứ hàng cà-phê nào ở Vienne cũng có thể gọi ra được. Tôi vô tình nhìn mặt các thực khách ; dưới ánh đèn, trong lớp không khí khói mù ấy, cặp mắt người nào cũng dường như thâm quầng một cách kỳ khôi. Tôi nhìn kỹ thiếu nữ đứng bên cái tủ ăn ; nàng như một cái máy, phân phát đường, hay thìa cho bọn bồi bàn. Tôi nửa thức nửa ngủ, lim dim con mắt mà đọc những quảng cáo dán khắp tường. Toàn thân tôi dờ dẩn vì một thứ tê liệt nó khiến tôi cũng dễ chịu đôi ba phần.

Đương nghĩ vơ vẩn, tôi bỗng như chợt tỉnh cơn mê, bởi một căn cứ thật lạ lùng. Một sự hồi hộp mang-mang lần khuất khắp người tôi, giống như một cơn đau răng phát ra bất thành linh, khiến ta không thể biết đúng là mình bị đau ở má bên phải hay ở má bên trái. Tôi có một cảm tình khó tả, vì tôi mới nhận ra, tuy không đoán rõ vì sao, rằng cái chốn này là chốn xưa cũ, không phải là chỗ xa lạ. Tôi thoáng nhớ một cách mơ hồ đến những lớp tường kia, những bàn ghế kia,

Nhưng tôi càng cố níu lại cái kỷ niệm mang máng ấy, thì nó lại càng chuỗi đi xa, nó hụp sâu vào trong địa phận của ngoại thức, chẳng khác gì con lươn ngụp xuống nước vậy. Tôi phí công ngắm nghía các vật chung quanh mình. Đã hẳn là tôi chưa hề trông

thấy cái hộp tiền sáng choang đặt trên quầy, và cả cái lớp gỗ màu nâu giả làm gỗ tử-dàn nữa. Tuy nhiên, tôi đã bước chân đến chốn này rồi, từ hồi hai mươi năm về trước, hay xưa hơn nữa. Một chút tro tàn của tâm hồn mình còn vương tại đó, lẫn lút như chiếc kim trong kẽ chiếu vậy. Các giác quan tôi mặc sức sục sạo chung quanh tôi, và cả ở trong chính mình tôi nữa. Nhưng không thể nào vơi đến mỗi hoài niệm đã mất đi rồi, đã chôn chặt trong tâm can tôi rồi.

Một lần nữa, tôi lấy làm phật ý mà nhận ra cái khiếm khuyết của những năng lực trí não con người. Nhưng tôi không rời bỏ hy vọng là thế nào cũng sẽ tìm cho ra kỷ niệm ấy. Tôi vốn biết rõ là có nó ; chỉ cần cho tôi nhận ra một việc gì đó, dù là rất nhỏ mọn ; bởi vì trí nhớ của tôi mới dị kỳ làm sao, tôi vừa nhớ dai lại vừa chóng lú lẫn, thật là một trí nhớ đồng bóng, mà tuy vậy vẫn là một trí nhớ đúng không thể tưởng tượng được. Nhiều phen, trí nhớ ấy đem vùi lấp trong chỗ cùng kiệt của nó những việc quan trọng nhất, hoặc là những nét mặt tôi đã ngắm nhìn, mà không bao giờ nó hoàn lại cho tôi, mỗi khi tôi tập trung ý chí mà đòi hỏi đến. Nhưng chỉ cần có một chút đầu mối, như là một tấm bưu-tiện, vài nét bút trên chiếc phong bì, hay một trang báo đã vàng kè, cũng đủ khiến cho kỷ niệm hiện ngay lập tức dưới gương nước bí mật của ngoại thức, chẳng khác chi con cá dầy đàn đánh đạch ở đầu cần câu. Lúc đó, tôi tất tìm ra mọi nét riêng của

người xưa kia mình quen biết; tôi nhìn thấy cả miệng y, cái răng sứt của y; tôi nghe thấy dịp cười ròn của y; tôi nhìn thấy ánh vui diễn trên nét mặt y. Tất cả những điểm ấy hiện lên cho tôi rất rõ ràng, thật là toàn hảo, và tôi nhớ lại từng tiếng mà người ta đã nói với mình. Bao giờ tôi muốn lòng bắt được dĩ vãng, cũng phải có cái gì kích thích các giác quan, một việc thật nhỏ mọn nhưng mà hữu hình.

Tôi nhắm mắt lại để dễ suy nghĩ hơn, để mà thả cái cần cần thần nọ. Chẳng có gì đến cả. Quên hết rồi! Chìm đắm hết cả rồi! Tôi bực mình với cái bộ phận hồng huyết đường nằm thu giữa hai thái dương tôi. Tôi chỉ muốn tự vỗ mạnh vào trán, như người ta lắc mạnh một cái máy phát hàng hóa, nó không đùn ra một vật gì ta sở thích.

Không thể nào ngồi lâu hơn nữa. Tôi đứng dậy, để cho mình có dịp cử động đôi chút. Thật là dị thường! Tôi vừa bước vài bước trong phòng thì đã có ngay một tia sáng lơ lơ mờ mờ như ánh bình minh ló ra trong trí não. Bây giờ tôi nhớ ra rồi, ở gần cái quầy, có cửa thông sang một căn phòng không có cửa sổ, phải thắp đèn quanh năm. Và đúng như vậy, căn phòng riêng biệt đó vẫn còn, đấy là phòng giải trí. Người ta đã thay các tấm thảm cũ đi rồi, nhưng phần dài rộng, căn phòng vẫn vốn vẹn có thể. Tự nhiên tôi để mắt tìm các đồ bài trí. Các giấy thần kinh của tôi rung động như vui rộn lắm; tôi cảm thấy mình sắp sửa biết tất cả. Có hai chiếc bàn đánh

bí phố tím thẫm xanh rì như hai đám ao tù. Trong các góc phòng có mấy viên cổ vấn hay giáo sư ngồi đánh cờ. Gần chỗ lò lửa, ở mé cửa ăn vào phòng điện thoại, có chiếc bàn vuông nhỏ. Khi ấy, thật như là một tia chớp nhoáng đi vụt qua người tôi. Tâm trí mình đã bừng sáng hẳn. Một ánh sáng ấm cúng và yên ủi cho tôi. Trời ơi! chính đây là chỗ của anh chàng Mendel, anh lái sách Jacob Mendel! Sau hai mươi năm, không ngờ tôi lại bước chân vào đại bản doanh của y là hàng cà-phê Gluck, ở phố Alser. Jacob Mendel đấy mà! Tại sao tôi có thể quên y được, một người khác thường như y, một kẻ phi-phàm, một học giả, một nhà ảo thuật, một người lái sách danh tiếng lẫy lừng! Ngày nào y cũng ngồi ở chỗ bàn này, từ sáng chí tối, làm cho nhà hàng Gluck được nổi danh, làm vinh dự cho nhà hàng!

Tôi nhắm mắt lần nữa, để nhìn vào trong thâm tâm mình, và ngay lập tức, tôi trông thấy y trên tấm màn ảnh màu hồng nhạt của đôi mí mắt tôi. Y hiện lên cho tôi thật rõ ràng, y ngồi ở chỗ bàn đá hoa, đầy ngọn những sách và giấy má. Y ngự ở đấy, bất di dịch như một tảng đại thạch, đôi mắt đeo mục kính chăm chú vào một cuốn sách. Y vừa đọc vừa lẩm bầm và thỉnh thoảng lại lắc lư người và lắc lư cả cái đầu hói: một thói quen y hiềm từ hồi con cắp sách ở các trường Do thái. Y đọc những quyển liệt kê và những sách của mình ở chính bàn ấy và chỉ ở chỗ đó thôi. Y mặc bộ áo hàng len xấu màu đen, y sẽ ngâm nga và tự ru

mình một cách nhẹ nhàng như lối người Do-thái lâm râm tụng Truyền-kinh *Talmud* của họ. Bởi vì người Do-thái ngoan đạo ai nấy đều thừa biết rằng thân thể mà nhẹ nhàng du đưa, in như trẻ con nằm trong võng thì thần trí mới dễ trầm tư mặc tưởng về tôn giáo. Jacob Mendel không nghe hoặc trông thấy gì ở quanh mình cả. Người ta chơi bi bàn, các kẻ ghi điểm số đi đi lại lại, chuông điện thoại reo, người thì cạo sán gỗ, người thì đơm than vào lò, thế mà y không hề biết đến. Một hôm, có một cục than hồng trong lò rơi xuống cháy cả sàn, ngay gần cạnh y. Một khách hàng chạy lại dập tắt ngọn lửa mới nhóm. Thế mà Jacob Mendel chẳng biết gì cả, mặc dầu chung quanh mình khói um.

Y đọc sách cũng như mọi kẻ khác đọc kinh, như các người mài miệt trong cuộc chơi, hay là như kẻ say rượu đang theo đuổi một định kiến. Tôi đã từng thấy y đọc sách, tinh tâm một cách hoàn toàn, cho nên tự đó tôi cho cùng cách người đọc khác là hơi hợt, là tập tọng. Có điều chắc là người lái sách xứ Galicie kia đã mở mắt cho tôi— hồi còn là một sinh viên trẻ tuổi— cho tôi biết thế nào là sự để hết tâm thần một cách tuyệt đối, chỉ riêng kẻ nghệ sĩ và người thông thái, nhà hiền triết cũng như gã cuồng rồ mới có, đây là một hạnh phúc hay một số kiếp huyền bí nó dọa cho người ta một nghiệp dĩ vậy.

Tôi được mấy người bạn nhiều tuổi giới thiệu với y. Hồi đó tôi đương khảo sát về Mesmer, là một người thầy thuốc về y phát Paracelse. Tôi tìm tài liệu rất

khô công. Các sách trước tác của những nhà chuyên môn không đủ dùng. Tôi hỏi người thủ thư thì người ta câu cạo đáp rằng việc của hắn không phải là để chỉ dẫn những nguồn tài liệu về sách vở. Nhân dịp đó, bạn tôi mới nhắc cho tôi nghe lần đầu đến tên Mendel.

Anh ta bảo :

—Tôi sẽ đi cùng anh đến nhà y. Y biết hết tất cả, và sẽ kiểm cho anh bất cứ sách gì. Y sẽ kiểm cho anh cuốn sách nào khó tìm nhất, dù nó nằm lẫn trong cửa hàng bán đồ cổ nào bất ngờ nhất. Ở thành Vienne này, về phương diện sách vở, y là một người thông thạo đủ đường. Quả là một con người kỳ khôi, người người tiêu biểu cuối cùng cho cái giọng giống cồ lồ các ông lái sách.

Chúng tôi cùng đến hàng cà phê Gluck. Mendel ngồi ở trong góc của y, vừa đọc vừa lắc lư như bụi cây trước gió. Y mặc toàn đen, đeo kính, râu tóc thì rối bù. Chúng tôi lại gần. Y không để ý đến. Y vẫn ngồi, nửa người trên lắc lư như cái chuông nhà thờ. Phía sau lưng, một cái áo khoác đen ở treo cái mắc sộc sộc cũng bị đu đưa như thế. Hai túi áo thì đầy ứ những giấy kê và tạp chí. Bạn tôi liền dặng hắng báo cho y biết là có chúng tôi. Nhưng Mendel mũi dáo vào sách, chẳng nghe thấy. Sau cùng, bạn tôi mới dậm xuống bàn, đúng như ta dậm cửa vậy. Thì Mendel mới ngẩng lên, và quen tay vén đôi mực kính to tướng gọng bẹp lên trán.

Dưới lớp lông mày rậm rì hoa râm, đôi mắt dị kỳ chòng chọc vào chúng tôi, hai con mắt lạnh lợi, hoạt

bát và sắc như dao. Tôi được giới thiệu. Tôi thuật duyên do phải tìm đến thăm y, và tôi không quên nguyên rủa cái gã thủ thư không chịu bảo cho tôi biết (Đàn tôi đã dặn dò cẩn thận cho tôi cái khóa này rồi). Mendel tựa vào lưng ghế, cười khanh khách, đáp lại bằng cái giọng chọ chọe của người Do Thái xứ Galicie :

— Hẳn không chịu à? Đâu có thế! Ông nên bảo là hẳn không thể chỉ dẫn được thì đúng hơn. Thật là một đồ con bò. Đã hẳn là tôi biết hẳn từ hai mươi năm nay, mà trong bấy lâu hẳn có học biết được cái gì! Các ông tướng ấy chỉ biết có một việc là tính lương đủ túi mà thôi! Chúng chỉ nên đi kéo xe cút-kit còn hơn là chăm nom đến sách vở!

Nhờ có cuộc khai mào hừng hồ ấy chúng tôi thân với nhau ngay. Y nhả nhận ra hiệu mời tôi ngồi. Tôi ngồi ở bàn của y, một cái bàn đặc biệt những chữ viết, thật là như ngồi trước một bàn thờ bí ẩn, kho tàng những điều tiết lậu về khoa thư-tịch học.

Tôi nhanh nhẩu cho y biết ý muốn của tôi. Là tôi đương tìm những pho sách cổ về nhân diện học, những pho sách mới, và cả những cuốn trao phúng phản đối hay tán thành Mesmer nữa.

Tôi nói xong thì Mendel nháy con mắt bên trái, như một nhà thiện xạ nhắm súng. Cái cử chỉ ngời lên ngấm kia chỉ diễn ra trong chừng nửa phút. Rồi liền đấy, như thể là đọc sẵn ở một thư mục vô hình, y đọc thuộc lòng hai ba tá tên sách, tên tác giả, năm xuất bản và cả giá tiền đại khái từng cuốn nữa. Tôi sửng sốt.

Đã đành là mình được nghe khoe trước rồi, nhưng tôi đâu có ngờ đến như vậy. Y thấy tôi ngạc nhiên cũng hề bả. Rồi y như đùa rỡ với kỷ ức của mình bằng cách tán rọng rất tài tình chung quanh đầu đề nọ. Y hỏi xem tôi có muốn biết thêm về sự mộng du, về lúc khởi đầu trạng thái thôi miên, về Gassner, về khoa thần trú, về Cơ-đốc Khoa Học và về bà Blavatsky. Một lần nữa, miệng y lại tuôn ra các tên người và tên sách, thật là thao thao bất tuyệt. Bấy giờ tôi mới hiểu biết hiện tượng độc nhất vô song của cái trí nhớ thiên kinh vạn quyển ấy. Jacob Mendel là một pho bách khoa biết nói, một cuốn tổng liệt kê đi rong. Tôi bàng hoàng khiếp phục con người dị thường đương sừng sững trong bộ áo đen cẩu ghét của một anh lái sách xoàng xĩnh xứ Galicie. Y vừa đọc lại một tràng ước chừng tám chục tên sách. Và lúc bấy giờ tuy chẳng ra vẻ là có chuyện gì cả, mặc dầu y rất há hê đã phô bày những sở kiến, y mới bình tĩnh lau kính bằng một cái khăn tay trước kia có lẽ cũng trắng đấy.

Muốn giấu cho y không biết là tôi ngạc nhiên, tôi mới hỏi xem y có thể tìm những sách nào cho tôi được.

Y lẩm bầm ;

— Hèn, để xem sao đã. Đến mai ông lại rồi Mendel sẽ có cho ông. Và nếu cái gì không sẵn ở đây, thì sẽ có ở nơi khác. Ai mà tinh mà thính, thì phần may về người ấy.

Tôi lễ phép cảm ơn, và cùng lúc ấy tôi vụng về hớ

hênh quá : thì ra tôi bảo y biên tên những sách tôi cần dùng. Bạn tôi thích cánh ra hiệu, nhưng đã muộn rồi ! Mendel đã kịp ném cho tôi một cái nhìn của kẻ đắc thắng, vừa là cái nhìn của kẻ bị lảng nhục, một cái nhìn chế riếu và đầy vẻ bề trên, một thứ nhìn thật có thể gọi là cái nhìn vua chúa. Có lẽ xưa kia Macbeth bị dụ hàng đã nhìn Macduff như vậy. Mendel cố dẫn một tiếng cười khẩy, như thể y cố nuốt một tiếng tục tằn cho nó trôi qua cái cổ họng lộ liễu của y. Cái nhà bác Mendel quý hóa kia có quyền ném vào mặt tôi những câu đê hạ nhất được. Duy một người lạ, một người y chưa quen biết, mới có thể bảo y ghi chép lấy tên sách, như là bảo các công chức ở thư viện. Thôi đi nào ! Cái bộ óc khó sánh kia, trong như kim cương kia, có bao giờ phải lụy đến chước ấy đâu !

Mãi về sau tôi mới hiểu là mình đã súc phạm đến trang thiên tài hiếm có ấy như thế nào. Thực vậy, cái anh chàng Do Thái cần cỗi, xấu xí và tóc xù râu rậm kia có một trí nhớ khổng lồ. Đằng sau lớp trán lông lá bần thần nọ, một bàn tay thần vô hình đã khắc như khắc vào kim khí vô số những tên sách. Về bất cứ sách cổ kim nào, cũng không ngập ngừng mà đọc ra tên tác giả, nơi sản xuất, giá mới, cũ bao nhiêu ; y nhớ vanh vách cả từng tranh ảnh và những bản sao. Về tất cả các sách, kể cả những cuốn y mới thoáng nhìn ở các cửa hàng, y đều ghi rõ lấy hình ảnh, như nhà mỹ-thuật ngắm nghía sẵn từ trong trí hình ảnh tác phẩm sắp cấu tạo. Thí dụ như trong

bản liệt kê của một hàng sách ở Ratisbone có đề giá một cuốn nào đó là sáu *mark*, thì y nhớ ngay rằng cũng có một bản sách như vậy bán đấu giá ở Vienne hồi hai năm trước có bốn *couronne*, mà y lại thuộc cả tên người mua nữa. Nói thực ra, Jacob Mendel không hề quên một nhan đề hay một niên hiệu nào. Y thuộc lâu mỗi vị tinh tú, mỗi cây cỏ, mỗi côn trùng trong cái vũ trụ luôn luôn biến chuyển của khoa thư tịch. Y rành rọt hơn cả các nhà chuyên môn. Y thông thuộc các thư viện hơn là người giám đốc thư viện ; y nhớ lâu số sách vở chứa trong các hiệu sách lớn, hơn là các ông chủ có sẵn những mục lục hay tử phiếu liệt kê. Mà tuy thế, y chẳng có gì, trừ cái ảo thuật khó sánh của trí nhớ. Cái ký ức phi phàm kia chỉ có thể tạo nên và trở nên già giặn vì cái bí quyết đời đời nó đưa đến tận thiện tận mỹ : bí quyết ấy là trầm mặc.

Nhưng trừ sách vở ra, con người kỳ dị kia không biết gì đến thế giới bên ngoài nữa. Bao nhiêu những cái gì do sự sinh hoạt phát biểu ra, chỉ có nghĩa cho y là khi nào những thức ấy hóa thành chữ in, hợp lại và ký thác trên trang giấy sách. Cả những sách ấy nữa, y không biết mảy may gì về nội dung. Duy có nhan đề, tên tác giả, tên nhà xuất bản, giá tiền là thừa sức quyến rũ y thôi. Cái ký ức chuyên trị của Jacob Mendel không thể sáng tác nên gì cả, nó chỉ là tờ kê dài vô tận những tên người, tên sách, in trong chất mềm của não cân y, chớ không phải là in trên mục lục nữa. Mà với sự loàn hảo vô song ấy, ký ức

anh chàng cũng ngang với tài Napoléon nhớ mặt từng người, tài Mezzofanti nhớ tiếng ngoại quốc, tài Lasker nhớ nước cờ, tài Busoni nhớ âm nhạc. Giá đem đặt vào trong các kho tàng công cộng là những thư viện kia, thì cái bộ óc y có thể chỉ dẫn và làm sống sót hàng nghìn sinh viên và nhà thông thái, có thể giúp ích vô kể cho học vấn. Nhưng một người lái sách nghèo nàn và vô học, bất quá chỉ thuộc có kinh Talmud, đâu có thể chòì đến cái thế giới cao siêu kia được. Vì vậy những tài năng kỳ ảo của y chỉ có thể lẫn lút phô bày ra trước cái bàn nhiệm màu của nhà hàng Gluck. Nếu một ngày kia, một đại gia tâm lý học nào mà muốn nhận xét và phân tách hình thức, loại và màu vẽ của ký ức — như xưa kia Buffon đã phân loại các động vật — thì cần phải nhớ đến Jacob Mendel, một thiên tài chuyên trị về khoa thư tịch, một kẻ vô danh.

Chính thức ra, và dưới con mắt những người lạ, Jacob Mendel chỉ là một anh lái sách xoàng. Mỗi chủ nhật, trên tờ « Tân tự-do báo » và tờ « Vienne thành tiên-tức » có lời quảng cáo in bản đúc như sau này : « Tôi mua tận nhà những sách cũ, trả giá hời. Mendel, phố Alser ». Kèm theo sau là số điện thoại — số của nhà hàng Gluck. Mỗi tuần lễ, y đi thu nhặt những hàng hóa mua được. Có một tên phu râu ria ra dáng khuôn vác theo sau. Xong rồi người lái sách cố đẩy hàng cho mau chóng, vì y không đóng môn bài. Thế cho nên y mới phải dọ dầy suốt đời làm một anh lái sách nghèo nàn. Các sinh viên đến bán cho y

sách cũ ; những sách ấy do y đứng mỗi giờ lại chuyển
 sang tay các sinh viên lớp sau. Mendel còn lĩnh công
 việc mua cho họ những sách cũ, bất cứ sách gì, chỉ
 cần ăn một số hoa hồng rất nhẹ. Người ta có thể hỏi
 han y mà không tốn kém. Trong đời y, bạc tiền không
 có là gì cả. Bao giờ y cũng mặc những áo xơ xác như
 nhau. Buổi sáng, hồi quá trưa, và buổi tối, y uống
 một tách sữa và ăn hai chiếc bánh nhỏ. Đến chính
 Ngọ, người ta đem ở hiệu cơm trước cửa cho y một
 bữa ăn tốt dạ đường đoảng, Y không hút thuốc lá,
 không chơi bời. Ta có thể bảo rằng y không sống
 nữa. Duy có đôi mắt là còn sống sau lần nhả kính
 bàn đục, và luôn luôn nuôi sống chất não tủy bí mật
 và phong phú của y bằng những danh từ, những tên
 sách, tên người. Cái chất óc này hút rất tham lam
 món đồ ăn rồi rào kia, giống như một bãi cỏ hút lấy
 hàng triệu giọt mưa. Mendel không để tâm gì đến
 người thế. Kể tất cả những thị dục con người ta, y
 chỉ biết có một thứ, đó là lòng kiên nại, một thị dục
 hợp với bản chất con người hơn cả. Khi nào có kẻ
 đến hỏi y về một điều đã tìm hoài hủ các chỗ khác
 không được, mà y thì có thể bảo cho biết ngay lập
 tức, thế là y sung sướng đến tận đáy lòng. Có lẽ y
 hóm hỉnh vì rằng ở Vienne và ở mấy nơi khác có vài
 tá người lỗi lạc hiểu được giá trị của y và tìm bồi
 đến y. Họ lui tới nhà hàng Gluck, với một lòng tin
 nhiệm hoàn toàn, mỗi khi họ cần giải quyết một bài
 tính khó cực kỳ. Hồi ấy tôi còn trẻ và lại có tính tọc
 mạch, nên tôi nên cho là vô cùng khoái lạc khi nào

được dự vào những cuộc hời hợt.

Khi nào có ai đưa cho Mendel xem một quyển sách không quan trọng mấy, y gấp sách đánh phập một cái mà lầm bầm rằng: « Cái này đáng giá hai *cou-ronne* ». Trái lại, gặp được một bản sách độc nhất, hay hiếm có, y kính trọng ngả người về đằng sau, và cẩn thận đặt sách lên một tờ giấy trắng tinh. Y xấu hổ ra nét mặt, vì ngón tay mình giây mực bẩn thỉu. Rồi y giở từng trang cuốn sách quý giá kia, với một vẻ thật là thành kính. Trong lúc đó không ai có thể làm làm rộn y được, cũng như ta không thể làm rộn được một tín đồ đương cầm lòng cầm trí đọc kinh vậy. Cái lối chiêm ngưỡng, sờ, ngửi và cân nhắc sách ấy giống như những nghi tiết thiêng liêng của một lễ đạo. Y lắc lư cái lưng còng, mồm lúng búng mấy tiếng, và tay thì quờ lên đám tóc rậm rì. Y thốt lên tiếng ngạc nhiên, khi thì một tiếng à ! dài tỏ ra mình cảm phục say đắm, khi thì một tiếng ối ! sợ sệt, khi nào y gặp một trang thiếu hay bị một đục. Sau cùng, y kính cẩn nâng quyển sách cổ lên. Đôi mắt lim dim, y hít lấy hương sách, sung sướng như một thiếu nữ giàu tình cảm đương ngắm nhìn một đóa hồng. Trong những lớp hành động lâu la và rắc rối ấy, chắc là chủ nhân quyển sách phải chịu khó chờ. Nhưng sau cuộc xem xét kỹ càng đó, Mendel bảo cho biết tất cả những điều cần thiết một cách đơn giản và có thể gọi là đầy khởi hứng nữa ; y không quên thêm thắt vào đây những câu giai thoại kỳ thú và những lời chỉ dẫn ích

lợi về giá bán các bản sách tương tự. Những lúc đó, y như trẻ hơn, khỏe hơn. Duy có việc này là có thể làm cho y nổi tam bành : là cử chỉ do hảo tâm của một kẻ mới tập nghề chơi sách muốn biến một số tiền thưởng đề đền công giám định của y. Khi ấy y sẽ phật lòng, lùi lại như lối một nhà giữ viện Bảo-tàng từ chối số tiền thưởng của một ông dân Mỹ. Được giở trang giấy một bản sách hiếm, thế là Mendel đã được sung sướng giống như cái khoái lạc của một tình lang đương vượt ve người giai ngẫu. Những thời khắc đó là những đêm tình ái bằng tinh thần của y vậy. Duy sách vở là có ảnh hưởng với y, bạc tiền thì tình không bao giờ. Các nhà chơi sách tiếng tăm, trong số đó có viên sáng lập ra Đại-học đường thành Princeton, đã uông công vờ đến y, cho y làm cố vấn hay làm người mua hộ, bao giờ y cũng từ chối. Y không thể ở đâu, ngoài nhà hàng cà phê Gluck.

Y là một người bé nhỏ gầy còm, mé cằm còn bợn một chút lông tơ, tóc thì soắn như chôn ốc. Y rời bỏ tỉnh nhà đã được ba mươi ba năm rồi, đến Vienne để hòng làm giáo-pháp sư (1) Nhưng chẳng mấy chốc y đã bỏ con đường của đấng Jéhovah mà quay về cái đạo đa-thần của các quyền sách nó quyến rũ. Hồi đó, y đóng ở nhà hàng Gluck, dần dà thành bản giấy của y, đại bản doanh của y, trung tâm điểm vũ-trũ của y. Như một nhà thiên-văn nhìn ở lỗ nhỏ

(1) Chức linh-mục của người Do-thái.

sáu của thiên-lý-kính hàng ước, triệu tinh tú, mà nghiên cứu sự vận-hành, cái vị trí, cái ánh sáng lúc thì bùng lên, lúc thì nhạt mờ của các vì sao, Jacob Mendel ngồi ở chiếc bàn vuông của mình, dương mục kính mà ngắm nhìn một vũ trụ khác cũng biến chuyển, một thế giới cao hơn tầm thế giới thực sự, thế giới sách vậy.

Lẽ dĩ nhiên là Mendel rất được mến chuộng ở nhà hàng Gluck. Nơi này nổi tiếng là nhờ cái tòa giảng đường vô hình của người lái sách bé nhỏ, hơn là do sự đeo tên nhà trước giả âm nhạc đại tài Christophe Willibald Gluck, người đã tạo nên hai vở *Alceste* và *Iphigénie*. Thân thể Mendel cũng thuộc vào bản tài sản mục lục của nhà hàng như là cái quầy cũ bằng gỗ cây anh đào rừng, như hai bàn bi đã có chỗ vá, như cái ấm cà phê đồng. Người ta chăm nom cái bàn của y như một nơi thờ tự. Mỗi lần y đều nhã nhặn mời cái đám đông người đến thăm mình một món rượu, thành thử công việc lơ lơi bao nhiêu lại đổ vào cái túi tiền da của chủ lái rượu Deubler. Đánh đổi lấy sự thiết thời ấy, Mendel được hưởng mấy thứ đặc quyền. Y dùng điện thoại không mất tiền ; có người đưa tận tay cho y các thư từ báo chí của y và người ta còn càng đáng công việc y sai bảo nữa. Cái nhà bà cụ trông nom ở phòng rửa mặt thì chải áo, khâu khuy cho y, và mỗi chủ nhật lại đem quần áo của y đến nhà thợ giặt. Một mình y có quyền được gọi đem đồ ăn ở hiệu bên cạnh sang. Và mỗi tuần lễ Stan-

dhartner, người chủ hàng, thân hành đến tận bàn nọ mà chào y. Có điều thực nữa rằng Mendel mãi miết đọc sách nên rất ít khi đáp lễ.

Đúng tám giờ rưỡi sáng, y vào hàng cà-phê, đến tối, khi nào người ta tắt đèn, y mới trở ra. Không bao giờ y nói nửa nhời với khách hàng. Y không đọc tờ báo nào cả, và không có nhận biết bất cứ cái gì đổi thay chung quanh mình. Một hôm, ông Standhartner nhả nhận hỏi y xem bây giờ y đọc có thấy dễ chịu hơn không, bởi vì trong hàng đã dùng đèn điện thế vào lớp đèn hơi than, ánh sáng lấp láy. Y ngẩng đầu hết sức ngạc nhiên. Hai mắt kính bóng loáng của y hút vào trong não những chữ in li ti như hàng ức triệu con trùng. Ngoại giả không có gì liên can đến y cả. Y đã sống ngoài ba mươi năm như thế, ở chỗ bàn này, y đọc, y so sánh, y luôn luôn hóa hợp, y xa hẳn thế gian, dường như mình đã lâm vào một giấc mơ vô tận.

...

Vì vậy, tôi mới giật mình khi tôi thấy loáng trong bóng tối cái bàn mặt đá của Jacob Mendel, tro tro như một nắm đá mỗ. Bây giờ, nhiều tuổi hơn, tôi mới hiểu ý nghĩa sự biệt tích của con người ấy. Trước hết là tại những quái trạng như thế ngay một hiểm ở trong cái thế giới càng ngày càng bị tiêu chuẩn hóa. Và sau nữa, là hồi còn niên thiếu, tôi đã vô tình quyến luyến cái người kỳ khôi kia.

Tôi đã thăm đoán là trong con người y có một điều bí ẩn lớn lao: tất cả những sự sáng tác mới lạ và mạnh mẽ của chúng ta là kết quả sự ngưng tập ý tưởng, một thứ tập cao diệu, gần như chứng điên cuồng. Hơn cả các thi sĩ đương thời, người lái sách loắt choắt vô danh kia đã lấy đời của y làm thí dụ mà tỏ cho tôi biết rằng một cuộc sống tinh thần thuần khiết, sự chau dồi một ý kiến duy nhất, sự mặc tưởng thâm trầm như sự mặc tưởng của một thầy tu Ấn-độ hay một thầy dòng thời Trung-cổ, đời nay hãy còn có thể thực hành được, dù là bên cạnh phòng điện thoại, dù là ở dưới ánh đèn sáng lòa một tiệm cà-phê.

Sao tôi lại có thể quên được Jacob Mendel ? Thực ra là tại có chiến tranh, tại tôi chuyên tâm vào các tác phẩm của mình với một lòng sốt sắng ngang như của y. Bây giờ nghĩ đến y, tôi thấy mình ngượng ngịu, mà lại vừa tò mò nóng biết nữa.

Y bây giờ ra sao ? Có thể tìm y ở đâu ? Tôi gọi hỏi tên bồi. Hắn lấy làm tiếc, quả quyết rằng mình không biết Mendel là ai, và không ai có tên như thế lui tới nhà hàng. Hắn nghĩ đôi chút, rồi hỏi thử xem tôi muốn nhắc đến ông Mande mở hàng tạp hóa ở phố Saint-Florian. Tôi mím môi lại, cay đắng nghĩ đến cái kiêu bạc của thế sự. Chúng ta sống để làm gì, nếu sau gót chân mình, trận gió đã cuốn mất cái vết tích cuối cùng đoạn đường của chúng ta ? Hơn ba mươi năm trời có một người đã thở, đã đọc, đã nghĩ, đã nói trong phạm vi mấy thước vuông này ; rồi một vị hoàng-đế mới lên ngôi, thăm thoãn có ba bốn năm

cũng đủ cho người ta quên bằng tên Joseph (1). Ở hàng cà-phê Gluck mà người ta còn không biết cả đến tên của Jacob Mendel ! Tôi gần nổi giận, hỏi tên bởi xem tôi có thể nói chuyện với ông Standhartner, hay xem có ai là người trong bọn người nhà ngày xưa không ? Ông Standhartner đã bán cửa hiệu từ lâu, và ông đã chết rồi. Còn viên quản lý cũ thì đã nghỉ việc về hưu trí ở một cơ ngơi nho nhỏ gần tỉnh Krems. Không còn ai để cho mình hỏi han nữa ! À mà có !... Bà cụ Sporschil hãy còn ở đây, mẹ trông nom buồng rửa mặt... có cái xước hiệu tâm thường là bà Xúc-củ-là. Nhưng chắc mẹ không thể nhớ hết được những khách hàng cũ.

Tôi liền tự nhủ rằng không ai có thể quên được một Jacob Mendel, rồi tôi cho gọi mẹ đến.

Bà Sporschil khó nhọc kỳ khu từ tận lớp buồng dưới hầm lên. Tóc mẹ bạc phơ và rối bù, bàn tay ướt át và đỏ cháy. Có lẽ mẹ vừa cọ sàn hay là lau cửa kính xong. Mẹ cảm thấy mình như lạc thung thò dưới ánh đèn chói lói của nhà hàng. Thường dân ở Vienne thấy ai gọi hỏi mình, liền nghĩ luôn đến mặt thám. Vì vậy mẹ mới nhìn tôi một cách đa nghi, thận trọng và lăm li. Mẹ áng chừng là có chuyện dữ. Nhưng tôi vừa hỏi thăm đến Jacob Mendel, thì mẹ đứng ngay người lên, nhìn tôi bằng một cái nhìn sáng rực vì những kỷ niệm do danh tính nọ gây nên.

(1) Cựu hoàng nước Áo

Trời ơi ! Tôi nghiệp cho ông Mendel ! Hãy còn có người nhớ đến ông ta ư ! Mụ cảm động gần muốn khóc, như lối các cụ già nhớ lại tuổi đương thì.

Tôi hỏi xem y còn sống không.

—Trời ơi ! cái ông Mendel đáng thương ấy mất đã năm, sáu hay bảy năm nay rồi ! Con người tốt như thế ! Khi tôi nghĩ rằng tôi quen biết ông ấy trong bao nhiêu lâu, có đến hai mươi năm năm, thế mà khi tôi vào làm ở đây, đã có mặt ông ta rồi.

Mụ mỗi lúc lại trở nên thêm hoạt bát, hỏi tôi xem có họ hàng gì với y không. Chẳng có ai đến hỏi tin tức của y cả. Ông có biết ông ấy chết ra làm sao không ? Mụ hỏi tôi như vậy.

Tôi quả quyết rằng mình không biết và yêu cầu mụ kể hết cho tôi.

Mụ dứt dút và lúng túng chùi tay ướt vào cái mảnh áo che bàn đùi. Tôi hiểu ngay rằng mụ không quen ở trong nhà hàng. Thỉnh thoảng mụ quay ngoắt lại xem có tên bồi nào nghe vụng không.

Tôi mời mụ sang bên phòng giải trí, đến chỗ Mendel ngồi ngày xưa. Mụ nhận lời, tỏ ý cảm ơn, và đi trước tôi, bước chân không còn vững vàng nữa. Có hai tên bồi ngạc nhiên nhìn theo ; vài người khách quen cũng không ngờ nhìn thấy một đôi cộc cạch như thế.

Và khi cùng ngồi ở chỗ bàn của y rồi, mụ mới kể lại cái chết thảm khốc của Mendel người lái sách (mãi về sau có thêm mấy tin khác bổ cứu cho lời thuật chuyện của mụ) :

Mụ kể rằng hồi mới chiến tranh, ngày nào cứ đúng tám rưỡi sáng là y cũng đến; như thói thường, y ngồi ở cái bàn này, và mài miệt nghiên cứu suốt ngày. Ai cũng nhận thấy rằng y không hề biết đến những việc đương xảy ra. Không bao giờ y xem báo, và chẳng nói chuyện với ai cả. Ngay khi các trẻ bán báo rao âm ỹ những số nhật trình đặc biệt, y cũng không lưu ý tới. Y không để ý rằng Franz, cái người ghi điểm số bi bản đã vắng mặt, hẳn vừa mới từ trần ở gần Gorlice; y không biết rằng con trai của Standhartner bị bắt làm tù binh ở Przemysl. Y không hề có một lời kêu ca, khi thứ bánh đã trở nên xấu hơn, khi người ta dọn cho y một tách nước chè-là gộp ghiếc để thay món cà-phê sữa. Có mỗi một lần y thốt ra rằng mình ngạc nhiên vì thấy rất ít sinh viên lui tới. Trời ơi! Tội nghiệp! Y chỉ nghĩ đến sách của mình thôi.

Nhưng một ngày kia, tai họa dân đến. Hồi mười một giờ sáng một hiến binh và một ông mật bước vào hỏi có tên nào là Jacob Mendel năng lui tới nhà hàng. Người ta dẫn họ đến bàn người lái sách. Y còn ngây thơ tưởng rằng họ muốn bán sách hay muốn hỏi han điều gì. Nhưng họ đã ra lệnh bắt y phải đứng dậy đi theo họ.

Tất cả nhà hàng cùng phần nộ, những khách quen xúm lại chung quanh bác Mendel đáng thương kia. Y gạt kính lên trán, ngơ ngác nhìn người hiến binh, không hiểu người ta muốn làm gì mình. Về phần mụ, thì mụ có bảo với người ta là chắc người ta lầm, một

người tử tế như Mendel không thể làm hại ai được, dù là con sâu cái kiến. Nhưng viên mật thám đã quát bảo rằng mụ không có quyền can thiệp vào đấy. Rồi chúng điện y đi. Từ đấy, trong khoảng hai năm trời, không ai được gặp y nữa. Mãi tận ngày nay, mụ vẫn chưa hiểu rõ là người ta buộc cho y tội gì.

Mụ nói :

— Tôi thề rằng ông Mendel không có gì lầm lỗi cả. Các viên chức kia nhằm đấy, tôi nhất quyết rằng thế. Bắt bớ một người trong sạch như thế là họ đã phạm vào trong tội đó !

Mụ già Sporschil nói đúng. Jacob Mendel không có phạm tội nào cả, y chỉ vì ngậy đại mà làm một việc lầm lẫn, chung quy tại y hoàn toàn không biết đến các việc xảy ra chung quanh mình. Đầu đuôi thế này :

Ở phòng kiểm duyệt coi việc trông nom thư từ trao đổi với các nước trung-lập, một hôm người ta vớ được một tấm bưu-tiện do một tên Jacob Mendel viết và ký tên. Một sự không ngờ là bức đó lại gửi sang nước bên địch, cho tiệm sách Jean Labourdaire, ở Paris, phố Grenelle. Người gửi than phiền không nhận được tấm số cuối cùng tờ « Pháp quốc thư tịch kỷ yếu », mặc dầu mình đã trả trước tiền mua một năm. Viên chức sở kiểm duyệt là một giáo sư trường trung học, chuyên khảo cứu về các thứ tiếng nguyên gốc ở *la tinh*, Đọc bức ấy, ông không tin, cho rằng là một trò đùa lý thú. Mỗi tuần lễ ông đọc ước chừng hai nghìn lá thư để mà dò tìm

xem có bức nào khả nghi, hay xem có vết tích một việc gián điệp nào chẳng; chưa bao giờ xảy ra một việc gì vô nghĩa lý như việc vừa rồi: một người gửi gắm một cách ngây thơ mấy lời từ nước Áo sang bên Pháp, cứ điềm nhiên bỏ vào hòm thư một cái bưu-tiện để gửi sang địch quốc, như thể là biên thư không có chẳng giấy thép gai, như thể là mỗi ngày nước Pháp nước Đức, nước Áo và nước Nga không giết lẫn của nhau hàng nghìn nhân mạng! Thoạt đầu, ông bỏ cái bưu-tiện ấy vào trong ngăn kéo, giữ lấy để kỷ niệm một vật kỳ khôi, mà không nói đả động cho ai biết. Nhưng vài tuần lễ sau, một tấm bưu-tiện nữa lại đến, nhưng lần này gửi cho nhà bán đồ cổ John Aldrige, ở Londres, vườn hoa Holborn. Cũng cái anh chàng kỳ quặc có cái tên là Jacob Mendel ký rõ ràng và yêu cầu người ta gửi cho mấy số cuối cùng tờ « *Người bán sách cổ* ». Giáo sư bắt đầu thấy nóng cả người: biết đâu đó chẳng giấu một ý nghĩa bí mật. Ông đứng dậy, ra mắt viên tham mưu, uốn thẳng người theo lối nhà binh, rồi đặt hai tấm bưu-tiện trên bàn, trước mặt viên ấy. Ông này có một cử chỉ ngạc nhiên, rồi lầm bầm: Kỳ khôi, thực là kỳ khôi lắm! Trước hết ông ra lệnh cho sở cảnh sát truy cứu xem có người nào tên là Jacob Mendel thật không. Một giờ sau Mendel bị bắt giải đến ông tham mưu; y hãy còn loạng choạng vì kinh ngạc. Viên sĩ quan giở cho y xem những bưu-tiện bí mật kia và hỏi xem y có nhận là chính mình viết ra không. Mendel khó chịu vì cái giọng nghiêm-khắc ấy và cũng bức mình

vì đã bị làm rầy rà trong lúc y đương xem dở một cuốn liệt kê quan trọng, y đáp bằng một giọng gần như vô lễ :

— Lẽ dĩ nhiên là ai cũng có quyền đòi hỏi tờ báo mua năm đã trả tiền rồi.

Viên tham mưu quay lại phía một người sĩ-quan ngồi ở bàn bên cạnh. Hai người trao đổi một cái nhìn có nghĩa rằng thằng kia là thằng rồ. Trong giây lát viên tham mưu tự hỏi xem có nên mắng nó qua quýt rồi cho cái tên dở người kia đi về, hay là phải tin cho lời khai của nó là thực. Khi nào một công chức phân vân không biết nên quyết định ra sao trước hết họ lập biên bản đã. Tờ biên bản bao giờ chẳng có ích lợi. Nếu không dùng được việc, thì cũng chẳng hại gì; nó chỉ là mớ giấy lộn để thêm vào những mớ giấy lộn khác.

Tuy vậy, trong trường hợp này, tờ biên bản đã làm hại một người tội nghiệp, Người ta hỏi tên y : Jacob hay đúng hơn nữa là Jainkeff Mendel ; nghề nghiệp của y : bán hàng xén. (Y không có môn hài bán sách, chỉ có một cái vé bán hàng rong), Câu hỏi thứ ba đem tai bay vạ gió đến :

— Anh để ở đâu ?

Jacob Mendel nói tên một thị trấn nhỏ ở gần Pétrikan. Viên tham mưu chau mày. Đây có 'phải là ở bên Ba-Lan thuộc Nga, gần giáp biên thùý đó không ? Thế thì đáng ngờ thật ! Vì vậy, cuộc tra hỏi lúc ấy trở nên nghiêm ngặt hơn :

— Anh được phép cư trú ở bên Áo từ bao giờ ?

Mendel nhìn ông ta, ngạc nhiên ra vẻ không hiểu.

— Thế giấy má anh ở trong cái lỗ nào, giấy khai-sinh của anh đâu ?

Y chỉ có cái vé bán hàng rong thôi.

Vẻ mặt ông tham mưu mỗi lúc lại thêm nghiêm nghị :

— Anh hãy cho tôi biết anh là người nước nào ?

Cha anh là người Áo hay người Nga ?

Mendel đáp rất điềm nhiên :

— Người Nga, lẽ cố nhiên.

— Còn anh ?

— Tôi đã vượt qua biên giới sang ở bên này từ ba mươi ba năm nay, để trốn đi lính. Từ hồi ấy, tôi ở Vienne.

Viên tham mưu bối rối lại hỏi :

— Anh được phép cư trú từ bao giờ ?

Mendel đáp :

— Tôi chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện đó cả.

— Vậy thì anh còn là người Nga ?

Cuộc thẩm vấn ấy làm cho Mendel khó chịu. Y thản nhiên đáp ;

— Vâng, tôi cho rằng thế.

Ông tham mưu ngả người vào ghế bành một cách đột ngột, làm cho ghế phải kéo kẹt. Làm sao lại có chuyện tầy đình như thế này được ? Năm ấy là năm 1915, sau trận Tarnow, sau cuộc đại tấn công, mà một người Nga lại tự do đi lại ở Vienne, ở kinh đô nước Áo; hơn nữa, y lại còn viết thư sang Pháp, sang Anh, thế mà sở cảnh sát không để ý đến hẳn !

Thế mà ban tham mưu của chúng ta lại còn ngạc nhiên không biết bởi đâu cứ mỗi cuộc hành binh là người Nga đã có gián điệp báo cho biết rồi !

Viên sỹ quan đứng dậy và lại đứng ở trước bàn :

— Tại sao anh không khai ngay lập tức là anh là người ngoại quốc ?

Mendel bao giờ cũng ngây thơ như thế, đáp bằng cái tiếng chọ chệ Do-Thái :

— Tôi khai để làm gì ?

Câu hỏi dớ dẩn làm cho viên tham mưu thịnh-nộ.

Ông quát hỏi xem y có đọc những tờ thông cáo của chính phủ, hay là có đọc nhật trình không.

— Không.

Hai viên công chức chờ người trong một lúc, như thể đứng trước một quái trạng phi phạm. Dần dà Mendel cũng cuống quýt. Trán y lóng lánh mồ hôi...

...Chuông điện thoại reo, máy chữ lạch cạch, tùy phái chạy đến...

Người ta quyết định cho giải Mendel đến nhà giam trong hai đề đợi có chuyển là sẽ đưa đi an trí một nơi. Khi được lệnh theo hai người lính mà người ta gọi đến đề điệu y đi, y có vẻ nghi hoặc. Y không biết rõ là người ta muốn làm gì mình. Cái người đeo lon và có tiếng nói khắc nghiệt kia có ý định gì ? Trong thế giới sách vở mà trước kia Mendel vẫn sống đâu có sự hiểm lăm, đâu có chiến tranh, chỉ có một lòng muốn duy nhất, là lòng muốn biết, muốn bao giờ cũng học biết được nhiều danh từ, nhiều niên biểu, nhiều nhan đề, nhiều danh tính hơn nữa, và

mãi. Y bình tĩnh xuống thang gác, có hai chú lính kèm hai bên nách. Đến người ta móc ở túi y ra tất cả các sách, người ta tịch thu cuốn sổ tay của y trong đựng hàng trăm bức phiếu và địa chỉ. Khi đó y mới vùng vẫy hăng lắm, phải đàn áp lấy y. Đôi mục kính, cái ống viễn kính thần nó nối liền y với thế giới trí thức, rơi xuống vỡ ra từng mảnh. Hai ngày sau, họ tổng y đến nơi giam các người thường dân Nga ở gần Komorn, trên người y chỉ còn manh áo đơn.

Chúng ta không có tin gì cho biết về những nỗi khổn khó về đường tình thần mà Mendel đã trải trong hai năm... Bị kéo tuột ra ngoài thế giới sách vở, chng quanh mình toàn một đám người thất học, y như là con phượng hoàng gãy cánh. Tất cả những tội ác của cuộc đại chiến, không có tội nào vô nghĩa, vô dụng và do đó phi luân lý hơn là cái việc hợp lại và chắt lại ở một nơi đằng sau lớp giây thép gai những người thường dân ngoại quốc đã quá tuổi trai tráng rồi, họ sơ xuất không chịu trốn đi ngay, chỉ vì họ tin ở cái lễ đãi khách, cái lễ mà giống man di mọi rợ còn biết trọng nữa là. Tiếc thay, cái thứ tội ác mạo phạm đến văn minh ấy cũng diễn ra như vậy ở bên Pháp, bên Đức, bên Anh, ở mỗi thước đất châu Âu rồi loạn kinh hoàng của chúng ta.

Như số nhiều kẻ có tội khác ở trong cái chuồng người kia, Jacob Mendel có thể làm mồi cho bệnh điên, hay là sẽ chết khốn nạn vì bệnh lý, vì suy nhược hay là vì thất vọng, giá không có một sự tình cờ khiến y được trả về với xã hội quen thuộc của

minh.

Từ ngày y mất tích, nhiều lần có thư của những người quyền thế gửi đến địa chỉ của y. Bá tước Schoenberg, trước kia làm thống-dốc ở Styrie, một nhà chăm sưu tầm những sách về huy chương học; đức cha Sirgenfeld, cựu niên trưởng trường Đại-học về khoa thần-học, đương làm dở một cuốn tổng bình về Thánh Augustin; một người được bội tinh Pisek là thủy sư đô-dốc về hưu trí, đã tám mươi tuổi; gần ấy người đã bao lần viết thư lại đăng hàng Gluck cho Joseph Mendel. Có vài bức thư được lọt vào mắt một viên đại úy hảo tâm; ông ta ngạc nhiên vì thấy những nơi cao quý lại giao thiệp với cái tên Do-thái loắt oắt, bần thủ và mù dờ này, hẳn ngồi một xó, im và sấm sịt như một con chuột đất. Người nào mà giao thiệp với những kẻ tai mặt như thế hẳn không phải là người thường. Vì vậy ông thiếu tá mới cho phép Mendel được phúc đáp các thư kia, và được yêu cầu các quan thầy vận động cho mình. Nhờ có sự tương thân tương ái đậm đà giữa đám người chơi cờ vật, các ông quan thầy này ngay lập tức đã đi vận động khắp nơi để tha cho y. Nhờ họ, Mendel, sau hai năm giam cầm mới có thể trở về Vienne năm 1917, và phải theo điều kiện là ngày nào cũng đến trình diện ở sở cảnh sát. Dù sao chẳng nữa, y lại có thể đi đứng tự do, ở cái gác tối tăm của mình, dạo qua các cửa hàng sách và an cư ở hàng cà-phê Gluck.

Bá Sporschil có được mục kích khi Mendel trở về.

Mụ có thể kể đúng được cho tôi nghe, theo như trí nhớ của mụ :

— Một hôm, *Giê-su-ma* / thấy cửa mở, tôi tưởng như là mình mê ngủ ấy. Nó mở thế nào chắc ông biết rồi : chỉ đủ cho ông ta đi vào. Ấy thế là cái ông Mendel tội nghiệp ấy rón rén bước vào. Ông mặc một cái áo khoác nhà binh cũ, rách như tờ giấy, đầu thì đội một thứ gì mang máng như cái mũ. *Cổ-cồn* chẳng có, *cà-vạt* thì không. Sắc mặt như ở áo quan chui ra, tóc trắng xóa, người chỉ còn da bọc xương. Trông mà tội. Ông ta vào như trước kia không có chuyện gì cả, chẳng nói gì, chẳng hỏi ai, đến ngồi ở bàn của mình, sau khi đã cởi áo khoác ra. Nhưng cử chỉ ấy không có gì là trơn tru dễ dàng như trước, ông ta khó nh^{ng} a, thở hồng hộc. Túi áo không còn nịch chặt nh^{lại} sách như ngày xưa. Ông ngồi xuống, chòng ch^{ai} nhìn vào bàn bằng đôi mắt thâm quầng và trống rỗng. Dần dần, mãi đến khi chúng tôi đem lại cho ông một tập giấy má ở bên Đức gửi sang, ông mới đọc. Nhưng ông không còn như trước nữa.

Phải, y không còn được như trước nữa. Y đã thối không phải là nhà ảo thuật có phép màu, là một cuốn sô bộ không bao giờ lằm. Tất cả những người được gặp y hồi đó đều nhận thấy như vậy. Trong cái nhìn ngày xưa nó điểm thần và vững vàng biết bao, nay có một cái gì sai lạc, hổng rỗng. Chắc một ngôi sao chồi đỏ lờm ghê gớm nào, trong lúc chạy tit mù, đã vấp phải vị tinh tú yên lành và cô độc ở trong vũ trụ sách vở của y. Mắt y từ bao nhiêu năm

nay quen nhìn những nét nhòe li ti của những chữ in, đã nhìn những điều khủng khiếp trong cái địa ngục có rào giây thép gai. Đôi mi mắt trĩu nặng xuống trông con người ngày xưa hoạt bát và riêu cợt là thế ; đôi mắt xưa kia linh lợi dường nào, nay thì đổ ngẫu và như ngã gà dưới cái mục kính gọng nổi sọc sài bằng chì. Điều này còn thảm khốc hơn nữa, là trong cái lâu đài kỳ ảo của trí nhớ y, có một cột trụ đã lún rồi. Cho nên tất cả đều đổ sụp. Bộ não của chúng ta vốn yếu mềm, cái bộ máy tinh vi ấy làm bằng một chất rất là mong manh, chỉ một huyết quản nhỏ như sợi tóc bị bế tắc, chỉ một giây thần-kinh bị xúc phạm, chỉ một tế bào bị kiệt lực cũng đủ khiến cho mai một cái trí khôn nào hoàn hảo nhất. Trong ký ức Mendel, những giây tơ đồng khó sánh của cây đàn trí tuệ kia không còn âm hưởng nữa. Thỉnh thoảng, mỗi khi có ai đến hỏi han điều gì, y lè lảo nhìn người ta, y không hiểu thấu được như trước, và quên hẳn luôn không biết người ta vừa nói gì.

Mendel không phải là Mendel nữa, cũng như đời không phải là đời. Khi y đọc sách, y không tự đưa mình trong một sự trầm tĩnh yên lành. Y ngồi im, không nhúc nhích, đôi mục kính chĩa xuống quyền sách như một thói quen mà thôi. Người ta không biết đúng là y đọc hay y đang triển miên trong giấc mộng. Y luôn luôn gục đầu xuống sách, y ngủ giữa ban ngày. Có lúc y nhìn hàng mấy giờ liền cái ngọn lửa khói mù của chiếc đèn đất người ta đặt trên bàn y, vì hồi đó cái gì cũng thiếu thốn. Đúng

đấy, Mendel không phải là Mendel nữa. Y không phải là con người có phép lạ, nhưng là một cái rúm thịt gục ở trên ghế. Y không làm vinh dự cho nhà hàng Gluck nữa. Y chỉ là một người khách hàng bất tiện, một ký-sinh-trùng bần thiú gớm ghiếc.

Lời phê phán vừa rồi chính thực là ý kiến người chủ mới là ông Gurtner; ông không thể nào chịu để cho người ta chiếm một cái bàn, ngồi từ sáng đến tối mà chỉ ăn có hai tách sữa với bốn cái bánh nhỏ. Ông nóng muốn tống khứ cái lão già Do-thái kia đi. Chẳng bao lâu thì đã có một dịp. Jacob Mendel đương ở trong cảnh quẫn bách, chỗ tiền mới dành dụm được đã biến đi từ ngày người ta phát hành giấy bạc mới; khách hàng thì tản nát mỗi người mỗi nơi. Y không đủ sức trèo lên các cầu thang gác và đi mua sách tận từng nhà một. Y đã túng quẫn rồi. Sự đó biến lộ ra bằng nhiều vẻ ai cũng nhận biết. Hiếm khi y gọi một bữa ăn đầy đủ, và có một bận, y lẫn lộn ba tuần lễ chưa trả tiền sữa và bánh. Người quản lý muốn tống y ra khỏi cửa, nhưng nhà mụ Sporschil tốt bụng lại đứng ra can thiệp bảo lãnh cho y. Đã nhiều lần, tên bồi nhận thấy số thu nhập của mình không đúng: có nhiều chiếc bánh nhỏ mất biến, và không có ai trả tiền. Hắn nghi cho Mendel. Hắn rình và chẳng mấy chốc đã bắt được quả tang.

Hắn nấp sau cái lò lửa, thấy Mendel đứng dậy sang phòng bên, vợ lấy hai chiếc bánh con, nhai nuốt nghiền ngấu. Khi họ bắt phải trả tiền bánh thì y chối là có ăn gì đâu. Cái bí mật kia đã giải quyết ra rồi.

Tên bồi mách ông Gurtner. Ông này mừng rơn vớ được điều mới khám phá kia, chửi Mendel trước mặt mọi người, gọi y là đồ ăn cắp, và vờ gọi đội xếp. Xong rồi ông ra lệnh bắt y phải cuốn sáo đi ngay, và cấm cửa hẳn. Jacob Mendel run bắn cả người, không đáp gì cả, đứng dậy, đi thẳng.

Bà Sporschil nói với tôi :

— Trông ông ta mà thương hại. Không bao giờ tôi quên được tấn kịch ấy. Đôi kính gạt lên trán, ông đứng dậy, mặt tái như tàu lá. Ông cũng không kịp mặc áo quàng nữa, mà hồi ấy vào giữa tháng giêng. Ông để quên cả sách ở trên bàn ; mãi sau tôi mới biết, chỉ muốn chạy theo trả lại cho ông ta, nhưng ông đã ra ngoài phố rồi, mà tôi thì không dám theo ra đến tận hè, vì ông Gurtner đương chửi réo mà người ta thì xúm đông xúm đổ. Thật là bêu riếu cho nhà hàng ! Hồi còn ông Standhartner, không bao giờ có ai bị đuổi ra khỏi cửa vì tội ăn trộm một cái bánh nhỏ. Mendel có thể cứ ăn bánh cho đến mãn đời. Nhưng thời buổi này, người ta đâu còn có tình nghĩa. Đuổi cả một khách hàng lui tới chốn này có ngoài ba mươi năm ! Thật là bêu riếu ! Tôi không muốn càng đáng lấy tội ấy trước mặt Chúa đâu

Bà cụ Sporschil quý hóa ấy đương xúc động ; theo thói làm cầm của các người già cả, mụ nhắc đi nhắc lại rằng : « Chắc chắn như vậy, đúng như vậy, ông Standhartner mà còn sống thì có cư xử như thế bao giờ. » Sau cùng tôi hỏi xem mụ còn được gặp Mendel nữa không, và y ra thế nào. Khi ấy mụ cổ trắn

tỉnh nói rằng :

— Mỗi ngày, qua bàn ông ta, tôi héo hắt cả ruột gan. Ông có thể tin là thế được. Bao giờ tôi cũng tự hỏi xem cái nhà ông Mendel tội nghiệp kia bây giờ ra sao. Giá tôi biết chỗ ở của ông ấy, là tôi sẽ đem biếu ông ấy chút ít. Bởi vì tôi chắc ông ta không có gì mà ăn, mà mặc. Sau hết, không nhận được tin tức gì về ông ta, tôi đoán rằng không bao giờ mình còn gặp nữa, rằng ông ấy chết rồi. Tôi đã có lần tự hỏi xem có nên xin cho ông ta một lễ không. Ông ấy ngày trước tử tế bao nhiêu, mà đối với tôi lại là chỗ quen thuộc đã dày năm.

Nhưng một buổi sáng sớm, hồi tháng hai, vào lúc tám rưỡi, tôi đương đánh quả đấm đồng cửa sò, thì đấy, cửa mở ra, Mendel bước vào ! Tôi còn ngờ là mình chiêm bao. Ông vẫn biết là ông ta bao giờ đi vào cũng len lén, lúng túng. Nhưng lần này thì khác.

Tôi đoán ngay rằng là có một định kiến dẫn ông đến đây. Mắt ông sáng rực ! Mà trời ơi ! Mới tiền tụy làm sao ! Cbỉ còn xương với da ! Tôi biết luôn là có việc dị thường đây. Rồi tôi hiểu là tội nghiệp cái ông kia không biết gì cả, ông ngủ mê đi giữa ban ngày, ông ấy quên hết cả rồi, ông ấy không nhớ hồi trước mình đã bị đuổi ra khỏi cửa. May ông chủ lại đi vắng, bác bồi thì dờ ăn điềm tâm. Tôi chạy lại bảo cho ông ta hiểu rằng không nên ở nán lại đây, nếu không thì cái đồ vũ phu kia sẽ tổng ra ngoài cửa.



Nói đến đây, bà Sporschil lo lắng quay lại, rồi cải chính : « Tôi muốn nói đến ông Gurtner. »

Rồi mẹ tiếp :

— Tôi gọi Mendel bằng tên của ông ấy. Ông ngược mắt nhìn về phía tôi. Khi ấy, trời ơi, thật là một sự ghê gớm, ông hồi nhớ lại tất cả. Ông giật mình, run bắn cả người. Rồi ông loạng choạng chạy ra cửa, ngã gục ngất đi ở ngay đó. Người ta đánh giầy nói gọi mấy người Do-thái lại khiêng ông đi. Tối hôm ấy ông chết vì xung phôi. Ông đốc-tờ báo cho biết rằng lúc quay về hàng cà-phê thì cái con người đáng thương kia không biết là mình đang làm gì cả. Có cái gì đây ông lại như là ông bị ám ảnh. Tôi tin rằng khi nào người ta ngồi ở một cái bàn trong ba mươi sáu năm trời, thì bao giờ người ta cũng trở về đây, như con chiên quay về chuồng.

. . .

Chúng tôi còn nói chuyện rất lâu về y ; chúng tôi là hai người cuối cùng đã quen biết con người khác thường kia. Tôi thì là người mà y đã vạch cho biết sự toàn thiện của một đời sống tinh thần, mặc dầu cuộc đời của y xoàng xĩnh ; mẹ thì là người đàn bà khốn khổ, đã chải áo, đơm khuy cho y trong hai mươi năm năm. Trước cái bàn bỏ quên kia, chúng tôi hiểu nhau lắm, chúng tôi cùng cảm thông với anh-linh người mà chúng tôi đang nhắc nhở đến. Đang nói dở dang, bỗngưng mẹ nhớ ra một điều :

— Giê-su-ma ! sao tôi lú ruột thế ! tôi hãy còn

quyền sách, quyền sách ông ta bỏ quyền trên bàn ấy mà ! Tôi biết trả lại cho ông ta làm sao được ? Về sau, không có ai đòi quyền sách ấy nữa, tôi mới nghĩ rằng mình có thể giữ lấy làm kỷ niệm. Tôi làm thế không có tội gì chứ ?

Mụ nhanh nhẩu chạy về cái ồ của mụ để tìm sách.

Con tạo-hóa bao giờ cũng hay mua công việc, và thỉnh thoảng lại trào lộng nữa, thường ranh mãnh trà trộn cái khôi hài vào những việc thương tâm nhất. Bà Sporschil đem lại cho tôi cuốn thứ hai tập *Bibliotheca Germanorum erotica et curiosa* của Hayn, cái bản sách mục lục về thứ văn chương dâm dăng mà người chơi sách ai nấy đều biết. Quyền sách nào chẳng có một nghiệp riêng ? (1) Số kiếp đã khiến cho cái tập sách nguy hiểm ấy lọt vào hai bàn tay răn reo và vô tội xưa nay chỉ giở đến những trang sách kinh. Tôi mím môi dẫn lại một nụ cười. Bà cụ lo hãi hỏi tôi xem có phải là một cuốn sách quý, và mụ có thể giữ lấy được không.

Tôi thân mật bắt tay mụ :

— Bà cứ giữ lấy mãi mãi ! Ông bạn cũ Mendel của bà sẽ sung sướng là trong đám nhiều người ông ta mua sách hộ cho, có một người hãy còn nhớ đến ông.

Rồi tôi đi, trong lòng khâm phục bà cụ già tội nghiệp kia đối với con người đã khuất hãy còn trung thành một cách giản dị và nhân đạo biết bao. Với lòng ngây thơ căn bản, mụ đã kính cần giữ một

(1) Habent sua fata libelli

quyền sách để mà dễ nhớ lại kỷ niệm của y hơn nữa. Còn tôi, tôi đã quên Mendel trong bao năm liền. Tuy vậy tôi vẫn biết là sách làm ra để đoàn kết mọi người, ngoài cả phạm vi sự sống chết, và để che chở chúng ta khỏi tay quân thù ác nghiệt nhất trần đời là sự quên lãng vậy.

HUYỀN-HÀ dịch

CÁI ÁNH ĐÈN NHÀ TRƯỚC CỬA

của **LUIGI PIRANDELLO**

(giải thưởng Nobel năm 1934)

Luigi Pirandello sinh năm 1867 ở Girgenti, một thị trấn nhỏ trên đảo Sicile. Ông lưu học ở Rome và ở Bonn, đến khi tốt nghiệp thì giữ chức giáo thụ ở Rome từ năm 1897 đến năm 1921,

Tất cả văn phẩm của ông đều mang một tính cách kỳ khôi, lờ lợ tài năng một học giả uyên bác nhưng nhã nhặn.

Ông chuyên về kịch bản, Những vở đặc sắc nhất là : *Lẽ phải của kẻ khờ* (1913), *Ai cũng có lẽ phải của người ấy* (1917), *Cái sung sướng khi nào ta lương thiện* (1918), *Như trước, hơn trước* (1920), *Có sáu người đang tìm một người cha* (1921), *Henri đệ tứ* (1922), *Cuộc đời anh ban cho em* (1923), *Như thế này, như thế kia* (1925), *Người bạn của các bà* (1927).

Về loại tiểu thuyết, tiên sinh nổi tiếng nhất ở những cuốn : *Anh chàng Mathias Pascal đã quá cố* (1904), *Chồng nàng* (1911), *Quay phim* (1924), *Có một người, chẳng có ai cả, có mười vạn người* (1926).

Ngoài ra Pirandello còn viết nhiều truyện ngắn, truyện nào cũng bao hàm một quan niệm chua chát về đời người, về hoàn cảnh. Truyện « *Cái ánh đèn nhà trước cửa* » dưới đây sẽ cho ta biết một lối truyện diễn chung quanh một đầu đề cực kỳ là giản dị : Một ánh đèn. Tuy không có gì cả, nhưng ngọn bút hoa lệ của nhà văn Ý-đại-lợi đã cấu tạo nên một cốt truyện thật là tài tình.

Tiền sinh được giải thưởng Nobel năm 1934 về văn chương. Hai năm sau (1936), ông tạ thế ở thành Rome.

. . .

Câu chuyện ấy xảy ra vào ngày chủ nhật, sau một cuộc đi chơi tản bộ về...

Tullio Butti thuê căn phòng này chừng được hai tháng. Chủ nhà là bà Nini, một bà lão bé nhỏ, ra dáng cũ kỹ; con gái bà chưa chồng và đã quá xuân. Hai mẹ con không bao giờ thấy mặt người thuê buồng, vì chàng vẫn đi từ sáng sớm, mà về thật khuya. Họ chỉ biết chàng làm ở tổng-trưởng-ty bộ Hình và bộ Ấn-xá; chỉ biết chàng làm trạng-sư, thế thôi.

Gian phòng xinh xắn này có bề hơi hẹp, bài trí sơ sài, không ghi lấy một vết gì chứng rằng chàng sống ở đây. Chàng dựng tâm ở trong đó như người đi ở trọ vậy. Chắc chàng cất quần áo trong tủ ngăn, treo vài chiếc áo trong tủ đứng; còn ngoại giả ở tường, hay trên đồ đạc, chẳng có gì bày ra cả, không một cái ví, không một quyển sách, không một bức ảnh; không hề có chiếc phong bì thư xé ngổ trên bàn, hay là một tờ báo giở ra xem; không bao giờ thấy trên ghế một thức áo, cồ-cồn, cà-vạt, bất cứ vật gì có thể chứng rằng chàng cho mình là như nhà ở vậy.

Hai mẹ con bà Nini nơm nớp sợ chàng không ở được lâu...

Họ khó nhọc lắm mới cho thuê được cái buồng này. Đã nhiều người đến xem, mà chẳng có ma nào buồn thuê. Buồng ấy quả thực là bất tiện, không có

về gì vui với cái cửa sổ cô độc, trông xuống lối đi là một ngõ hẻm riêng tây và chật chội, thành thử khoảng cửa không lấy nổi một chút khí trời, một tí tẹo ánh sáng, vì vương gian nhà đằng trước mặt án ngữ.

Mẹ và con chỉ muốn đèn lại cho người thuê nhà mà họ ước ao mong mỏi, đèn bù bằng sự săn sóc, bằng sự chăm nom. Họ đã nghĩ, sắp sửa lo toan nhiều thứ lắm, trong khi đợi dịp thì thổ: « Mẹ con mình sẽ làm cho ông ta cái này này! Mình sẽ nói thế này này!»

— Và thế kia và thế khác! — nhất là Clotildina (tên cô gái nhỏ thì), nàng đã lo nghĩ sửa soạn biết bao cách chiều chuộng, những sự « lễ phép nhã nhặn » như lời bà mẹ thường nói ra!... Ô! nàng có ý gì khác đâu!... Nhưng làm sao mà thực hành nổi những dự định kia, một khi chàng không bao giờ xuất đầu lộ diện.

Nếu họ gặp mặt chàng ta, tất sẽ hiểu ngay rằng họ lo âu hão huyền. Gian phòng buồn tẻ, tối âm thầm kia, lại bị cái nhà trước cửa án ngữ, thật hợp với tính tình người thuê.

Tullio Butti có ra phố bao giờ cũng chỉ đi một mình không mang theo cái ba-toong hay điều xì-gà: hai thứ này thường đánh bạn với những ông ưa thích tro trọi một thân.

Hai tay chàng thọc sâu vào túi áo, vai so tận mang tai, mũi xụp xuống mũi, chàng như hun đúc một mối thù thâm hiểm với cuộc đời.

Ở bộ, chàng không hề trao đổi một lời với các bạn

đồng sự. Người ta đương phân vân không biết nên gọi chàng là con cú hay là con gấu cho đúng hơn !

Chưa ai thấy chàng vào một tiệm cà-phê. Trái lại, rất nhiều kẻ thấy chàng lảng tránh những phố đông đúc sáng sủa, đề lần vào bóng tối những ngõ thẳng, dài và có độc ở những hộ phố trên. Cả đến ngay ở đây, chàng cố ý lảng tránh cái ánh sáng gieo từ cột đèn xuống ; người ta thấy mỗi lần chàng lại bước xa tường, đi quanh cái vòng sáng sủa in trên bờ hè.

Không một cử chỉ vô ý, không một nét nhăn nhó thoáng nhẹ trên khuôn mặt ; cặp mắt, đôi môi không để lộ một tý gì cho biết rằng chàng đương lẩn khoả vì một ý tưởng, rằng chàng bị đè bẹp dưới một nỗi buồn âm u ! Nhưng cái đau đớn bí ẩn kia, những tư tưởng buồn thiu nung nấu dưới làn trán của chàng, tất cả đều in rõ trên mặt. Ta có thể đọc vanh vách một tâm hồn bị tàn phá ở đôi mắt đăm đăm, trong và sắc sảo, ở màu xám xanh của bộ mặt rã rời, ở đám râu hoang phế nó hoa râm sớm sủa quá !

Tullio Butti không viết mà cũng không nhận thư, không đọc báo, không đứng hay quay lại để xem ở ngoài phố một việc xảy ra có thể đánh vào tính hiếu kỳ người ta ; nếu bất thần bị trời mưa, chàng vẫn đi một gióng bước đều, như chẳng có gì cả.

Chàng không có thuở ấu trĩ ; chàng không bao giờ là thanh niên. Những tấn kịch đã mau được mục kích trong nhà từ hồi thơ ấu, do lòng tàn bạo và ác nghiệt của cha mình gây ra, đã đốt chết trong tâm hồn chàng

những mầm giống của sự sống.

Mẹ chàng mất đi hồi còn trẻ trung, chỉ vì ông chồng ngược đãi độc địa ; gia đình tản mác mỗi người một phương : một người chị đi tu, một người anh trốn sang Mỹ, còn chàng cũng bỏ nhà ra đi. Chịu biết bao nhiêu nỗi cực cực không thể tưởng tượng được, rồi chàng rút cục mới tới địa vị này, nuôi sống lấy tấm thân.

* *

Bây giờ, chàng không đau đớn nữa. Chàng như là đau đớn, nhưng cái cảm giác đau khổ đã bị phá hoại trong thâm tâm rồi ! Chàng ra vẻ tư lự luôn luôn : nhưng không phải đau, chàng chẳng còn nghĩ ngợi nữa. Tấm trí chàng như bị lơ lửng trong một thứ âu-sầu ngu muội, nó chỉ riêng phát hiện bằng một chút dằng cay trong cổ họng — một tí chút thôi. Mỗi tối đi dạo trong các phố cô đơn, chàng đếm cột đèn, không làm gì khác, hay là nhìn bóng mình, hay là nghe tiếng chân bước, hay là một vài lúc đứng dừng trước vườn hoa các biệt thự để ngắm mấy ngọn trắc-bách-diệp cũng ngắm ngắm, cũng diu hiu như mình, nó lại còn đêm tối hơn là đêm tối nữa !

Ngày chủ nhật ấy, chàng đi chơi trên đại lộ Appia cổ kính, chàng mỗi mệt, nhất định về nhà trái với lẽ thói cũ. Hãy còn sớm, chưa đến bữa cơm chiều. Chàng đợi trong căn buồng nhỏ nhắn, cho ngày tàn, cho đến giờ ăn.

Thật là một ngẫu nhiên thú vị cho mẹ con bà Nini.

Ồ ! Clotildina thích chí đến phải vỗ tay nữa !

Trong số các sự ân cần, sự « lễ phép nhã nhặn », biết dùng cách gì đối đãi với chàng ? Hai mẹ con bàn tính mãi.

Bỗng Clotildina dậm chân, vỗ trán ! « Trời ơi phải có ánh sáng ngay lập tức ! Trước hết phải đem cho ông ta cây đèn đã !..cây đèn cất đi ấy mà, cây đèn sứ bóng mờ có vẽ hoa anh-lúc ấy.»

Nàng châm đèn, rồi ý tứ go cửa buồng anh chàng cô độc. Nàng hồi hộp, run đến nỗi cái bóng lung lay va vào thông phong làm cho nó suýt ám khói.

—Tôi vào được không ? Tôi đem đèn lên, cho sáng !

Butti ở trong chỗ ra :

— Không, cảm ơn cô.

Cô gái già nhăn mặt một chút, nhìn xuống đất, như thể khách trông thấy mình, rồi nài thêm :

—Tôi cầm đèn đây, ông ạ...để ông khỏi tối.

Nhưng Butti trả lời, khắc nghiệt :

—Cảm ơn cô, tôi không dùng !

Chàng đương ngồi trên ghế dài, sau chiếc bàn nhỏ. Đôi mắt mở mang mang trong bóng dần dần tối đặc, trong khi ngoài cửa sổ, cái ánh hoàng hôn cuối cùng ủ rũ từ giã cõi đời.

Chàng cứ lù dù như thế, mắt vẫn mở mà chàng không nghĩ ngợi, bấn khoăn vì bóng tối tràn ngập mình.

Bỗng chàng thấy bừng sáng.

Chàng ngạc nhiên đưa mắt nhìn quanh. Phải, căn phòng nhỏ nhắn này sáng lên như bởi một sức mạnh

bí mật ; nó sáng lên bởi một ánh sáng e dè mon man...

Cái gì vậy ? Tại sao thế hử ?

À, kia kia !.. đó là ánh đèn nhà trước cửa, người ta vừa thắp lên.

Hơi thở sự sống bên ngoài ập vào buồng chàng đề soi sáng những tối tăm âm u, soi cái trống rỗng, cái sa mạc của đời mình !

Chàng nhìn ánh sáng kia một lúc, như một diễn phi thường; cổ họng chàng thắt lại vì mối lo ghê gớm, vì chàng thấy ánh sáng nó ngon ngon mon trón cái giường, cái thành giường, và đôi bàn tay tái xanh của mình đặt ngay trên chiếc bàn con.

Sự lo sợ kia làm sống lại trong đáy lòng chàng kỷ niệm gia đình tan nát, tuổi trẻ mình bị đè nén, thân mẫu mình, chàng như gợn nghĩ đến ánh sáng một buổi bình minh xa xôi. Chàng đứng dậy, ra cửa sổ đứng sau cửa kính nhìn trộm nhà trước mặt có cửa sổ đưa ánh sáng lại.

Chàng thấy một gia đình xinh xắn quây quần chung quanh bàn ; người cha và ba đứa con thì đã ngồi rồi, người mẹ còn đương đứng dậy bảo con, có ý — chàng đoán theo điệu bộ — ngăn cản lòng sốt ruột của hai đứa nhón, chúng đương giơ thìa ra mà giấy dựa trên ghế. Đứa út vươn cổ sang bên này, sang bên kia, quay đi quay lại cái đầu nhỏ bé, tóc vàng ; rõ ràng là khăn ăn quàng cổ nó chặt quá, nhưng nếu mẹ nó vội cho nó ăn súp ngay, tất nó không thấy vướng đầu.

Nhưng kia kia, đúng đấy ! Ồ ! Nó mới tham lam làm sao ! Tất cả chiếc thìa ngáp trong mồm ! ..

Còn người cha ? Ông cười, giữa đám khói bốc ở đĩa lên.

Và bây giờ, người mẹ cũng ngồi ở đó, ngay trước mặt.

Butti choàng lùi lại ngay, vì chàng thấy bà ngồi nhìn ra cửa sổ ; nhưng chàng cho rằng mình đứng trong chỗ tối, không ai trông thấy được ; rồi chàng đứng nguyên chỗ, để chứng kiến bữa ăn của gia đình kia, chàng quên chính bữa ăn của mình rồi.

Từ hôm ấy, mỗi buổi chiều ở phòng giấy ra về, đáng lẽ chỉ chơi lần thân một mình như hồi xưa kia, chàng trở về nhà ; rồi chàng đứng ở cửa sổ, như một gã ăn mày, để nếm với một lo hãi vô cùng, cái thân mát êm dịu và tươi tắn kia, cái ấm cúng gia đình, mà hồi thơ ấu chàng cũng hưởng qua trong những buổi tối bình tĩnh rất hiếm hoi, khi mẹ chàng, khi mẹ của chàng... như người mẹ kia !.. Và chàng khóc !

Phải, ánh sáng nhà kia đã hóa một phép lạ. Cái âu sầu ngu ngốc làm đắm đuối tâm hồn chàng trong bấy nhiêu năm, nay tan ra như cát bụi trước ánh sáng êm kia.

Tullio Butti không để ý đến những điều đoán phỏng dị kỳ này nở trong trí mẹ con bà chủ nhà, vì chàng lại mới có tật đứng trong bóng tối.

Hai lần nữa, Clotildina đưa đèn cho chàng mà vẫn vô hiệu quả. « Không biết ông ấy có đốt

được ngọn nến lên không ? Nhưng, không mà, không lấy một ngọn nến nữa ! »

« Ông có thấy ồm không ? » Clotildina dám liều hỏi vậy bằng một giọng êm đềm, chỗ qua cửa, lần thứ hai nàng đi đến với chiếc đèn.

Chàng có đáp ;

— Không, tôi thế này lại dễ chịu.

Rút cục, nhưng Trời Đất ơi, nàng thực đáng tha thứ lắm !.. rút cục nàng rình mò nhìn qua lỗ khóa ; nàng ngạc nhiên.

Vì cũng nhìn thấy trong gian phòng nhỏ của ông khách cái ánh sáng mờ tỏa ở nhà trước cửa, nhà gia-dình Masci : mà vừa dịp nàng thấy chính ông đứng sau cửa kính, chăm chú nhìn bà Masci trước mặt !.. Rồi Clotildina chỉ có việc là hốt hoảng chạy đến báo cho mẹ điều mới khám phá.

« Ông ấy yêu ! Yêu ! Yêu Margarita Masci !.. »

Sau đấy vài tối Tullio Butti đương nhìn cửa sổ căn phòng trước cửa, nơi cái tiểu gia đình như mọi hôm đương ăn bữa tối, — nhưng lần này vắng bóng người cha — Tullio Butti thấy bà cụ chủ loắt choắt và cô con gái sang bên ấy. Họ được mời đón như là bạn lâu năm.

Rồi có lúc, chàng nhảy từ cửa sổ lùi về, chàng hồi hộp, lo lắng !..

Người mẹ và ba đứa trẻ đều ngừng đầu nhìn cả về cửa sổ của chàng. Không còn hồ nghi gì nữa, hai mẹ đàn bà kia nói đến chàng.., Và bây giờ, có lẽ thế là hết chăng ? Tối hôm sau, biết là chàng

nấp trong gian phòng nhỏ trước cửa, người vợ hay là người chồng sẽ khép cửa lại; như vậy, không bao giờ còn ánh sáng bay đến nuôi sống chàng, cái ánh sáng nó là tất cả sự vui trong sạch, cái ủ-ấm của chàng!...

Nhưng không xảy ra thế đâu; mà chính ngày hôm sau, khi ánh đèn trước cửa tắt đi rồi, chàng đứng chìm trong tối đợi gia đình nhỏ kia đi ngủ, để rón rén ra mở cửa thở lấy một chút khí trời, chàng thấy cửa sổ nhà kia cũng mở. Và không bao lâu chàng thấy — chàng phát sợ đến gần kinh khủng — chàng thấy thiếu phụ. Có lẽ nàng tò mò vì lời nói của hai mẹ con nhà Nini.

Hai toà nhà cao ngất, cửa sổ mở giáp gần nhau đến nỗi ở trên không tỏ vạch trời trong sáng, ở dưới không thấu đến cái vạch đất đen của lối đi có hàng rào: không bao giờ nó để lộ một tơ trắng hay một ánh dương.

Nàng đứng đó chỉ vì chàng, vì nàng thấy chàng cũng đến gần cái cửa sổ tối của mình.

Trong bóng tối, nhìn nhau khó lắm. Nhưng chàng thì thừa biết là nàng đẹp; chàng biết rõ cái vẻ di đứng mạn mà, tất cả rung động của đôi mắt huyền, tất cả nét mỉm cười của cặp môi thắm kia.

Tuy vậy, thấy nàng đứng đó, chàng có một cảm tưởng đau đớn: chàng hốt hoảng vì ngạc nhiên, làm chàng tắc thở trong lúc run lên vì nỗi lo ngại gần không thể chịu nhin được. Chàng cố sức giãn dãn lắm, mới không lùi lại, chàng muốn đợi nàng đi về trước

đã.

Cái giấc mộng về hòa lạc, về ái tình, cái giấc mộng về sự thân mật êm dịu và thiết tha chàng tưởng rằng gia đình kia đương hưởng, mà chàng như được hưởng chút thơm lây, cái giấc mộng ấy sẽ tan tành, nếu người đàn bà trong đêm tối trốn ra cửa sổ chỉ vì một người lạ!... Mà người lạ có phải chính chàng đó ru?

Và trước khi lui về, trước khi khép cửa lại, nàng có khẽ chào chàng một tiếng!

Hai mẹ đàn bà chủ nhà có thể nói những điều ngông cuồng gì kêu gọi tính tò mò của thiếu phụ cho nó bùng cháy lên? Nàng bị cái bí mật cuộc đời bùng bít của chàng hấp dẫn một cách kỳ dị mãnh liệt đến thế này, nếu lần đầu người ta tả thân thể chàng cho nàng nghe, mà nàng đã bỏ đàn con, đến bầu bạn với mình?

Phải, đứng trước mặt nhau, tuy rằng cả hai có ý tránh không nhìn nhau, tuy rằng cả hai cùng đối diện mà giả vờ như ra cửa sổ không có ý gì khác, cả hai — cả hai người — chàng tin chắc lắm rồi cả hai đều rung động bởi một thứ hồi hộp bí mật của đợi chờ, cả hai đều hái hùng vì sự quyến rũ lần khuất gần đấy nó ôm ấp hai người trong vùng tối thâm u.

Đến thật khuya chàng khép cửa, chàng tin rằng tối hôm sau, đèn tắt, nàng sẽ lại đứng cho mình nhìn; và sự đã quả nhiên...

Và, từ đấy, trong căn phòng nhỏ bé, Tullio Butti

không đợi ánh đèn nhà trước cửa nữa ; chàng sốt ruột trông mong cho nó tắt phụt đi.

Cái tình yêu đương chưa trải qua bao giờ, đốt cháy một cách dữ dội lòng con người bao nhiêu năm đứng ngoài cuộc đời : tình yêu ấy lại cuốn nâng giá trị của thiếu phụ như trong cơn gió lốc, làm nàng phải tha hương...

Chính ngày Butti rời bỏ căn buồng bé của mẹ con nhà Nini, có tin rằng « nhà bà » ở gác thứ ba trước cửa vừa bỏ ba đứa trẻ, bỏ chồng mà đi...cái tin ấy vỡ ra như tiếng pháo lệnh.

Căn phòng chứa chấp Butti chừng bốn tháng, nay lại trống rỗng, căn phòng trước cửa, nơi gia đình xinh xắn kia thường họp ăn bữa chiều, bây giờ nó lổn xổn lại mấy tuần lễ liền, rồi đèn lại thấy rọi lên trên chiếc bàn ủ dột ; người cha ngồi gần đấy, ngó ngần vì đau đớn, nhìn bộ mặt ngơ ngác của ba đứa con, chúng không dám quay mặt về phía cửa mà xưa kia mẹ chúng thường bước vào mọi tối tay bụng liền sụp bốc khói.

Cái ánh sáng kia chằm trên cái bàn âu sầu kia, lại soi tỏ một cách ngon ngọt căn buồng trước cửa, tự bây giờ trống rỗng lắm rồi...

Tullio Butti và nhân tình của chàng còn nhớ đến chỗ đó không, sau mấy tháng điên rồ ác nghiệt ?

Một buổi tối, mẹ con bà Nini hoảng kinh thấy ông khách thuê nhà kỳ dị trở lại với bộ mặt ngơ ngác.

Ông ấy muốn gì ? « Cái buồng nhỏ, cái buồng nhỏ đã cho ai thuê chưa ? không phải là thuê cho ông ta

đâu, không phải là thuê để ở đâu, nhưng để đến một giờ thôi, một lúc thôi, đến giầu giếm buổi tối. Ôi ! Xin hãy thương đến người mẹ khổ nạn kia, người ta muốn nhìn lại mấy đứa con, nhìn xa thôi, không để ai biết. Họ sẽ hết chước cần thận, nếu cần ra, họ sẽ tránh hình; họ sẽ chọn lúc không có ai đi lại trên cầu thang gác ! Họ sẽ trả gấp đôi gấp ba giá tiền thuê thường trong một lúc.»

Không. Mẹ con bà Nini không chịu bằng lòng đâu...

Nhưng nếu căn phòng nhỏ này chưa có ai thuê, thì hai mẹ sẽ cho phép, vài lần in ít thôi...Ồ, để làm phúc thôi, miễn là không ai trông thấy họ...Chỉ vài lần hiem hiem thôi !...

Tối hôm sau họ đến như kẻ gian phi; họ đột nhập, với một thoáng ghen ngào, trong tầm tối của gian phòng. Họ đợi phòng được sáng vì ánh đèn nhà trước cửa vì cái sáng sữa nuôi sống họ tự đẳng xa đưa lại.

Nó đây rồi !

Nhưng Tullio Butti không thể chịu đựng được ngay tức khắc. Bây giờ sao chàng thấy nó lạnh lẽo, sung khắc, và phản bội, nó như là hồn hiện vậy !..

Trái lại, nàng thì thồn thức uống lấy nó, như một người chết khát được uống vậy, nàng chạy vội ra ti vào kính cửa chớp, và riết chiếc khăn tay bịt lấy miệng. Con mình !... Con của mình... kia kia... chúng nó kia kia !... ngồi ở bàn, mà chúng có biết gì đâu ! ..

Chàng chạy lại đỡ lấy nàng, rồi hai người như đóng đinh ở chỗ ấy, ôm riết lấy nhau, đứng mà nhìn trộm ! . .

HUYỀN-HÀ dịch

NGƯỜI ĐẸP BÊN HÀNG XÓM CỦA TÔI

của RABINDRANATH TAGORE

Nhắc đến nhà thi hào Ấn-độ đã khiến văn giới hoàn cầu kính mộ những tư tưởng cao khiết, Rabindranath Tagore, thì phần nhiều ta chỉ tưởng đến những lời ngọc bân, ca tụng những vẻ đẹp trang trọng siêu phàm. Vì ta thường được gặp hoặc thường tìm gặp nhà thơ này ở những tác phẩm có tính cách đó. Nhưng điều mà người ta ít thấy và có khi không ngờ là Tagore ưa cười, và nụ cười chúm chím một vẻ mai mỉa, đôn hậu nhưng rất có duyên.

«Hài hước là điều chưa bao giờ thấy thiếu ở các nhà tư tưởng và thi sĩ Ấn-độ. Đó là một sức tự nhiên làm nhẹ bớt tính trầm tư mặc tưởng... Con người tư tưởng mà ta thấy đắm đắm trong cõi siêu nhiên, cũng từng quan sát tấn trò đời mà mỉm cười.» (lời Romain Roland). Nụ cười ấy độc giả sẽ thấy trong bài dịch dưới đây; thẳng thắn và dễ dàng, vừa hóm hỉnh vừa khoan dung đối với một tấn hài kịch mà ở đời có lẽ không nhiều thì ít ai cũng đã từng dự một vai chính.

Mối tình cảm mà người quả phụ còn thanh xuân ở
bên hàng xóm của tôi đã gieo vào lòng tôi kia, là một

tình cảm tôn kính. Không thì ít ra đó cũng là điều tôi cam đoan nói với các bạn hữu, và là điều tôi tự nhắc lại với lòng mình. Cho đến cả Nabin, người bạn thân nhất của tôi, cũng không thể rõ được đúng tâm trạng thực của tôi. Mà tôi thì tôi như thấy một sự kiêu hãnh riêng vì đã dồn dẹp vào tận nơi sâu kín nhất của tâm hồn để giữ cho nỗi tình đắm đuối kia được nguyên vẹn thanh khiết.

Người thiếu phụ bên hàng xóm của tôi khác nào một đóa hoa Sê-pha-li ướt đầm hạt sương và sớm lìa khỏi cuống. Trong sạch quá chiều và quá chiều sán lạn, không nở gieo thân nơi nệm gấm của trần duyên, nàng đem lòng dâng cho Thượng-đế.

Nhưng một tình thiết tha cũng giống như một nguồn thác đổ, không bao giờ chịu giam giữ ở chỗ phát nguyên : phải tìm lấy một đường thoát. Vì vậy, tôi gắng công đem diễn dịch những nỗi lòng xúc động ra lời thơ. Nhưng ngòi bút bướng bỉnh của tôi không chịu làm bạn như tới áng ngọc châu tôi thờ kính.

Sự linh cớ đã khiến cho cùng trong thời ấy Nabin, bạn tôi cũng mắc phải chứng bệnh làm thơ. Bệnh thỉnh linh đến ám ảnh chàng, sức dữ dội ngang một phen động đất. Mà bởi cái anh chàng tội nghiệp ấy nhiễm bệnh lần này mới là một, nên trong người chưa sẵn sàng để quen thuộc với văn thơ và nhịp thơ. Tuy thế Nabin cũng không thể cưỡng được, và để cho cơn mê ly cảm dỗ, cũng như anh chồng góa bụa sa ngã với chị vợ cưới lần thứ hai.

Bởi vậy, Nabin thiết nghĩ nên cầu niu đến tôi. Hẳn

chọn lấy cái đầu đề muôn năm mà bao giờ cũng mới mẻ. Nghĩa là, bài thơ nào của hân cũng đề dâng tặng cho người thương yêu. Tôi âu yếm vỗ vai bạn mà hỏi hân rằng : « Nhưng mà này, nàng là ai thế ? »

Nabin cười đáp : « Thì chính tôi cũng chưa biết nữa là ! »

Tôi xin thú tội ra đây rằng tôi tìm được một phương pháp khởi lòng rất hay ở trong sự giúp đỡ bạn. Cũng như con gà mái ấp một quả trứng vịt, tôi đem hết nhiệt độ của mối tình đè nén trong lòng mà phát tiết ra đùm bọc nâng đỡ cho thi tứ của Nabin. Tôi làm linh hoạt lại và chau chuốt những tác phẩm bất thành hình kia một cách nòng nân rắn rỏi, đến nỗi phần lớn mỗi bài thơ trở nên công nghiệp của chính tay tôi. Nabin ngạc nhiên đã phải kêu lên : « Thì chính là những điều tôi muốn nói mà không thể nói được đấy, Anh làm thế quái nào diễn đạt được những tình cảm đẹp đẽ như thế nhỉ ? »

Tôi vẫn về trả lời : « Trí tưởng tượng của tôi cũng đủ cho công việc ấy đấy ; vì anh không còn lạ rằng, sự đời vẫn thường im lặng và chỉ có riêng trí tưởng tượng là làm nẩy ra những tiếng bi hùng. Sự thực trần gian là cái tảng đá cản nguồn thác tâm tình, nhưng trong tảng đá ấy, trí tưởng tượng tự khơi cho mình lấy một đường lưu thông. »

Thế là anh Nabin đáng thương kia đâm ra lúng túng ngượng ngập, « Ừ, phải, tôi hiểu, ừ, quả nhiên thế thực » Anh chàng nói thế đề rồi sau một lát ngẫm nghĩ, lăm bằm thêm : « Ừ, phải, anh nghĩ phải đấy. »

Như trên kia tôi đã nói, trong tình yêu của lòng tôi vẫn có một niềm giữ ý thành kính nó bắt tôi không thể đem nổi riêng mà diễn ra lời. Nhưng một khi có Nabin hiến mình làm bình phong cho tôi thì không còn sự gì đến ngăn cản sự tung hoành của ngòi bút tôi nữa : từ đó, một ngọn lửa thiêng chân thành lóe ra từ những bài thơ kia, soạn nên do cái quyền tá tả.

Có những lúc sáng suốt, Nabin bảo tôi : « Nhưng những bài thơ kia là công trình của anh đấy, chứ ! Vậy anh để tôi đăng lên mà ký tên anh. » Tôi trả lời : « Nhảm nào ! Thơ kia là của anh đấy. Tôi chỉ có một việc là chữa đây chữa đó một vài chỗ thôi. »

Thế rồi Nabin cũng tin được như thế thực.

Tôi không thể tả mà chẳng nói điều này : với một tâm ý gần giống như của nhà thiên văn đang ngắm bầu trời sao, đã có lần tôi đưa mắt nhìn sang cửa sổ bên nhà hàng xóm. Cũng phải công nhận có sự này nữa : một đôi khi mắt liếc của tôi cũng được một dáng biền hiện thưởng công. Và một tia nhỏ hào quang chiếu ra từ cái luồng sáng tuyết băng kia cũng đủ làm dịu lại và trong thêm một chốc lát những ý vẫn đục sạm bầy tôi còn mang trong niềm xúc động.

Nhưng một bữa kia, tôi kinh dị quá đỗi. Có thể tin ở điều mắt tôi thấy được không ? Bữa đó là một buổi trưa mùa hạ. Gió Tây-Bắc thổi, dữ tợn và hay đổi ý, báo hiệu một cuộc hoành hành, mây đen chồng chập từng khối. Người xinh đẹp bên hàng xóm của tôi đứng thẳng người, in hình trên thứ nền sáng vừa di

NGƯỜI ĐẸP BÊN HÀNG XÓM CỦA TÔI 119

kỳ vừa kinh hoàng đó : nàng dăm dăm nhìn mãi khoảng không. Và trong cái vẻ xa xăm của đôi mắt lạnh đến kia tôi nhận thấy cả một thế giới của sự chờ mong tuyệt vọng. Chẳng hay vùng núi lửa nùng cháy nào đang ngấm ngấm ủ cháy dưới vẻ long lanh im lặng của vị tinh tú tuyệt vời kia ? Đôi mắt nhìn, đượm thắm một nỗi ước thêm vô cùng tận, hình như đang thả bóng qua bầu mây trùng điệp, hăng hái như đôi cánh chim bay, đôi mắt kia, than ôi, tất nhiên là không tìm nơi nương náu ở trên đời, mà chính là ở trái tim một người trần gian nào đó.

Đọc thấy cả nỗi tình hoài vọng khôn tả nên lời, phát hiện ra từ đôi mắt của ai, nỗi lòng tôi khó mà dẹp yên được. Lúc này mà chỉ sửa chữa những câu thơ tồi thì không thể đủ cho tôi mãn nguyện được ! Tất cả thân thể tôi đòi được biểu lộ ra bằng một công trạng lấy lòng nào đó. Tôi bèn rắp tâm tìm hết cách để khuyến khích sự tái giá của những thiếu phụ góa chồng. Tôi định sẽ truyền bá nhưng tư tưởng của tôi không những chỉ bằng lời nói và bằng bút viết, mà còn bằng cả thể lực của đồng tiền.

Nabin biện bác ý dự định của tôi. Anh nói : « Sự ở góa trọn đời tự nó đã hãm một ý thanh khiết, và yên tĩnh vô cùng, một màu sáng êm đềm giống như những nơi lặng lẽ có ánh mung lung của thứ sáng trắng mờ về đêm mười một (1). Cứ một ý nghĩ có

(1) Trăng đêm ấy dịu mờ và thanh khiết là theo ý nghĩa giáo lễ Ấn-độ, người ta giữ chay tịnh ngày 11 mỗi tháng,

thề tái giá được chẳng đã đủ làm diệt mất vẻ đẹp thần tiên kia sao ? »

Tôi xin nói ngay rằng cái kiêu giàu tình cảm này bao giờ cũng làm cho tôi khó chịu. Xin hỏi : đang thời đói kém mà có một người to béo bệ vệ bàn đến việc ăn uống bằng cái giọng khinh bỉ và khuyên kẻ đang chết lả rằng nên nuôi thân bằng hương hoa và tiếng chim hót ; xin hỏi ngài sẽ cho hạng người ấy là thế nào ? Bởi thế tôi đồng dạ trả lời Nabin :

« Này, Nabin ơi, những cảnh điêu tàn thời cồ đói với mắt nhà nghệ sĩ có thể là một cảnh ngoạn mục được lắm ; nhưng nhà cửa không phải xây dựng lên chỉ vì những lý do thẩm mỹ mà thôi đâu : nhà cửa phải là nơi có thể ở được và bởi thế phải để cho người ta sửa chữa mà không kể đến sự méch lòng của các nghệ sĩ. Anh đứng lùi ở một địa điểm chẳng sợ thiệt thòi gì đến anh, mà tăng bốc sự ở góa thì tiện lợi thực ; nhưng anh phải hiểu rằng, dưới sự ở góa kia vẫn còn ẩn tình cảm của một trái tim phàm trần thồn thức vì đau thương và vì ước muốn. »

Tin chắc rằng muốn cho Nabin nghe theo lý của tôi cũng khó khăn lắm, tôi phải đem vào cuộc biện luận ấy một lòng nhiệt liệt có lẽ quá cái thái độ cần thiết cho đầu đề. Vì thế, tôi mới lấy làm ngạc nhiên mà thấy Nabin, sau khi thở dài một tiếng mơ màng, đã nhận theo cái quan niệm của tôi về nỗi bài tôi diễn thuyết. Cái đoạn sẽ kết thúc lại còn chặt chẽ sắc đáng hơn nữa mà tôi định diễn ra nốt, bây giờ thành chẳng còn một tý ích lợi gì.

Sau đó chừng được một tuần, Nabin đến chơi tôi và báo tin cho tôi biết rằng, nếu tôi bằng lòng giúp đỡ anh ấy thì anh ấy sẽ xin đứng lên dẫn đầu cho phong trào tái giá, bằng cách cưới ngay một cô gái góa cho chính anh.

Sự vui mừng của tôi tràn trề. Tôi ôm lấy anh mà hôn và anh cần đến bao nhiêu tiền cho việc kia thành hiệu tôi cũng hứa sẽ xin đưa. Bấy giờ Nabin mới đem chuyện mình kể cho tôi biết.

Thì ra người thiếu phụ được anh chàng yêu chẳng phải là một nhan sắc tướng tượng. Nabin cũng tôn thờ trong tâm ý từ lâu một người gái góa mà chưa bao giờ thổ lộ với một ai trong trần thế được biết sự lòng. Mấy tờ tuần báo có đăng những bài thơ của Nabin — hay nói cho đúng, thơ của tôi — lọt được vào tay mỹ nhân, mà những lời than thở trong thơ chẳng phải là vô hiệu.

Mà không phải vì Nabin đã cố ý — anh chàng nhất định phân giải cặn kẽ cho tôi hiểu kỹ điều đó — không phải Nabin đã khôn ngoan đưa dẫn cơ mưu mình đi xa đến thế đâu ! Thực ra, Nabin bảo tôi thế, cả đến sự người thiếu phụ có biết đọc hay không, anh chàng cũng chẳng biết nữa. Nabin chỉ gửi tập báo cho người anh của mỹ nhân, có thể thôi, mà lại giấu tên người gửi biếu. Đối với anh chàng, đó là một ý bông lông ỡm ờ, một sự nuông chiều cái nổi si tình vô hy vọng. Khi một tin đồ thành kính đặt những tràng hoa dưới chân một vị nữ thần thì hẳn có cần biết đâu rằng vị nữ thần thấu

đến hay chẳng và nhận hay từ chối ?

Nabin lại cần phải biện bạch cho tôi biết rằng khi anh lấy hết cơ nợ đến cơ kia, tìm cách làm quen và sau cùng làm quen được với anh nàng quả phụ, thì anh chàng không cốt theo đuổi một mục đích rõ rệt đâu. Bất cứ sự gì có dính líu tới người yêu dấu tất nhiên là có một phẩm giá đặc biệt đối với người n tình.

Thế rồi tiếp đến câu chuyện rất dài dòng về trận ốm của người anh, trận ốm rất cuộc đưa đến lần tương kiến thứ nhất. Do sự có mặt của nhà thi sĩ mà phát nguyên ra cuộc biện luận về tác phẩm của Nabin. Nhưng không phải vì cơ ấy mà cuộc bản luận chỉ quanh quẩn trong vòng cái vấn đề khởi nguyên.

Cái ngày mới mẻ mà Nabin đã nhượng bộ nghe theo lý luận của tôi, anh chàng đã thu hết can đảm lại để vấn hôn người quả phụ. Thoạt tiên, nàng ta từ chối. Nhưng khi anh chàng cầu viện đến những đoạn diễn từ hùng hồn của tôi, điểm thêm vào đó một hay đôi giọt lệ tự anh chàng tạo tác, thì mỹ nhân liền « hàng phục không điều kiện » ngay. Hiện giờ chỉ còn thiếu có một món tiền cần phải biện cho người dạm hộ để thu xếp các việc lặt vặt. Tôi reo mừng nói :

—Tiền của tôi xin tức thì để cho anh được tiện dụng.

Nabin lại tiếp :

—Được, nhưng tôi xin thú thực với anh rằng làm người giận được cha tôi và lại được cấp lương như

trước thì cũng mất dăm ba tháng nữa kia. Mà trong khi lương nhà bị hoãn thì chúng tôi lấy gì mà sống?

Tôi lẳng lẳng ký ngay cái ngân phiếu cần thiết, rồi hỏi lại Nabin :

Đến bây giờ thì anh nói cho tôi biết tên nàng ấy đi ! Mà anh đừng có coi tôi như người trở nên tình địch của anh nhé, vì tôi xin thề trước với anh rằng tôi sẽ không làm một bài thơ nào để tặng nàng đâu : mà ví dù tôi có viết một đôi câu chẳng nữa thì cái người tôi sẽ gửi cho mà đọc không phải là ông anh nàng, mà chính là anh đấy.

Nabin.

—Anh đừng có nghĩ bậy. Không phải sợ anh chiếm đoạt mà tôi giấu tên nàng đâu. Sự thực là thế này : nàng nghĩ đến việc phải dùng đến phương tiện khác thường đến thế, thì nàng lấy làm bối rối lắm, nên nàng xin với tôi phải giữ kín đừng cho bạn hữu của tôi biết gì. Nhưng đến bây giờ mọi sự đã xong xuôi mỹ mãn cả rồi thì tưởng cũng chẳng cần phải giữ gìn đến thế nữa. Vậy tôi có thể nói cho biết là nàng ở nhà số 19, nàng là người hàng xóm của anh đấy mà !

Quả tim tôi như cái nồi « súp de » bằng đồng cũng đến phải nổ tung ra mất. Nhưng tôi chỉ hỏi :

—Thế ra, nàng không thấy điều gì trở ngại cho việc tái giá ư?

Nabin mỉm cười đáp :

—Hiện giờ thì không.

Tôi :

—Mà nguyên vẹn chỉ có mấy bài thơ kia cũng đủ

xui nên sự ưng thuận kỳ ảo ấy sao?

Nabin đáp ngay :

--Chứ còn sao nữa ? Thơ của tôi chả nhẽ lại tồi quá đến thế à?

Tôi thăm rủa lên một câu.

Nhưng đem cơ sự đồ tôi cho ai được ? Đồ cho bạn ? Đồ cho chính mình ? Hay đồ tại trời ?

Mặc dầu tôi cứ rủa.

THẾ-LỮ dịch

NGƯỜI TA SỐNG BẰNG CÁI GÌ

của LÉON TOLSTOI

Bá tước Léon Nicolaïévitch Tolstoi sinh ở Iasnaïa-Poliana năm 1828. Ông mồ côi từ hồi còn thơ ấu, lúc thiếu thời theo học một gia sư người Pháp tên là Saint-Thomas. Từ năm mười lăm, ông đã đọc Voltaire và Rousseau. Sống trong một nền giáo dục của đạo Cơ-đốc chính thống, đến năm mười chín, thì ông không tin ở giáo hội nữa, tự lập một cuộc đời sinh viên «đầy những cuộc đấu kiếm, trác táng và bài bạc». Năm 1847, ông thôi trường Đại-học, và lập nghiệp ở Iasnaia Poliana, với ý định là sẽ giúp ích cho dân quê, nhưng cái ý kiến đó không thực hiện được. Năm 1851, ông sang miền Caucase, được cất lên chức hạ sĩ quan pháo thủ. Tác phẩm đầu tiên của ông là cuốn : *Ấu trĩ*, viết và in năm 1852 trong một tạp chí ở Saint-Petersbourg. Trong cuộc Đông-chiến, ông lập được công ở thành Sébastopol, được cử làm đại úy. Rồi ông về ở Saint-Petersbourg, viết liền bằng này quyển sách : *Thanh-niên, Gặp gỡ, Hai người lính khinh kỵ, Những kỵ-binh, Xâm-Lược, Sébastopol, Buổi sáng của một diễn chủ*. Năm 1858, Tolstoi đi du lịch ngoại quốc, thăm nước Thụy-sĩ, nước Pháp, nước Đức và viết được những cuốn : *Lucerne, Albert, Ba người chết, Cái khôn thâm kín*. Ông trở về nước Nga, trước cuộc giải phóng nông nô. Ông sáng lập ở Iasnaia-Poliana một trường học kiểu mẫu cho dân quê, một tạp chí sư phạm, và cùng lúc đó giữ chức thẩm phán hòa giải. Năm 1862, ông kết duyên với Sophie Behre, rồi sau sinh được 13 người con. Sống trong cuộc đời gia-đình êm ấm, ông viết : *Chiến tranh và hòa bình*

1864-1869), tả tình hình bên Nga trong thời kỳ những trận mạc của Napoléon đệ nhất. *Anna Karénine* (1873-1876), một truyện ngoại tình. Từ năm 1874 trở đi, tiên sinh đã có ý nghĩ tự hỏi xem đời người để làm cái gì. Sau một cuộc khủng hoảng lớn về tinh thần, do chính ông kể trong tập *Lời thú tội của tôi* (1879-1882) Tolstoi biệt hẳn xã hội thượng lưu, trở về với đồng ruộng, làm việc chân lấm tay bùn, từ bỏ hết cả tài sản của mình. Từ đó, ông không bao giờ rời khỏi Iasnaia-Poliana nữa. Mặc dầu vẫn làm việc thủ công, ông không bỏ ngòai bút. Ông viết: *Cái chết của Ivan Illitch* (1884-1886), *Khúc cầm nhạc ở Kreutzer* (1890), *Mãnh lực bóng tối* (kịch bản năm hồi (1895), *Thầy và trò* (1895) *Nghệ thuật là gì* (1898), *Tái sinh* (1899), *Luận về Shakespeare và thẩm kịch* (1900), và một số nhiều truyện ngắn bình dân, và sách trước tác về triết học, luận lý *Tôi tin ngưỡng như thế nào* (1884-1888), *Các sắc phúc âm* (1890), *Giao hội và Quốc gia* (1891). *Siêu thoát là tự ở lòng ta* (1894) vân vân. Ngày 24 Février 1901, Thánh-vụ-viện Nga trục xuất Tolstoi ra ngoài tôn giáo. Ngày 10 Novembre 1910 tiên sinh bị mất bổ nhả ra đi tìm lấy một nơi cô tịch, nhưng chẳng bao lâu thì chết vì một cơn đau phổi ở trấn Pistapovo.

Lối hành văn của tiên sinh rất gian dị, chất phác. Có người bảo rằng văn của tiên sinh không có văn chương nữa. Thiên truyện ngắn một mạc dưới đây: « *Người ta sống bằng cái gì* » đáng tiêu biểu cho tài diễn đạt và tất cả ý nghĩ sâu xa về cuộc đời, về lẽ sống, về nhân sinh của Tolstoi vậy.

I

Có người thợ giầy ở với vợ con trong một gian phòng thuê lại của một người nhà quê. Y không có nhà cửa đất cát, và cái nghề thợ giầy chỉ đủ nuôi sống cho gia đình. Bánh thì đắt, công thì ít ỏi; kiếm được bao nhiêu, chỉ những ăn là hết. Cả hai vợ chồng, có mỗi một chiếc áo lông cừu, mà chiếc áo đó cũng rách tả tơi. Từ hai năm nay, người thợ giầy có ý dành dụm mua vài tấm da cừu may chiếc áo lót

mới. Đến mùa thu, y có được một ít tiền; trong hòm của vợ, có cất mấy tờ giấy bạc, ba đồng *rouble* tất cả. Có mấy người làng còn nợ năm *rouble* và hai mươi *kopek* nữa. Một buổi sáng, người thợ giấy định bụng ra ngoài làng để mua áo. Y mặc cái áo bằng vải mền bông của vợ, rồi mặc một chiếc áo nẹp da dè lên trên, bỏ ba *rouble* vào túi, lấy chiếc gậy và ra đi sau bữa sáng.

Y nghĩ : « Minh sẽ đi đòi năm *rouble* của người ta nợ, thêm vào ba *rouble* của mình, đủ mua da may áo.»

Tới rồi, y đến nhà một người nhà quê. Hắn đi vắng. Mụ vợ hện sẽ cho đem tiền giả nội trong tuần lễ, và cũng chẳng đưa được đồng nào. Đến một nhà khác, người ta thề rằng không có tiền giả; người ta chỉ trả có hai mươi *kopek* tiền công thay để giấy. Người thợ giấy định mua chịu da, nhưng người bán, không thuận, bảo rằng :

«Anh đem tiền đến rồi tha hồ mà chọn; cái nghề đi đòi tiền khó khăn thế nào, chúng tôi đã từng biết lắm rồi.»

Người thợ giấy không mua bán gì được cả, và ngoài số hai chục *kopek* tiền thay để giấy, y chỉ nhận được một đôi giấy cao ống cũ để đem về thay để.

Người thợ giấy buồn thiu, vào quán rượu uống hết hai mươi *kopek* ấy, xong rồi lại lên đường, da cừu thì không mua được. Buổi sáng, y chịu rét suốt dọc đường, nhưng khi trở về, nhờ có rượu vào, y thấy nóng ran, mặc dầu không mặc áo lông cừu. Y vui vẻ đi, đập gậy xuống mặt đất

lạnh ; y cầm đôi giầy cao ống mà quay tít mà tự nhủ lòng rằng : « Mình không mặc áo lông cừu mà cũng nóng ; uống một chén rượu nhỏ, men rượu thấm vào mạch máu mình, vậy thì cái áo lông cừu nào có ích gì ? Mình đi, mình quên cái nghèo của mình, thằng người của mình là như thế đó ! Cái ấy có liên can gì với mình ? Mình có thể sống được không cần đến áo lông cừu ; rồi suốt đời, mình cũng không cần đến nữa. Thế nhưng mà vợ mình sẽ không bằng lòng ! Mà kể ra thì cũng có lý đấy. Mình làm việc cho người ta, họ bắt mình phải đi mà đòi tiền... Đợi đấy nhé ! anh không trả tiền tôi... tôi sẽ ngả mũ. Tôi thề với anh là tôi sẽ làm thế !.. Cái lỗi gì mà trả từng hai chục *kopek* một !.. Hai mươi *kopek* thì làm được cái gì ? Đem đi uống rượu, thế thôi !.. »

Y vẫn lầm bầm một mình :

« Nghèo khổ ! nghèo khổ !.. còn cái nghèo của mình nữa ! Anh có một cái nhà ; có trâu bò, có tất cả, còn mình, mình chỉ có mình. Anh ăn bánh do lúa ở ruộng của anh làm ra, còn ta, ta mua bánh của ta ; chỉ có tiền bánh thôi, mà ta cũng phải kiếm ra mỗi tuần lễ ba *rouble*. Ta về nhà ta. bánh đã ăn hết cả rồi, lại phải tiêu một *rouble* rưỡi nữa... Vậy thì anh trả nợ cho tôi chứ ! »

Cứ như thế, người thợ giầy đến nhà nguyện ở khúc đường quặt. Y trông thấy đằng sau nhà nguyện có cái gì trắng trắng. Trời đã sâm sâm tối, người thợ giầy nhìn không rõ.

— Cái gì ở đằng kia thế ? Ở đấy xưa nay làm gì có đá trắng. Hay là một con bò đấy ? Không, cái đó không có vẻ gì là con bò. Nhìn về đằng đầu, thì trông giống như người vậy. Nhưng người sao lại trắng thế ? Và tại sao lại ở chốn này ? »

Y lại gần, nhìn được rõ hơn. Thật là một sự lạ. Đó chính là người thật !

Sống hay chết ? Hắn ngồi dựa vào tường nhà nguyện, thân thể trần truồng. Hắn không nhúc nhích. Người thợ giày sợ hãi, bụng bảo dạ :

— Có đứa giết người, lột sống áo rồi vứt xác ở đây. Mình mà chỉ lại gần cũng đủ bị lôi thôi chán.

Y rảo bước đi, vòng quanh nhà nguyện, người kia đã khuất mắt. Đi được một quãng, quay lại thấy hắn đã dịch ra cách xa tường, hắn cựa quậy và như là đương nhìn chòng chọc vào mình. Người thợ giày hết hồn, nghĩ :

— Mình có nên quay lại hay là chạy đi ? Nếu quay lại, mình có thể mắc vạ. Nào biết hắn là ai ? Hắn ở chỗ này trông khả nghi tột. Hắn sẽ nhẩy xổ lại bóp cổ mình, rồi có lẽ mình không thoát được. Giả dụ hắn không bóp cổ mình, mình sẽ phải lôi thôi với hắn, biết đâu. Một người trần truồng, mình biết làm thế nào ? Tuy vậy, mình không thể cởi áo ra cho hắn, không thể cho hắn cái áo khoác độc nhất của mình. Xin Thượng-Đế hãy để cho tôi khỏi cái ách này !

Y đã đi khỏi khu nhà nguyện, nhưng lương tâm

bắt đầu cần rút y. Y dừng lại ở giữa đường cái. Y tự nhủ :

— Simon, mày làm gì đấy, mày làm gì đấy ? Một người đương sắp chết kia, không có ai cứu, còn mày thì mày sợ, mày chạy. Hay là mày một tay cự phú đấy ? Mày sợ bị cướp hết của báu của mày à ? Này Simon, thế không tốt đâu đấy !

Simon trở lại gần người kia.

II

Simon lại gần nhìn thấy một chàng trẻ tuổi, khỏe mạnh, trên người không có vết tích gì là bị đánh đập cả ; nhưng hắn bị rét cóng và có vẻ hoảng sợ ra nét mặt. Hắn ngồi tựa vào tường, không nhìn Simon. Hắn có vẻ yếu lả ; hắn không còn sức mà mở mắt nữa.

Simon sích lại gần hơn, và cúi xuống với người ấy. Hắn bỗng hồi lại, quay đầu mở mắt mà nhìn y. Ngay thoạt lúc Simon thấy cái nhìn ấy, y yêu mến người kia ngay. Y bỏ đôi hia xuống, cởi giầy lưng vút dè lên trên, và cởi áo nẹp ra.

Y bảo :

— Đừng có nói gì vô ích. Này, anh hãy mặc vào cho nhanh.

Và Simon bế hắn nhấc cho đứng dậy ; y nom thấy cái thân thể thanh tú sạch sẽ, tay chân lạnh lặn và

nét mặt hiền từ của hắn. Y khoác cái áo nẹp lên vai hắn, nhưng hắn không thể nào sờ tay vào cánh tay áo được. Simon sờ hộ, khép áo và thắt cho cái giây lưng. Y muốn lột cái mũ rách củ mình ra đội cho hắn, nhưng thấy đầu mình ngứa lạnh, y nghĩ:

— Đầu mình hói, còn hắn thì tóc dài uốn cong.

Y liền giữ mũ lại, nghĩ bụng:

— Đi hia cho hắn lại hía hay ».

Simon quý xuống trước mặt người kia, sờ giày ống cho hắn rồi bảo:

— Này anh, cử động một tý cho nó nóng người. Chúng mình còn làm gì ở đây nữa. Anh đi được không?

Người kia đứng lặng không nói, mắt nhìn Simon một cách dụi dàng.

— Này, sao anh không nói hử? Chúng ta không thể ở chỗ này cho đến hết mùa rét. Anh hãy cầm lấy cái gậy của tôi mà chống đi nếu anh không còn sức nữa; thôi ta đi đi!

Người kia đi, mà lại bước đi rất dễ dàng. Hắn đi trước.

Hai người đi cạnh nhau, Simon hỏi:

— Anh người ở đâu?

— Tôi không ở vùng này.

— Tôi biết hết những người ở đây. Làm thế nào anh lại ở chỗ đằng sau nhà nguyện ấy?

— Tôi không thể nói ra được.

— Có đũa hại anh à?

— Không, chẳng ai làm hại tôi cả. Thương-đế phạt

tôi.

— Lẽ cố nhiên, cái gì mà chẳng do ở Trời... Nhưng này, người ta ai đi cũng có mục đích. Vậy chờ anh đi đâu?

— Tôi nào có biết.

Simon ngạc nhiên. Người này không có vẻ gì là hạng nhả nhót, giọng hẳn thì ôn tồn, nhưng hẳn có nói gì về hẳn đâu. Simon cho rằng thế này có điều kỳ dị lắm. Y bảo;

— Này, anh lại đừng tôi nhé; về nhà tôi mà sưởi cho ấm.

Simon về gần đến sân nhà; người bạn đồng hành sánh vai đi bên cạnh. Gió đã lên, thổi lột qua chiếc áo lót mình của Simon.

Y bắt đầu tỉnh rượu, y thấy rét; y sịt cái mũi, co ro trong áo mền, nghĩ bụng:

« Rõ mình đẹp chưa! Thế có rắc rối không! Mình đi mua một cái áo lông cừu, mà về nhà thì trên người không còn cả cái áo nẹp nữa, lại dèo thêm một gã trần truồng, Matriona chẳng cho là bay hóm đâu.

Nghĩ đến vợ, Simon thấy nao buồn; nhưng nhìn người kia, y liền nhớ lại hai con mắt hẳn ta nhìn mình ở chỗ sau nhà nguyện, thì y lại hồi hộp mừng rỡ.

III

Vợ Simon đã thu dọn xong từ sớm. Nàng đã chẻ

củi,, gánh nước, chăm nom đàn con và đã ăn uống xong xuôi ; rồi nàng mới nghĩ vợ vắn. Nàng nghĩ đến bánh, nên bỏ lò hôm nay hay mai ? Hãy còn một ổ bánh mì to ở trong thùng.

Nàng nghĩ :

— Simon ăn cơm tối ở ngoài làng ; hôm nay anh ấy không ăn cơm nhà, thì mai hãy còn đủ bánh :

Nàng quay đi quay lại cái ổ bánh ;

« Hôm nay không bỏ lò ; có một bận này là còn thừa bột, mình có thể nắn nà được đến thứ sáu. »

Matriona giấu bánh đi, và ngồi ở cạnh bàn chữa áo lót cho chồng. Nàng vừa khâu vừa nghĩ đến chồng đương đi mua da cừu may áo.

« Ước gì người bán hàng không đánh lừa chồng mình, chồng mình thật thà quá ! ... Anh ấy không dối ai bao giờ ; ai lại có thể phải lừa cả trẻ nữa..... Tám *rouble* thật là một số tiền to, có thể mua được một cái áo lông cừu tốt, đã đành là áo có một lần da đơn, nhưng cũng là một cái áo lông cừu. Mùa rét năm ngoái lạnh gớm : không có áo lông thì không thể ra ngoài sông, hay chỗ nào khác. Anh ấy đi như thế ăn mặc cho kỳ hết, còn mình thì chẳng có gì mà mặc... Sao mà đi lân thế ! Đáng lẽ phải đến nhà rồi. ... Hay là chồng tôi lại tạt vào hàng rượn rồi?

Matriona vừa mới nghĩ đến đây, thì ngoài bậc cửa có tiếng chân đi, có người vào trong nhà. Nàng bỏ dở chỗ may vá chạy ra phòng ngoài. Nàng thấy hai người vào : Simon và một người

dân quê khác, đầu trần, chân sỏ giày ống bằng da.

Người hơi thở Simon, Matriona biết ngay là chồng đã uống rượu.

Nàng nghĩ bụng :

« Mình đã biết mà, anh ta có uống rượu. »

Nàng không thấy chồng mặc cái áo nẹp ; hai bàn tay không, y im lặng, lúng túng ; thấy vậy, người vợ tội nghiệp kia nẫu cả ruột gan.

« Anh ấy uống hết cả tiền rồi, à ra anh ấy đi vào tiệm rượu với thằng mất dạy nào đó, rồi lại dẫn nó về đây. »

Matriona đề cho hai người vào trong túp nhà gỗ thông, nàng lẳng lặng đi theo. Nàng thấy người lạ mặt còn trẻ và gầy, mặc cái áo nẹp của cả hai vợ chồng, dưới áo chẳng có áo lót mình, đầu thì không đội mũ. Vào rồi, chàng ta đứng im, cúi gằm mặt xuống. Matriona nghĩ :

« Đây là một đứa xấu nết. Hẳn sợ đấy. »

Nàng cau mày đi lại chỗ lò lửa, đợi xem sao.

Simon bỏ mũ, ngồi xuống chiếc ghế dài, trông mặt có vẻ dễ dãi lắm. Y bảo :

— Thế nào, Matriona ! Mình có dọn cơm cho chúng tôi không ?

Matriona lúng búng mấy tiếng trong mồm. Nàng đứng dừng ở bên lò lửa, không nhúc nhích, nàng hề nhìn người nọ lại nhìn người kia mà lắc đầu. Simon thấy vợ giận dữ — nhưng biết làm sao được — liền làm ra bộ thản nhiên, cầm lấy tay người lạ mà rằng :

— Anh ơi, anh ngồi xuống đi, rồi chúng ta cùng ăn. Người kia ngồi xuống ghế dài.

— Thế nào, mình không thời nấu gì tối nay à ?

Matriona nổi tam bành :

— Tôi có thời nấu, nhưng không phải là cho cái thứ anh. Anh uống rượu đến mất cả khôn rồi. Nó đi để mua cái áo lông cừu, rồi nó về mất cả cái áo nẹp mà nó lại còn rước về nhà một thằng vô lại trần truồng. Tôi không có cơm nước gì cho những đồ say rượu như các anh dân.

— Matriona im đi ! Đừng có nỏ mồm mà nói nhảm. Mình nên hỏi tôi xem người kia là ai đã.

Người vợ nói tiếp :

— Anh hãy kể trước cho tôi biết là chỗ tiền kia anh đã làm gì rồi.

Simon móc túi lấy ra chỗ mấy đồng *rouble* :

— Tiền đây. Trifonov nó không giả tiền, nó hẹn đến mai.

Matriona càng thêm tức tối. Áo lông cừu đã không có, cả nhà có một chiếc áo nẹp thì mặc ngay cho một thằng vô lại trần truồng, mà lại còn rước về nhà, quá quắt lắm ! Nàng cầm tiền đem cất đi và bảo :

— Tôi không có cơm cháo gì cả, người ta không thể nuôi hết tất cả những đứa say rượu trần truồng.

— Thôi đi, Matriona ! Mình hãy giữ mồm đã để người ta nói cho mà nghe.

— Tôi ấy à ! tôi lại nghe những lời xằng của một đứa đồ tôi đã uống rượu vào ấy à ! À, thế mới biết ngày trước tôi không muốn lấy anh là có lý lắm, cái

đồ quý rượu kia ! Mẹ tôi cho tôi vải, anh uống hết cả vải, anh đi mua cái áo lông, anh cũng uống hết cả裳 cái áo lông !

Simon đã uồng công giảng giải cho biết rằng mình chỉ tiêu có hai chục *kopek* ở hàng rượu ; y muốn bảo cho vợ biết đầu đuôi chuyện gặp người kia ra làm sao, nhưng Matriona không có đề cho y nói nửa nhời, nàng nói được hai lời thì y mới nói được một, và nàng tuôn cho y một tràng những chuyện từ mười năm về trước. Nàng nói, nói mãi, rồi nắm lấy tay áo Simon mà rằng :

— Anh giả tôi cái áo mền bông đây ! Tôi chỉ có thể, mà anh lại lấy của tôi, anh mặc nó lên người ấy, đồ chó ghẻ, ma quỷ nó tha anh đi !

Simon định cởi áo, thì người vợ đã giằng lấy, chỉ sứt bùng bực. Sau cùng Matriona chiếm được chiếc áo, đội lên đầu rồi đi lại phía cửa. Nàng muốn đi ra, nhưng bỗng nàng đứng dừng lại, cơn tam bành lại nổi lên. Nàng muốn đồ dốc vào một người nào đó, và cũng trong tức ấy, nàng thốc mách muốn biết người kia thế nào.

IV

Matriona đứng ở ngoài cửa, nói :

Hắn mà là người lương thiện, thì hắn không trần

trường; anh thử nhìn xem: hắn không có cả đến cái áo lót. Nếu việc anh làm có là việc tốt, thì anh phải báo cho tôi biết anh rước được cái người lịch sự kia từ đâu về.

— Nhưng tôi đã bảo mình rồi kia mà: tôi đi qua nhà nguyện thì gặp cái anh chàng này, mình mẩy trần truồng, gần bị chết cứng; bây giờ có còn là mùa nước nữa đâu... Đó là Thượng-đế trở đường cho tôi đến với hắn, nếu không hắn sẽ chết đêm nay. Biết làm thế nào? Việc nó cứ dẫn đến như vậy. Tôi nhắc hắn lên, mặc áo cho hắn, rồi đưa về đây. Mình nguôi giận đi, như thế là tội lỗi đẩy Matriona ạ. Rồi một ngày kia chúng ta sẽ chết.

Matriona muốn cãi lại, nhưng nàng vừa liếc nhìn người lạ và nàng im bất. Ý ngồi lặng yên trên ghế, hai tay khoanh trên đầu gối, đầu ngả xuống ngực; hắn sặc như là bị nghẹn thở. Matriona im lặng. Simon bảo vợ:

— Matriona, mình không còn có Chúa trong lòng nữa ư?

Nghe thấy thế, Matriona lại ngấm nhìn người khách lạ, nàng cảm động. Nàng đi vào, lại chỗ lò lửa để làm cơm tối, đặt cái bát chậu trên bàn, múc nước *kvass* (1), và đem ra cái bánh cuối cùng, và dao, và thìa.

Nàng nói:

— Thôi, các anh ăn đi.

(1) Nước súp.

Simon kéo người kia lại chỗ bàn mà rằng ;

— Lại đây, anh trẻ !

Y cắt bánh, chấm vào xúp. Hai người ăn. Matriona ngồi ở một góc bàn, tý cầm vào hai nắm tay mà nhìn người khách lạ.

Nàng chợt thấy mình thương hại người ta lắm, và đến lượt nàng cũng thấy mến người ta. Ngay lúc ấy, người khách lạ trở nên vui vẻ hơn ; chàng ta ngừng đầu lên, mỉm cười với Matriona.

Ăn xong, nàng thu dọn bát đĩa và hỏi :

— Anh người ở đâu ta ?

— Tôi không phải người vùng này.

— Đầu đuôi thế nào mà lại có anh ở chỗ ấy ?

— Tôi không thể nói được.

— Ai lột áo anh vậy ?

— Đó là Thượng-Đế phạt tôi.

— Vì thế mà anh phải ở trần truồng à ?

— Vâng, tôi phải ở trần truồng như thế. Tôi đang bị rét cóng. Simon nhìn thấy tôi. Anh ấy thương hại, mặc cho tôi cái áo nẹp, và bảo tôi đi theo. Chị thì cũng thương cái cảnh khốn cùng của tôi, chị cho tôi ăn, tôi uống. Thượng-Đế sẽ độ trì cho anh chị !

Matriona đứng dậy, lấy ra ở chỗ cửa sổ một cái áo lót mình cũ của Simon mà nàng đã vá rồi. Nàng đưa áo cho người khách lạ cùng với một cái quần cộc cũ.

Nàng bảo :

— Anh cầm lấy. Tôi thấy anh không có cả từ cái áo lót. Mặc vào rồi thì muốn ngủ đâu cũng được, ngủ ở ghế hay ở trên lò tùy ý.

Người lạ cởi chiếc áo nẹp ra, mặc áo lót và quần cộc, rồi nằm dài trên ghế. Matriona tắt nến, nhặt lấy cái áo nẹp, rồi leo lên trên mặt lò, nằm cạnh chồng. Nàng đi ngủ đắp một đầu áo nẹp lên người.

Nhưng nàng không nhắm mắt được. Nàng còn băn khoăn về người kia.

Nàng cũng nghĩ nữa rằng còn bao nhiêu bánh đã ăn hết cả rồi, đến mai sẽ thiếu bánh ăn, và nàng thì đã cho khách cái áo lót và cái quần cộc của Simon. Và nàng thấy buồn lòng; nhưng nhớ đến cái mỉm cười của người lạ, nàng rung mình vui vẻ.

Matriona thức mãi. Simon cũng không ngủ được, và kéo lấy một phần áo nẹp mà đắp.

— Simon!

— Cái gì thế?

— Bánh đã ăn hết cả rồi; hôm nay tôi không nướng. Vậy đến mai tôi làm thế nào? Đến mai có nên hỏi vay mụ Méliana không?

— Chúng mình mà còn sống thì còn có cái ăn!

Hai người im một lát.

— Cái người kia có vẻ tử tế, nhưng tại sao hẳn không nói gì về hẳn cả?

— Chắc là hẳn không thể nói được.

— Simon!

— Sao?

— Chúng mình cho kẻ khác, có sao chẳng có ai cho chúng mình cả?

Simon không biết trả lời ra sao.

Y quay đi bảo rằng :

— Thôi nói đủ rồi.

Và y ngủ,

Simon dậy sớm : trẻ con hãy còn ngủ ; vợ y đi hỏi vay bánh bên hàng xóm. Người khách lạ hôm qua mình mặc chiếc áo lót và chiếc quần cộc cũ, ngồi trên ghế dài, ngược mắt lên. Mặt chàng trở nên điềm đạm hơn.

Simon bảo hẳn rằng :

— Nay anh ạ, dạ dầy cần có cái ăn, mà thân thể cần có áo mặc. Phải tự mình kiếm cho đủ ăn. Anh có biết làm lụng không ?

— Tôi không biết gì cả.

Simon dương to đôi mắt lên, nói :

— Người ta sẽ dạy cho anh biết, nếu anh có trí.

— Ai cũng làm lụng, thì tôi cũng sẽ như mọi người.

— Tên anh là gì ?

— Michel.

— Vậy thì anh Michel này, anh không muốn nói gì về anh cả, cái đó là việc riêng của anh ; nhưng anh cũng phải ăn nữa ; vậy thì nẾp anh làm theo lời tôi chỉ bảo, tôi sẽ nuôi anh.

— Thượng-Đế phù hộ cho anh ! Anh dạy tôi đi, anh bảo cho tôi biết phải làm cái gì.

Simon lấy sợi chỉ, vế đầu sợi,

— Không k

Michel nh

sau đây, Simo

chỉ, và v

thoạt trông.

đay cho chà

tức. Đ

gi. Michel c

leo, khiến a

đóng gi

it. Xong c

minh, m

Chàng kh

đưa nh

thấy c

tiên, l

Ng

n

ng

đ

ch

kh

o

— Không khó đâu, anh nhìn xem này.

Michel nhìn, cầm lấy sợi chỉ, vê đầu sợi, và ngay sau đấy, Simon dạy cho chàng cách thoa sáp ong vào chỉ, và vắn chỉ bằng lông lợn. Cũng như bận trước, thoát trông, Michel đã hiểu ngay. Rồi người chủ mới dạy cho chàng khâu. Và Michel cũng hiểu ngay lập tức. Đến ngày thứ ba, người ta bảo cho bất cứ việc gì, Michel cũng hiểu ngay. Chàng làm lụng rất khéo léo, khiến ai cũng có thể tưởng là chàng suốt đời chỉ đóng giày. Chàng không bỏ phí thời giờ, chàng lại ăn ít. Xong công việc, chàng ngồi vào trong cái góc của mình, mắt ngược lên trời, chẳng nói năng gì cả. Chàng không bước chân ra đến ngoài, không nói đùa nhả nhớt, không cười bao giờ cả. Người ta chỉ thấy chàng mỉm cười có mỗi một lần: là buổi tối đầu tiên, lúc người thiếu phụ dọn cho chàng ăn.

VI

Ngày lại ngày, hết tuần lễ ấy sang tuần lễ khác, một năm qua. Michel vẫn sống, vẫn làm việc ở nhà Simon nghiêm nhiên làm một chàng thợ giày chẳng bao lâu đã nổi tiếng: không ai đóng hia cần thận và chắc chắn bằng Michel, người thợ bận của bác Simon. Khắp vùng lân cận, người ta chỉ đến đặt làm giày cao ống ở nhà Simon. Simon bắt đầu có đồng ra đồng vào. Một ngày mùa đông, Simon và Michel đang làm

lặng, thì nghe thấy có tiếng nhạc của một cái xe đóng ba ngựa. Hai người nhìn ra cửa sổ : cái xe đỗ ngay trước cửa. Một tên bộc ở trên xe nhảy xuống mở cửa. Một ông mặc áo lông cừu xuống xe đi lại chỗ nhà Simon, bước lên bậc. Matriona mở cửa rộng ra. Ông ấy cúi xuống, đi vào trong nhà, rồi ngừng người lên đầu ông gần trạm trần nhà, và một mình ông ngón ngón chặt cả một góc buồng. Simon đứng dậy, ngỡ ngàng chào ông lạ mặt. Y chưa hề gặp một người nào như thế bao giờ. Simon chính mình cũng béo phịch, Michel thì gầy, Matriona như một thanh củi khô. Người kia như ở thế giới khác đến đây : mặt hồng hào và đầy như mâm xôi, cổ to như cổ con bò mộng, ông ta có vẻ một con người đúc bằng đồng vậy.

Sau khi đã thở hồng hộc một lúc, ông bỏ áo quàng ra, ngồi trên ghế dài và hỏi :

—Trong hai anh, ai là người chủ thợ giầy ?

Simon tiến lại nói :

—Thưa Đức ông, kẻ này đây ạ.

Ông gọi tên bộc :

—Fedka ! đem da lại đây.

Tên đầy tớ đem một bọc đến. Ông cầm lấy để lên trên bàn nói :

—Cởi ra.

Tên kia vâng lời.

Ông đưa cho Simon xem da và hỏi :

—Này chú thợ giầy, mi đã xem rõ thứ da này chứ ?

—Thưa Đức ông vâng.

—Mi đã nhận thấy thứ đó là hàng gì không ?

Simon sờ tấm da rồi đáp :

—Hàng này rất tốt.

—Ừ chính hàng tốt đó, đồ ngu xuẩn, mi chưa hề được trông thấy thứ hàng đó là thứ da bên Đức, cái tấm này giá hai mươi *rouble*.

Simon sợ sệt đáp :

—Ngũ chúng tôi, ở đâu mà được trông thấy thứ ấy ?

—Đã hẳn. Mi có làm được cho ta một đôi hia bằng thứ da này không ?

—Bẩm Đức ông được ạ.

—Được à ! Mi phải hiểu là mi làm cho ai, và bằng thứ hàng như thế nào; mi làm cho ta một đôi hia có thể dùng được một năm, mà ta có thể đi được trong một năm không hỏng rách. Nếu mi làm được thì nhận lấy tấm da này mà cắt, bằng không thì cứ từ chối. Ta bảo cho mi biết trước : nếu đôi hia này mà hỏng trước một năm, thì ta cho mi vào tù; nếu dùng được một năm, thì ta cho mười *rouble* nghe !

Simon sợ hãi, ngần ngại không biết phải trả lời sao. Y nhìn Michel, thích cánh ra hiệu và hỏi thăm :

—Nên nhận không ?

Michel nói ;

—Cứ nhận.

Simon nghe lời Michel nhận và cam đoan sẽ trao lại đôi hia không hỏng, không rách trong một năm.

Ông kia gọi đầy tớ sai nó cởi giầy bên trái, rồi chia chân và bảo Simon :

—Ừ thì mi đo đi.

Simon lấy một tờ giấy rộng chừng mười ver-

chock (1) gấp dọc lại mấy lần, quỳ xuống, chùi tay vào khăn cho khỏi làm bẩn bít tất của ông kia, rồi đo chân. Simon đo đế, đo cổ chân, và sắp sửa đo bụng chân, nhưng số giấy không đủ đo một vòng, vì cái bụng chân kia nó to bằng chiếc xà nhà ấy.

—Mi coi chừng đó, đừng để chật ở chỗ bắp chân.

Simon nối thêm giấy. Ông kia ngồi cựa đầu ngón chân trong bít tất và nhìn những người có mặt ở trong nhà.

Ông trông thấy Michel liền hỏi :

—Tên này là ai ?

Simon đáp :

—Hắn là thợ bạn của tôi. Chính hắn đóng hia.

Ông kia bảo Michel :

—Cẩn thận đó ! giấy phải cho bền một năm .

Simon ngừng người lên nhìn Michel, và thấy chàng không buồn nhìn đến nhà ông kia; chàng nhìn ở phía trên và ở đằng sau ông ta, như là nhìn một người nào khác vậy. Chàng nhìn, chàng nhìn rồi bỗng dưng chàng thản nhiên mỉm cười.

—Thằng xuẩn ngốc này, làm sao mi cười ? Mi nên để ý làm đôi hia cho đúng hện thì hơn.

Michel đáp :

—Đôi hia của ngài sẽ xong đúng hện.

—Được.

Ông kia sờ giấy, mặc áo lông cừu vào rồi đi ra cửa; nhưng ông quên cúi đầu nên va trán vào cái xà nhà.

(1) một verchock được bốn phân rượu tây,

Ông văng tục, xoa dầu, rồi lên xe đi thẳng.

Ông kia đi khỏi, Simon nói :

— Đấy nom người ta khỏe như vâm, làm gãy cả xà nhà mà có hề gì đâu.

Mitriona bàn :

— Người ta sung sướng như thế, sao lại không khỏe mạnh, đẹp đẽ ? Người như sắt đá ấy, còn là sống lâu,

VII

Simon bảo Michel :

— Chúng mình nhận công việc ấy rồi, bây giờ chỉ cần là không phải bị lôi thôi về sau. Da ấy thì đắt, mà ông lớn kia lại nóng tính ; cần nhất là chúng ta đừng làm hỏng ! Anh tinh mắt hơn tôi, tay anh khéo léo hơn, vậy thì cứ đo đây, anh cắt da cho tôi, tôi khâu.

Michel vâng lời, cầm tấm da, dải trên bàn, gấp lại làm hai, lấy dao mà sén.

Matriona lại gần, nhìn Michel làm, ngạc nhiên sao chàng lại làm ra thế ấy. Nàng quen nghề, nên thấy rõ là Michel cắt dép chứ không phải cắt hia.

Nàng muốn nói nhưng lại nghĩ rằng :

« Có lẽ mình không biết ông lớn kia đi thứ giầy nào đó thôi. Michel biết rõ hơn mình cái công việc anh ta đương làm ; mình không dây vào đấy ! »

Michel cắt xong, đem các mảnh ra khâu, nhưng

không khâu hai bên mà chỉ khâu một bên như là khâu dép. Matriona ngạc nhiên, nhưng nàng đã không muốn dây vào, cho nên Michel cứ việc khâu. Đến bữa ăn, Simon nghỉ việc ra xem thấy Michel làm dép chớ không làm hia. Simon kêu một tiếng À! rồi nghĩ:

«Tại sao thế, một người như Michel suốt một năm nay có nhằm bao giờ đâu!... Anh ấy vừa làm thế có khổ không! Thế là hàng hỏng rồi; biết nói với Đức Ông làm sao? Tìm đâu cho ra hàng ấy?»

Và y bảo Michel:

— Anh ơi, anh làm gì đấy? Anh giết tôi rồi. Ông lớn đặt tôi làm hia, mà anh thì anh làm gì?

Ngay lúc ấy, có tiếng gõ mạnh ở cửa. Nhìn ra cửa sổ thấy có người nào đương buộc ngựa vào cái vòng sắt đóng ở cửa. Mở ra, người đầy tớ của ông kia bước vào.

— Chào ông chủ.

— Chào anh, anh muốn gì?

— Bà lớn sai tôi đến về cái chuyện đôi hia.

— Đôi hia à? Sao thế?

— Phải, ông tôi không cần dùng đến hia nữa. Ông tôi mất rồi.

— Thế à!

— Ông tôi chưa về kịp đến nhà thì đã chết rồi, chết từ trong xe. Về nhà, tôi mở cửa xe ra thì thấy ông tôi nằm cứng đờ ở trong, lời ra được thật là khó nhọc. Bà tôi sai tôi lại đây, bảo rằng: «Mày đi bảo người thợ giày hãy đóng dép cho người chết, chớ đừng đóng đôi hia mà ông đã đem da đi đặt làm. Bảo hẳn làm

nhanh lên, mày đợi đấy mà đem dép về.» Vì vậy tôi mới đến đây.

Michel cầm đôi dép và chỗ da còn thừa, quấn lại, gói sạch sẽ và đưa gói cho tên bợc đương đợi.

— Chào cả nhà ở lại cho mạnh khỏe nhé !

VIII

Một năm, hai năm trôi qua, sau cùng thế là sáu năm rồi. Michel vẫn ở với Simon. Bao giờ cũng thế, chàng không hề ra khỏi cửa, ít nói và trong thời gian ấy, chàng chỉ mỉm cười có hai bận : lần đầu, khi Matriona cho chàng ăn, và lần thứ hai, lúc ông lớn kia đến nhà.

Simon bao giờ cũng rất đẹp ý vì người thợ của mình ; y không hỏi xem chàng ở đâu đến nữa, và chỉ sợ có một việc là nhớ chàng đi mất.

Một hôm ở nhà đông đủ cả mọi người ; bà chủ thì đặt nồi súp trên lò, lũ trẻ trèo lên ghế và nhìn ra ngoài cửa sổ. Gần một cửa sổ, Simon thích dúi ; bên cạnh một cửa sổ khác, Michel làm nốt một cái đế giày,

Một đứa trẻ đến tỳ vào vai Michel, nhìn ra cửa sổ và bảo chàng rằng :

— Chú Michel nhìn xem kia, một mụ bán hàng với hai đứa con gái. Trông như họ đương lại đây ấy. Một đứa bé thì què.

Nghe thấy vậy, Michel bỏ dở chỗ việc đang làm,

quay ra phía cửa sổ và nhìn ra ngoài.

Simon ngạc nhiên. Xưa nay Michel chưa hề nhìn ra ngoài, mà bây giờ chàng đương tỳ vào kính ngắm nhìn một cái gì đó. Simon cũng ra cửa sổ nhìn. Y thấy một người đàn bà ăn mặc sạch sẽ dắt hai đứa trẻ mặc áo lông cừu, trên đầu có chùm khăn len, cùng tiến đến nhà này, Hai đứa bé giống nhau như hai giọt nước, không thể phân biệt được, nhưng có một đứa khập khiễng chân trái.

Người đàn bà đứng dừng ở cửa, mở then đi vào trong nhà, dắt hai đứa bé đi vào trước.

— Chào cả nhà.

— Bác đến chơi, quý hóa quá, bác muốn gì?

Người đàn bà ngồi gần cái bàn, hai con bé dút dất đứng sát ngay bên cạnh, chúng sợ mấy người đàn ông kia.

— Tôi cần giấy cho các cháu đi mùa xuân.

— À, thế thì dễ lắm. Chúng tôi chưa đóng đôi nào bé như thế nhưng có thể đóng được, chúng tôi sẽ cố. Bác muốn lấy thứ có rìa ngoài hay thứ lót vải? Michel, người thợ bạn của tôi hẳn rất khéo.

Simon quay lại, thấy Michel đương giương mắt ngắm nhìn hai đứa trẻ Simon ngạc nhiên. Thật ra, hai con bé cũng kháukhinh, mắt đen lay láy, và hai má phình phình phớt hồng; mấy cái áo lông cừu và cái khăn trông xinh tề, nhưng y vẫn không hiểu tại sao Michel lại ngắm nhìn chúng nó một cách chăm chú, như là đã quen biết chúng nó từ trước rồi. Simon mỗi lúc một thêm sửng sốt, nói chuyện với người

NGƯỜI

đàn bà kia, mặc
Người đàn

ràng:

— Bác do cho

chiếc giầy cho

chân lành; ch

đôi dầy.

Đo xong, S

— Tại sao

cò bé khau

— Đây là

Matriona

biết người

thế nào.

— Bác

— Kho

hàng, b

— Kh

chiều n

— Sa

tôi. Tr

đã cá

bằng

—

đàn bà kia, mặc cả giá tiền và đo chân.

Người đàn bà đặt đứa bé què trên đùi mình và nói rằng :

— Bác đo cho con bé này cả hai chân ; bác làm một chiếc giày cho bên chân thọt và ba chiếc cho bên chân lành ; chân chúng nó giống nhau, chúng nó sinh đôi đấy.

Đo xong, Simon trở con bé thọt mà rằng :

— Tại sao để nó ra lại như thế này nhỉ ? Tội nghiệp cõ bé kháu khỉnh quá !

— Đấy là tại mẹ nó làm què nó

Matriona len vào nói chuyện, nằng thóc mách muốn biết người đàn bà kia là ai và những đứa trẻ kia là thế nào. Nàng nói :

— Bác không phải là mẹ chúng ư ?

— Không phải là mẹ mà cũng không phải là họ hàng, bác ạ. Chúng nó là con nuôi tôi.

— Không phải là con đẻ đứt ruột ra mà bác cũng chiều như thế à ?

— Sao lại không chiều ? Tôi cho cả hai đứa bú sữa tôi. Trước kia tôi cũng có một đứa con, nhưng Trời đã cất về rồi ; thế mà tôi cũng không nâng niu nó bằng hai đứa trẻ này.

— Chúng là con ai ?

IX

Người đàn bà vui mồm kể rằng :

— Chúng mồ côi được sáu năm nay ; cha chúng nó chôn vào một ngày thứ ba ; thứ sáu thì người mẹ chết. Chúng mồ côi cha từ khi chưa lọt lòng, mà để chúng nó ra chưa được một ngày thì người mẹ lại chết theo người cha. Chúng tôi vốn là chỗ lảng giềng xát vách. Người cha một hôm đi làm một mình ở rừng, bị cây đồ đề lên người ; y lòi cả ruột đến nỗi đưa về đến nhà thì chết. Ba hôm sau người mẹ đẻ ra hai đứa bé này ; chị ấy nghèo và sống trơ trọi, không có ai đỡ đỡ, chẳng có cô đỡ và chẳng có cả đầy tớ nữa. Chị ấy đẻ một mình rồi chết cũng một mình.

Buổi sáng hôm ấy tôi đến thăm chị ta. Vào trong nhà, tôi nghiệp cái nhà chị ấy đã lạnh ngắt cả người rồi. Chị ấy chết ngã đè lên con bé làm cho nó què. Người ta đến tắm rửa cho người chết, khâu liệm và làm cho một cỗ áo quan rồi đem chôn. Hàng xóm láng giềng thuần là người tử tế. Còn hai đứa bé thui thủi, tứ cố vô thân. Để chúng ở đâu được ? Ở trong làng hồi đó chỉ một mình tôi là có sữa ; tôi đương nuôi cháu bé hai tháng ; tôi tạm đem chúng nó về nhà tôi.

Người làng họp lại nó chuyện và bàn xem nên đối với chúng nó ra sao và họ bảo tôi rằng :

« Maria, bác hãy tạm giữ lấy hai đứa trẻ, cho chúng nó bú, và bác hãy để cho chúng tôi đủ thì giờ bàn với nhau cho ổn đã. »

Tôi mới cho một đứa bú thôi, còn đứa què thì không. Tôi cho rằng nó không sống được. Nhưng tôi lại tự trách mình : nó rên rỉ nghe đến thương. Tại sao cái chú thiên thần kia lại phải khổ sở. Tôi bèn cho nó bú và tôi cho cả ba đứa bú, con tôi và hai đứa con côi.

Hồi ấy tôi trẻ và khỏe mạnh, tôi ăn nhiều, tôi nhiều sữa. Trời đã giúp tôi. Tôi cho hai đứa bú thì đứa thứ ba đợi ; khi một đứa lững dạ rồi, thì tôi bẻ lấy đứa thứ ba. Thượng-Đế đã ban ơn cho tôi được nuôi nấng chúng nó. Hai năm sau, con tôi chết, và Thượng Đế không cho tôi đứa con nào nữa. Tuy vậy chúng tôi đã làm được điều lành, bây giờ chúng tôi ở nhà máy xay, ở nhà một người lái buôn. Chúng tôi lương lậu cũng khá, đời sống lại dễ dàng, nhưng tôi không có con. Nếu tôi không có hai con bé này, thì một mình vô võ biết làm thế nào ? Vậy thì sao mà lại không yêu, không chiều chuộng chúng nó ? Chúng nó là cái vui của đời tôi đấy.

Người đàn bà ôm chặt hai đứa bé vào lòng ; mặt hôn con bé què và chùi mắt mình ứa lệ.

Matriona thở dài nói rằng :

— Người ta sống không cha, không mẹ được, chứ không thể sống không có Thượng Đế.

Họ chuyện vãn như vậy bỗng tất cả gian nhà sáng rực lên, như do một tia chớp nhoáng phát từ chỗ Michel ngồi. Mọi người quay lại về phía ấy thì thấy Michel ngồi, tay khoanh trên gối, mắt nhìn lên trời : chàng đương cười nụ.

Tôi mới cho một đứa con gái đi chơi, còn đứa con gái khác không. Tôi cho rằng nó không sống được. Nhưng tôi
 X
 Người đàn bà cùng hai đứa bé đi về, Michel ở trên ghế đứng dậy, đặt chỗ làm dở dang, cởi cái áo ngoài ra, chào hai vợ chồng chủ nhà và bảo họ rằng:

— Xin ông chủ bà chủ thứ lỗi cho tôi; Thượng Đế đã tha cho tôi thì ông bà cũng nên tha cho tôi nữa.

Hai vợ chồng nhà chủ thấy một ánh sáng ở Michel phát ra. Simon đứng dậy chào chàng ta và nói rằng:

— Michel, tôi biết anh không phải là người thường và tôi không thể giữ anh lại hỏi han anh được. Tôi chỉ xin anh bảo cho biết tại sao cái lúc tôi đưa anh về đây, anh lăm lì và sợ sệt đến thế? Tại sao anh lại yên lòng khi nhà tôi mời anh ăn? Khi ấy anh có mỉm cười và anh trở nên vững lòng hơn. Về sau, khi ông lớn kia đến đặt đóng hia, anh lại cười nữa, và càng trở nên bình tĩnh hơn, và hôm nay, khi người đàn bà kia đem lũ trẻ đến, anh lại cười lần thứ ba, anh đã tươi hẳn mặt lên. Michel, anh nói cho tôi nghe, tại sao có ánh sáng trong người anh phát ra và tại sao anh cười nụ ba lần?

Michel đáp:

— Chúa đã phạt tôi vì tội không vâng lời. Xưa kia, tôi là một thiên thần ở trên trời, Thượng Đế cho tôi xuống thế gian để đón một linh hồn, linh hồn một người đàn bà.

Tôi xuống trần, tôi thấy một người đàn bà đang nằm, ốm yếu và vừa mới đẻ được hai đứa con gái. Hai đứa khóc cạnh mẹ chúng nó mà mẹ thì yếu.

không thể cho con bú được.

Khi người mẹ thấy tôi, mặt hiền là Chúa cho gọi mình về; mẹ khóc lóc van lơn;

«Đấng Thiên Thần của Chúa tôi ơi, chồng tôi bị nạn chết cách đây ba hôm rồi, vì bị cây trong rừng đồ dè lên; tôi không có chị em, cô dì hay bà nữa; con côi của tôi chỉ có một mình tôi! Người đừng bắt tôi về nữa! Để cho tôi nuôi con, cho đến khi chúng đi được; trẻ con không cha không mẹ thì sống làm sao.»

Tôi nghe người ta nói, tôi đặt một đứa cho nó bú, và đặt đứa kia vào trong tay người mẹ. Tôi trở về Thiên-Đường, tôi ra mắt Chúa và thưa rằng:

— Tôi không thể bắt hồn người sản phụ được. Người cha đã bị cây đồ dè chết; còn mẹ kia thì để sinh đôi, mẹ có van xin tôi để cho mẹ sống, đừng bắt mẹ đi».

Thượng Đế đáp rằng:

«Người cứ đi, và đem hồn người mẹ ấy về cho ta, rồi một ngày kia người sẽ biết đến ba lẽ nhiệm màu, người sẽ học biết *cái gì có ở trong người ta, cái gì người ta không được hưởng, và cái gì làm sống người ta*. Khi nào người biết được ba lẽ ấy, người sẽ được trở về trời».

Tôi quay lại thế gian, đem hồn người mẹ đáng thương kia đi. Hai đứa bé rời khỏi vú mẹ, xác người mẹ rơi xuống dè phải chân một đứa bé.

Tôi đương bay bổng bên trên làng, để đưa hồn kia về cho Chúa, thì có một cơn lốc cuốn lấy tôi, cánh

tôi, nặng trĩu, rơi xuống ; một mình cái hồn kia bay lên với Chúa, còn tôi ngã soài trên mặt đất gần đường cái.

XI

Simon và Matriona lúc ấy mới hiểu là họ đã cho ai cơm ăn áo mặc, ai đã sống trong nhà này. Họ khóc lóc vì sợ hãi và vì sung sướng. Thiên Thần lại bảo họ rằng ;

— Tôi một mình ở trên đường, thui thủi và trần truồng. Xưa nay tôi có biết đến một trong số các nỗi thống khổ của người ta đâu, tôi chưa hề biết thế nào là rét, là đói. Tôi trở nên một người thương. Tôi đói, tôi rét và tôi không hiểu mình sẽ trở ra sao. Tôi thấy một nhà nguyện thờ Chúa. Tôi muốn vào trong đó ; cửa thì khóa, không thể vào được. Tôi ngồi ở thềm, tìm chỗ tránh gió. Bỗng tôi nghe tiếng chân bước trên đường. Một người tay xách hia dương đi; hắn dương nói một mình. Lần đầu tiên tự khi tôi hóa thành người, tôi trông thấy mặt một người có in hình ảnh của sự chết và tôi sợ cái mặt ấy, tôi quay đi. Tôi nghe thấy hắn tự hỏi :

« Làm sao nuôi vợ con mình được ? Làm sao mà che chở cho khỏi rét mướt ? »

Tôi nghĩ :

« Mình đương sắp chết đói chết rét, thế mà kia kia, người đi đường chỉ nghĩ đến việc may áo lông cừu cho hần, cho vợ con hần và chỉ nghĩ đến sự kiếm bánh; vậy thì hần không thể nuôi mình được. »

Người kia trông thấy tôi, hần cầu may, ra vẻ dữ tợn hơn nữa, và đi thẳng... Tôi thất vọng. Bỗng tôi nghe thấy hần trở lại, tôi nhìn hần và không nhận ra hần nữa; cái chết in trên mặt hần đã biến mất rồi, hần đã trở nên người sống, và tôi thấy hình Thượng Đế trên mặt hần. Hần lại gần tôi, mặc áo cho tôi, giắt tôi đưa về nhà. Về đến nhà, một người đàn bà ra đón, và mẹ nói. Người vợ trông còn ghê gớm hơn người chồng, cái hơi của sự chết tuôn ra lỗ miệng; cái hơi chết của lời nói mẹ làm tôi nghẹt thở; tôi là người đi. Mẹ muốn tống cổ tôi ra ngoài, ra chỗ rét mướt và tôi biết rằng đuổi tôi thì mẹ sẽ chết.

Bỗng chồng mẹ nói với mẹ về Thượng Đế. Người vợ trở nên khác ngay lập tức. Trong lúc mẹ cho chúng tôi ăn và nhìn tôi, tôi cũng ngược mắt lên nhìn mẹ : người đàn bà chết ấy đã trở nên sống rồi, và tôi nhận thấy Thượng Đế trên nét mặt của mẹ. Khi ấy tôi mới nhớ đến lời nói đầu tiên của chúa : *Người sẽ biết cái gì có ở trong con người*. Như thế tôi học biết rằng có một cái gì ở trong người ta : tình yêu. Trong lúc tôi vui mừng biết được một lời nói của chúa vừa mới lộ ra, tôi cười lần thứ nhất. Nhưng tất cả những lời kia không tiết lộ cho tôi biết cùng một lúc ; tôi vẫn chưa hiểu cái gì mà người ta không được hưởng và cái gì làm sống người ta.

Tôi ở nhà ông bà được một năm; có cái người đến đặt đong hia, thứ hia phải bền một năm, không hỏng không rách. Tôi nhìn hăn và thấy cạnh hăn có một người bạn của tôi là thiên thần của sự chết. Không ai trông thấy cả, trừ tôi. Tôi biết anh ta, tôi biết trước khi mặt trời lặn, hồn người cự phú sẽ bị bắt đi, và tôi nghĩ thầm : người kia phải ở trong nhà một năm trước, mà hăn không biết rằng hăn phải chết trước đêm hôm ấy; tôi mới nhớ lại lời thứ hai của chúa : *Người sẽ biết cái gì mà người ta không được hưởng.*

Tôi đã biết cái gì có ở trong người ta, tôi vừa mới biết cái gì người ta không được hưởng. Người ta không được hưởng sự biết về những cái cần dùng cho thân thể mình. Và tôi mỉm cười lần thứ hai. Tôi sung sướng vì đã được trông người bạn thiên thần của tôi, và đã được chúa lộ cho biết lời thứ hai.

Nhưng tôi hãy còn chưa tỏ, chưa hiểu cái gì làm sống người ta. Tôi sống như vậy, mà trông đợi lúc tiết lộ lời của Chúa. Năm thứ sáu, người đàn bà dẫn hai đứa bé sinh đôi lại, tôi nhận ra mặt chúng và tôi được nghe biết cả đầu đuôi. Tôi nghĩ thầm rằng :

— Người mẹ xưa kia có van xin cho con mình ; tôi thì cứ tưởng là đứa trẻ không cha không mẹ ắt là phải chết, thế mà một người đàn bà, một người lạ đã đem chúng nó về nuôi.

Và khi mẹ âu yếm rơi nước mắt ra mà nói đến hai đứa bé con nhà người mà mẹ đã chiều chuộng, đã thương hại, tôi trông thấy hình ảnh Chúa ở mẹ và tôi hiểu cái gì làm sống người ta. Tôi hiểu rằng

Thượng-đế đã lộ cho tôi lời thứ ba. Người đã tha thứ cho tôi rồi ; và tôi mới mỉm cười lần thứ ba.

XII

Và khi ấy thân thể người thiên thần lồ lộ ra, mặc toàn ánh sáng, mắt thịt người trần không thể chịu được chói lòa. Tiếng nói của vị thần như không ở người mà là ở trên trời phát ra vậy. Thiên thần nói rằng :

— Và tôi hiểu rằng người ta không sống vì những sự cần dùng của mình, nhưng sống vì tình yêu. Người mẹ không được biết là cái gì sẽ nuôi sống con mình ; người cự phú không được biết cái gì cần cho mình ; không một ai được biết là chiều hôm nay mình sẽ cần dùng đến đôi hia, nếu mình còn sống, hay là cần dùng đến đôi dép, nếu mình chết.

Tôi hóa thành người, tôi được sống không phải là tại tôi biết chiều những cái cần dùng cho con người của tôi, nhưng bởi vì có một người qua đường và vợ người ta thương tôi và yêu tôi. Hai đứa trẻ mồ côi kia được sống, không phải là tại người ta nghĩ đến chúng, mà là tại một người đàn bà xa lạ, trong lòng chan chứa tình yêu, người ấy thương chúng nó và yêu chúng nó. Tất cả những ai mà sống, đều sống không phải là nhờ ở sự kiếm đầy đủ cho mình, nhưng bởi vì tình yêu có trong lòng mình.

Trước kia tôi có biết là Thượng-đế cho người đời được sống và muốn cho họ phải sống. Bây giờ tôi hiểu điều khác nữa. Tôi hiểu rằng Chúa không muốn cho người ta sống riêng biệt; vì vậy nên Chúa mới không cho ai biết trước cái gì mình cần đến. Chúa muốn cho mỗi người sống vì các kẻ khác. Tôi bây giờ mới hiểu là người ta ai cũng tưởng rằng chỉ sống bằng những nỗi âu lo riêng của mình mình, nhưng thật ra ai cũng chỉ sống bằng tình yêu. Kẻ nào mà sống trong tình yêu, ấy là sống ở trong Thượng-đế, và Thượng-đế sống trong lòng kẻ ấy, bởi vì Thượng-đế tức là tình yêu đó.

Và thiên-thần hát ngợi khen Thượng-đế.

Tiếng hát của thần làm rung chuyển cả lớp nhà gỗ thông ; cái mái nhà mở tung ra, một cột lửa từ dưới đất vọt lên trời. Simon và vợ, và con quỳ rạp xuống đất. Thiên thần mở rộng cánh bay lên trời.

Khi Simon hồi tỉnh, lớp nhà lại hoàn vẻ xưa, người thợ giấy lại ở một mình trong đó với gia đình của y.

HUYỀN-HÀ dịch

CHI CHÀNG H U A J C H A

của FROILAN MIRANDA NIETO

Màn ảnh đã cho ta thấy hình dáng những người chẵn bỏ trong những miền hoang sơ rộng rãi ở Nam-Mỹ. Đó là những người trai trắng da đồng bắp sắt lạnh lẹn và dẻo dai như cái « lò so ». Bài văn dưới đây, một truyện ngắn về miền xứ Pérou, thuộc địa xưa của nước Espagne (Y-pha-nho), lại cho ta thấy một nhân vật cũng táo tợn, cũng can đảm dị kỳ, như là một thiếu phụ. Không phải hạng nữ trung anh kiệt, vừa nhan sắc yếu điệu lại vừa có võ thuật như ta quen thấy trong lối truyện kiếm hiệp Trung-hoa, nhưng là một người đàn bà rừng núi, tâm tính cũng như dáng điệu, cứ chỉ đều đơn, giản một vẻ thô sơ. Một vẻ đẹp rắn ỏi mà ngời bứt của tác giả đã gọi cho ta thấy hiện rõ. Lời văn kỳ thú, đột ngột, long lanh những hình sắc mới lạ, rất thích đáng nhưng rất bất ngờ. Dịch ra quốc văn, nhiều câu hiện một vẻ sống sượng có thể xô đẩy cái thị hiếu bình tĩnh của hạn đọc ra những món quà quen. Nhưng đều đó cũng không cho phép chúng tôi được làm nhột những cánh sắc nhọn trong lời văn và trong cách diễn đạt của tác giả.

Froilan Miranda Nieto, một nhà văn mà bước đầu ở làng báo, ông viết giúp một trong những báo lớn nhất ở Madrid, cho đến giữa năm 1937 là lúc cuộc nội chiến ở Espagne bắt buộc ông bỏ nghề. Về sau tuy xoay chỉ hướng về việc ngoại giao, văn sĩ vẫn đề cho người ta được thưởng thức một biệt tài khỏe mạnh và trai trẻ.

I

Trên những con đường núi lam biếc ánh trắng, đàn bò mộng hùng mãnh dồn về, cuốn lên từng áng mây bụi đường chặm chề và thấp nặng. Tiếng chuông đeo cổ lanh tanh lách tích kêu, chấm những điểm sáng long lanh vào thứ điệu âm tối ồn ào, như đã đổ lẫn theo nguồn, của những tiếng móng bò chạy lộc cộc.

Theo sau đàn vật, cưỡi trên lưng con ngựa cái đặc màu — con này cao lớn, hung băng, mạnh tợn — chị chàng Huajcha lại đang đo tính thêm lần nữa những độ đường dài dặc, khúc khúc, uể oải như những nguồn sông nước đứng lặng lờ, những giải đường quanh co ẩn từ miền núi Andes xuống mạn ven bờ xứ Pérou của lòng tôi âu yếm.

Chiếc áo khoác chần chiền vắt trên vai cường tráng, chiếc mũ to tương đương vành lên như cánh chim ung trên cái còm tóc hoang rợ đen ngòm, súng lục giắt đai lưng, hai ống quần bản xứ nhiều màu sắc sần lên tới đầu gối, để trần hai ống cẳng khô cứng và rám màu đồng ; một đỉnh thúc ngựa gấn gót chân trái và trong tay phải, cái roi quất bằng da ; trong bộ dạng ấy, ở giữa cái xứ mà phụ nữ làm biệt hiệu cho cuộc đời quanh quẩn trong nhà, chị chàng Huajcha là người đàn bà riêng trội sống cái đời đầy đo của bọn chăn bò vùng nhiệt đới.

— *Tooro ! jèi* (1)

(1) « Tô-rô-gié » mau lên, bò !

Trong vùng đêm thôn dã, dăm xuyên xeo cái giọng hét dao găm của chị chàng, tõe rộng ở chỗ áp chuôi sắc nhọn ở đằng mũi, và cắm phập vào trong lòng của sự im lìm.

— *Tooro ! Jèi ! ...*

Và ở sau cái vết tích của tiếng vừa kêu, chị chặn bò phì nhò ra một tiếng buýt vút dài hay hêng ra cái tiếng vút dài nạt nộ của một lần roi quất lên thân thể run sợ của đêm im.

— *Tooro ! Jèi !*

Chuông đeo cổ lạnh tanh một điệu nhạc buồn. Móng chân lộc cộc như đã đồ lăn theo nguồn nước. Trên những đường lối trắng xanh dãi bóng đàn bò mộng lừ lừ dồn về.

II

Chị chàng « Huajcha » — người ta gọi chị thế vì theo thổ ngữ, « huajcha » nghĩa là con vật không có mẹ — chị chàng « huajcha » là một chị đàn bà không ai biết rõ tuổi và rõ căn nguyên. Những mụ giặt thuê trong làng một hôm bắt được chị ta trong đám bụi cây bờ sông, bị vút bỏ cũng như tổ tiên dân Do-Chái ngày trước (1).

Họ đem đứa bé về nuôi, chẳng biết từ đời thuở

(1.) Moïse, trong cựu Ước-Thư, là một con bò hoang được bọn nữ tỳ cứu khỏi chết.

nào. Lúc bọn đàn bà trông thấy thì nó trần truồng nằm trong bụi rậm ; ngang mồm bị bịt giẻ, nhưng không đủ làm cho nó ngạt hơi. Bọn ông già bà cả cho rằng dễ thường ma quỷ mớm hơi thêm sức để cứu sống nó.

Người cháu gái của cụ xứ cho nó bú. Nhưng đến khi tự nó đã bốc bãi mà ăn lấy được thì nó trốn vào miền núi mất rồi lại từ miền núi trở về đây như ta đã thấy vừa rồi : xưa kia cũng như bây giờ, cũng như mãi mãi sau này, chị chàng vẫn sẽ y nguyên như thế. Có kẻ lại kể lể thêm :

— Xem chừng như cha sinh con bé chính là cụ xứ Tata mà cháu gái Tata thì chính là mẹ đẻ...

Vậy mà « chị chàng » cũng có một người chồng. Chồng chị là No Antonio, một mẫu người ngợm bất thành nhân dạng, ẻo lả và bè nhè, phũ tính và hay gây sự, rất ưa ra oai hống hách cũng như mọi người bé bỏng thân hình. Nhân một ngày hội, hắn từ xa đến phô trò múa rối, rồi cứ thế ở lại trong làng. No Antonio cũng nạt nộ được kẻ khác vì những cử chỉ anh hùng rơm : hắn có gan cật cao cái giọng mạnh như tơ lén tới tận vai người ta và nhè ngoạm được người ta ở chỗ thấp hơn ngang bụng ; nhưng không bao giờ hắn dám hé răng trước mặt chị chàng « Huajcha » đã uốn được hắn thành một vật giải trí trong những lúc ngồi đứng và thành cái đích dễ dòn những cơn giận dữ.

Khi nào bị trời ở cộc buộc hò — hình phạt này chị vợ bắt hắn phải chịu luôn vì cái tính hắn quá

bê tha chè rượu. No Antonio lại nghỉ ngơi hằng giờ ở cửa lán (1) ; nằm trên một tấm da cừu, miệng nhai bồm bồm những chiếc lá cô-ca (2) và thông thả ung dung hút thuốc lá hết điếu này sang điếu khác.

Trái lại, chị chàng là sự cần cù, sức vóc hiện thành người đàn bà. Sức lực khỏe hơn cả con ngựa cái đặc màu (vì đùi chị mà thít vào có thể khiến con vật phải phò thở mạnh) gan góc hơn cả con bò một gan góc nhất đàn, (vì trong miền đó không một kẻ dám chạm đến một sợi tóc trong người chị, trận đòn của chị ai cũng phải gờm); tung giầy tròng (3) và bắn súng lục thì thành thạo chẳng kém gì người trai chẵn giỏi nhất; tinh khéo về cách nhận đường lối trong đồng hoang hay trên miền núi, tài tình về cách lường rất đúng sức nặng của một con vật ở một liếc mắt trông qua; thẳng mực trong câu chuyện, chân chỉ trọn vẹn trong các việc phải làm, chị chàng « Huajcha » được mọi người kiêng nể, nhưng cũng gây nên không thiếu gì sự ghen ghét và những tiếng chê bai khích bác rụt rè. Nhưng khen đó cũng như rèm dây, chị chàng không lấy chi làm quan tâm lắm. Bởi vì đã có những độ đường dài để

(1) Khu đất quây kín để giữ vật nuôi: trại ngựa, bò ở Nam-Mỹ.

(2) Coca là thứ cây ở Pérou, lá có chất kích thích như trè và cà-phê, dùng quea thành nghiện.

(3) Thứ giầy thông lọng rất bền và rất dài dùng để bắt lại những vật ở xa.

đếm bước, đã có bò chẵn để bạn và anh chổng để hành hạ, thế là chị chàng đã có đủ các điều có thể mong ước được rồi.

III

Một ngày tốt đẹp kia, chị chàng « Huajcha » đối với con mắt mọi người đề lộ ở thân hình một chỗ, bất thường và rõ nghĩa. Cái cây khô xác là mình mẩy chị chàng thấy nở phồng ra ở giữa chừng. Khuôn mặt « Huajcha » tươi sáng vì một nụ cười êm dịu mà chưa ai từng thấy ở chị ta và trong đôi mắt kia có một sự âu yếm gì nó khiến cho vẻ nhìn thuần hậu.

Bọn đàn bà thảo mai trong làng thấy chị chàng đi qua, cái bụng nhô in bóng lên một phần cõ con ngựa cái, đều seo sėjo bảo nhau nhìn :

— Trông kia kia, thử trông con bé mà xem : dễ thương nó chữa rồi đấy !

Một con mẹ già tai ác sừng sừng lên nói :

— Thế nghĩa là sắp đến lúc đòi dời rồi chứ gì ?

Bọn đàn bà khác cũng nói :

— Hẳn là gặp phải gió mà thụ thai đấy thôi, chứ về phần cái nhà bác Antonio ấy thì... có phải không, bà nhỉ ?

Chàng Nazario, một gã phỉnh phờ thích được tiếng là anh hùng khí khái và có số đào hoa, thường lấy

những khóe mỉm cười tự phụ và úp mở nói cho người ta hiểu ý rằng chính anh chàng đã làm cho chị chàng « Huajcha » thành bà mẹ. Một buổi tối thứ bảy, thêm bạo dạn vì sức rượu, anh chàng Nazario mua ngay một cái chuông nhỏ ở một hàng quán và mượn tay cái gã ngớ ngẩn nhất làng là Guarapo, anh chàng gửi đến lán cho « Huajcha ».

Sau đó một lúc, chị chàng liền vào ngay tận trong quán. Thấy chị ta đến, khói sương của hứng rượu tan hết lền.

— Thế nào, thực mày là bố đứa trẻ đấy chứ, phải, hay không ?

Rồi một cái đá vào giữa bụng Nazario, chị ta khiến anh chàng khoác lác ngã gờ bốn vó lên trời, bất tỉnh nhân sự.

VI

Cưỡi trên lưng con ngựa cái đặc màu và đeo sau lưng đứa con thơ nằm tròn trong tấm chăn khoác, chị chàng « Huajcha » nhong nhong theo đàn bò mộng, trên con đường xanh tái bóng trắng.

— *Toóroo ! Jéi !*

Và nghe tiếng kêu, nghe tiếng suýt, nghe tiếng quất của tay roi — khúc hát du êm đềm cho tai đứa trẻ thơ — sự im lặng rùng mình vì sợ hãi.

Bỗng nhiên, ở một khúyu đường, nấp sau một bóng cây, một miếng súng trường vừa cất lên cái tiếng nói độc địa.

Chị chàng « Huajcha » dừng ngựa, súng lục lăm lăm trong nắm tay, sắp sửa đáp lại. Nhưng tiếng ngựa phi nện móng vội vàng trên mặt đất bảo cho chị chàng biết tên bắn trộm đã trốn chạy mất rồi.

— *Jéi ! Jéi !* Mau lên, con ngựa khốn nạn này !

Con ngựa cái vươn mình như thỏ lẹ, bụng là mặt đất phóng lên.

— Đứng im, Nazario ! Đứng im ngay !

Nhưng Nazario lúc đó không phải là bắn bay biến đi ở trên lưng con ngựa nòi còn sung sức. « Chị chàng » bắn đến phát súng thứ hai thì con ngựa của tên chạy trốn thấy nhẹ bỗng trên lưng. Chị đàn bà nhảy xuống đất và đến gần người sắp chết.

— Đồ khốn nạn ! Mày xấu hơn cả giống chó !

Rồi lấy cái đinh thúc ngựa răng cưa vẫn đeo ở gót giày chân trái, chị chàng cạy nát bộ mặt anh đàn ông.

Rồi như chẳng có chuyện gì qua, chị chàng lại trở về với ngựa của mình, với độ đường dài của mình, với tiếng kêu của mình :

— *Tooroo ! Jéi !*

Trên đường xanh tái bóng trắng đoàn bò mộng hùng mạnh tiến lên, và sau đoàn, chị chàng Huajcha ngồi thẳng trên yên để đưa con thơ khỏi mất giấc.

Hay đâu lúc đưa tay phải lên để quất một lần roi lên lưng một con bò chậm chạp, chị ta thấy ở sau

lòng ấm một thứ nước lạ lùng. Chị ta ngạc nhiên, ở thử xem, và đưa lòng tay lên gần mắt. Bàn tay lên ngòm. Đưa vào miệng nếm xem. Mặn. Thì ra đầm máu.

Bị đạn hầu thôi.

Phải. Mà vết sâu chí mạng. Nhưng trong sắc thịt của đứa con trai kia.

Lần đầu tiên và cũng là lần sau hết, nước mắt nàng rào ra khỏi hàng mi, những-giọt lệ thương duy nhất trong lòng chị đàn bà. Và một nỗi buồn, nỗi buồn duy nhất còn có ở tâm hồn kia, trong thoáng chốc hiện lên nét mặt. Đột nhiên chị Huajcha tưởng như mình tiến lên. Chị ta thấy như mình phóng miệt hẳn lên để đuổi theo vết đàn bò lúc đó đã bắt đầu tan tác. Chị ta nghe thấy tiếng mình róc ;

—Tooroo ! Jéi !

Chị ta thấy chị ta y như xưa, y như hồi chưa làm nẹ : lòng lạnh lùng và thờ ơ — trơ trơ như cây cỏ.

Đến sáng bọn trai chăn ngựa thấy chị ngân nga iữa lối. Chị hóa điên rồi.

THẾ-LỮ dịch

BỆNH VIỆN

của SOMERSET MAUGHAM

Somerset Maugham là một nhà đoản thiên thời nay có tài vào bậc nhất ở nước Anh và ở hoàn cầu. Mỗi đoản thiên, mỗi vở kịch ông vừa soạn xong, các nước tranh nhau mà dịch, mà diễn. Nhiều tác phẩm của ông do bà E. R. Blanchet dịch sang Pháp văn đã được viện Hàn-lâm Pháp ban giải thưởng, như những tập đoản thiên « Nhân ngư quần đảo », « Ái tình kỳ dị » và tập tiểu thuyết « Bức màn sơn ».

Đoản thiên « Bệnh viện » (Bệnh viện chữa ho lao) dịch sau đây tác giả mới viết vào khoảng bốn năm năm nay. Độc giả sẽ nhận thấy lực độ mãnh liệt của truyện và những tính chất lạ lùng của các nhân vật trong truyện. Một xã hội ngộ ngĩnh, khôi hài, cảm động, đem đến một xã hội toàn những người sắp chết và để qua ngày tháng đi qua những giờ dài đằng đẳng, để tiêu khiển chờ chết, họ cố thì ghét, trêu chọc, làm rầy lẫn nhau.

Tất cả những điều đó, Maugham đã lãnh đạm trình bày đến nơi đến chốn.

Trong sáu tuần lễ đầu vào bệnh viện, Arhender nằm liệt giường. Ngoài các ông bác sĩ, sáng, chiều tới thăm, ngoài các cô khán hộ và những chị hầu buồng ra, ông chẳng thấy mặt một người nào khác.

Ông bị bệnh lao phổi, hồi bấy giờ vì ông khó lòng sang Suvisss được, một nhà chuyên môn tại London, mới gửi ông tới phía bắc xứ Scotchland.

Về sau thầy thuốc cho phép ông dậy, và, một buổi chiều, cô khán hộ dắt ông xuống hiên, lấy gối ken quanh mình ông, lấy chăn trùm lên người ông và để ông sưởi nắng dưới vòm trời không gợn mây. Đương giữa mùa đông. Ở phía thấp, chung quanh bệnh viện, cánh đồng què đầy tuyết. Suốt rẻo hiên, bệnh nhân nằm đườn trên ghế dài chuyện gẫu hay đọc sách. Thỉnh thoảng, một người trong bọn rũ xuống ho, sù sụ và lo lắng nhìn khăn mũi. Trước khi đưa Ashenden lên phòng, cô khán hộ vui vẻ, cái vui vẻ nhà nghề, quay sang nói với bệnh nhân bên cạnh.

— Xin giới thiệu ông, ông Ashenden.

Và nói với Ashenden :

— Leod. Ông với ông Camphell là hai ông khách lâu năm nhất của bệnh viện.

Phía bên kia Ashenden là một thiếu nữ tóc hung, mắt xanh sáng ngời ; môi và gò má nàng đã có màu tự nhiên không cần phải tô son thoa hồng, làm cho da nàng đã trắng càng lồ lộ trắng thêm lên. Dù đó là sắc của bệnh lao, nàng vẫn không vì thế mà kém phần tươi tốt mịn màng. Một cái áo khoác bằng lông và một đồng chăn che kín mình nàng ; gương mặt gầy làm nổi hẳn cái mũi lên. Nàng thân mật nhìn Ashenden. Bên lến giữa cái xã hội đặc biệt ấy, Ashenden đợi người ta nói với mình trước.

— Lần này là lần thứ nhất người ta cho phép ông

dậy, phải không? Leod bắt đầu hỏi,

— Lần thứ nhất.

— Phòng ông ở đâu?

Ashenden chỉ rõ nơi phòng:

— Hẹp. Tôi biết hết các phòng của cái xó này. Đã mười bảy năm tôi kéo dài ngày tháng ở đây. Phòng của tôi là phòng tốt nhất. Hừ! như thế là công bình lắm rồi. Campbell đã định phỗng tay trên của tôi, nhưng khi nào tôi chịu. Tôi có quyền. Tôi đến trước hẳn những sáu tháng.

Nằm dài Leod có vẻ to lớn. Má và thái dương lõm xuống, da thì căng thẳng đến nỗi cái xương sọ phác rõ hình ra, và trông bộ mặt hốc hác, cái mũi xương xẩu dài thượt, hai con mắt thao láo.

— Mười bảy năm, một trương đấy, Ashenden bình phẩm thế để nói một câu.

— Thời giờ chạy mau chóng... Tôi thích ở đây. Buổi đầu sau một hai năm cứ đến mùa hè tôi lại đi; về sau tôi chả thiết đi nữa. Đây đã thành nhà tôi. Tôi có một anh và hai em gái, nhưng họ có vợ có chồng, có con cái cả rồi. Thiếu mình họ cũng chả sao. Có phải không ông, khi người ta đã sống như thế này rồi, người ta sẽ thấy ngỡ ngàng, lạc loài trong cái đời bình thường ở ngoài. Bởi vì họ đi theo con đường của họ, mình không liên can gì với họ nữa. Cái đời huyền ảo, hoạt động kia làm mình lợm giọng. Chẳng có cái quái gì cũng âm ỹ lên, đó, đời họ đó. Không, quả thực ở đây thú hơn nhiều. Tôi sẽ chỉ rời nơi này khi nào hai tay buông xuôi, bị người ta khiêng đi.

Ông thầy thuốc chuyên môn có hứa với Ashenden rằng sẽ chữa cho khỏi, nếu bệnh nhân bằng lòng tự săn sóc lấy trong một thời gian khá lâu. Và Ashenden tò mò nhìn Léod :

—Ông làm gì trong khoảng từ sáng đến chiều ?

—Tôi làm gì ư ? Cậu cả ơi, cái bệnh lao nó chiếm hết thời giờ của cậu rồi, còn đâu. Tôi lấy nhiệt độ, rồi tôi cân. Tôi dềnh dàng mặc quần áo. Tôi ăn sáng, tôi đọc báo rồi tôi đi bách bộ... Rồi tôi nằm nghỉ. Tôi xuống dự bữa điểm tâm. Rồi tôi đánh bài. Tôi lại nằm nghỉ nữa rồi tôi ăn cơm chiều. Tôi đánh một hội nữa rồi tôi đi ngủ. Ở đây tôi có một tủ sách khá lắm ; đủ các văn phẩm mới, nhưng tôi chẳng bao giờ rỗi mà đọc được. Tôi nói chuyện, ở đây có nhiều tay ngộ nghĩnh lắm, ông phải biết. Họ đến rồi họ đi. Nhiều khi họ đi vì họ tưởng họ đã khỏi, nhưng chán người trở lại. Cũng có những kẻ tếch giữa bốn tấm ván. Biết bao lần, tôi đã trông thấy họ qua, và trước khi theo họ, tôi còn được trông thấy nhiều lần.

Cô láng giềng của Ashenden bắt đầu nói :

—Làm được cho người ta cười rũ trước một cái quan tài, chả còn ai giỏi bằng ông ấy.

Leod riều :

—Tôi cũng chẳng rõ nữa, nhưng nói câu : « Hừ ! thà hẳn ta còn hơn là mình ! » câu nói ấy hợp nhân đạo lắm chứ.

Chợt ông ta tưởng nên giới thiệu Ashenden với cô láng giềng xinh đẹp.

—À này, cô Bishop, coi bộ cô chưa gặp ông Ashen-

đen lằn nào. Cô người Anh, nhưng không phải là một thiếu nữ tồi tệ.

Ashenden hỏi :

— Thế cô, cô ở đây đã lâu chưa ?

— Mới hai năm thôi. Mùa đông này là mùa đông cuối cùng của tôi. Nếu ông đốc không làm thì vài tháng nữa tôi sẽ khởi hành, lúc đó tôi sẽ không có lý gì còn mất thì giờ vô ích ở lại đây.

Leod nói :

— Tôi cho là ngu xuẩn, ở đâu khỏe mạnh thì cứ ở chứ tôi khuyên nên thế.

Lúc ấy một người chống hèo thông thả tiến đến.

— Kia, đồ đốc !

Cặp mắt xanh của cô Bishop sáng lên. Đồ đốc Templeton, cao lớn, trong chiếc áo khoác cò lông xù, vẻ làm đom đáng hơi quá lộ.

Cô Bishop nói :

— Tôi rất vui lòng thấy ông đã đứng dậy được.

—Ồ ! có hề gì đâu. Tôi bị cảm xoàng. Bây giờ tôi khỏe lắm rồi.

Câu hỏi chưa dứt, cơn ho đã đến. Đồ đốc nặng nề cúi trên hèo. Nhưng vừa ngừng ho, ông ta đã mỉm cười nói liền :

— Cái ho chết dẫm ! Tôi hút thuốc lá nhiều quá. Bác sĩ muốn cấm tôi hút, nhưng tôi thấy khó khăn lắm.

Ông ta mặt xám xạm, mắt sâu hoắm, và ria đen lún phún. Một anh chàng xinh trai, đáng điệu hơi tuồng. Cô Bishop giới thiệu Ashenden. Đồ đốc nói

vài câu thân mật. Rồi rủ cô Bishop đi chơi một vòng. Theo lệnh thầy thuốc, ông ta phải đi bộ tới một góc rừng sau bệnh viện, rồi lại trở về. Leod nhìn hai người đi xa dần :

— Không biết anh chị dự định cái gì thế ? Templeton trước khi ốm đã nổi danh một anh chàng đuổi gái đấy.

Ashenden bình phẩm :

— Ông ấy hình như nay đã dịu tính.

— Biết đâu đấy ? Ở đây tôi đã thấy có nhiều nhân vật ngộ lắm cơ. Kể cho ông nghe chớ sao hết chuyện được.

— Mỗi cái ông cũng muốn kể chết đi. Vậy xin ông kể đi !

Leod riên cọt :

— Đây này, ba bốn năm trước, ở đây có một người đàn bà, thực là một hỏa diệm sơn ! Chồng bà ta cứ cách một chủ nhật lại đến thăm một lần, ông ta mê vợ phát điên lên được, ông ta đi máy bay từ London, nhưng bác sĩ biết chắc rằng bà ta còn một người nào trong bệnh viện nữa. Nhưng người nào ? Một đêm, khi ai nấy đã ngủ yên, bác sĩ giải một lượt sơn ở cửa buồng người đàn bà, và hôm sau cho đi khám hết các dễ gãy. Ông đã thấy chưa ? Cái lão có gãy dính sơn bị mời ra khỏi cửa ngay. Tôi, tôi phục ông bác sĩ lắm. Ông ấy phải giữ thanh danh cho bệnh viện của ông ấy chứ.

— Templeton ở đây từ bao giờ thế ?

— Ba, bốn tháng. Chẳng mấy lúc là ông ta rời cái

giường ra. Đi dứt rồi. Cô Evie Bishop thực ngốc quá, đâm mê anh chàng được ! May ra thì cô ta khỏi. Tôi đã nhận xét nhiều nên nay tôi tỉnh lắm. Khi tôi nhìn một người, tôi thấy ngay rằng hắn sẽ thoát hay hắn sẽ bưng, và, nếu hắn bưng thì tôi có thể nói cho ông biết hắn còn dai dẳng được bao lâu. Ít khi tôi lầm. Tôi cho Templeton khoảng hai năm nữa.

Ông ta ngắm nghĩa Ashenden, và Ashenden không khỏi bối rối. Mắt Leod ném tia sáng.

— Ông sẽ khỏi. Nếu tôi không chắc tí nào thì không bao giờ tôi nói. Tôi chả đại gì để ông bác sĩ tổng cổ ra ngoài bệnh viện, lấy cớ rằng tôi đã làm cho bọn ốm đau ngu xuẩn của ông ta cuống cuồng lên.

Cô khán hộ đến tìm Ashenden để đưa lên phòng ngủ. Sau một giờ ngồi ngoài gió ông thấy trong mình mệt mỏi. Lại được nằm trong chăn, ông khoan khoái dễ chịu. Về chiều, bác sĩ đến thăm, nhìn tờ giấy ghi nhiệt độ và nói :

— Được lắm rồi !

Bé nhỏ, thân mật, vui tính, bác sĩ là một thầy thuốc khá giỏi, một nhà buôn giỏi hơn và một người câu cá càng giỏi nữa. Lúc hừng đi, ông vớt cả bệnh nhân lại cho bọn giúp việc ; họ cũng phản kháng qua loa, nhưng được đôi bữa món cá quả mà ông câu được thì họ không lấy gì làm tức giận lắm. Ông nói dễ dàng. Ngồi lên thành giường Ashenden, ông hỏi bệnh nhân, đặc giọng người xứ Scotland xem

trưa nay có chuyện trò với bốn người ốm khộng: Ashenden nói cô khán hộ có giới thiệu mình với Leod.

Bác sĩ cắt tiếng cười :

— Ông khách hàng lâu năm nhất còn sống của tôi đây. Về bệnh viện và những nhân vật ở đây, ông ta thông thạo tỏ tường hơn cả tôi. Tôi thường tự hỏi không biết ông ta khoảng những tin tức ấy ở đâu. Thực là một tờ báo. Ở đây không có một gái già nào lắm nhời, lắm điều bằng. Ông ta đã nói chuyện ông Campbell với ông chưa ?

— Ông ta có đọc đến tên.

— Vẫn ghét nhau đấy chứ ? Hè ! hai lão thực là ngộ nghĩnh ! Họ ở đây đã mười bảy năm, và cả hai, gồm lại không có được lấy một lá phổi lành mạnh. Mà họ không thể nhìn mặt nhau được. Tôi đã từ chối không nghe những lời họ kiện cáo nhau. Phòng Campbell ở ngay trên phòng Leod và ông ta chơi vi-ô-lông. Đó là cái cơ làm cho Leod cáu bẳn. Ông này nói nghe đi nghe lại mãi cái bài « cò cử » đã mười lăm năm nay rồi, nhưng theo lời ông kia thì ông này mù tịt âm nhạc chẳng hề phân biệt nổi điệu nào với điệu nào. Leod đòi tôi bắt Campbell thôi không được kéo nữa, nhưng người ta có quyền đàn địch vào những giờ không cấm chứ ! Tôi đã xin ông Leod đổi phòng, nhưng không ăn thua. Cứ tin ông ta thì Campbell chơi âm nhạc chỉ cốt để ông ta chán ghét cái phòng của ông ta, cái phòng tốt nhất ở bệnh viện, và « tiên sinh » không sẵn sàng để ai bịp mình. Kề

cũng ngộ thực, chừng ấy tuổi đầu rồi mà còn đi tìm hết các cách để đầu độc lẫn đời nhau. Họ ăn cùng bàn, cùng nhau đánh bài, và không một ngày nào là không cãi nhau. Thỉnh thoảng tôi lại dọa mời cả hai ngai ra khỏi bệnh viện, khiến hai ngai lại phải dẫu dụa. Họ chẳng ưng đi một tí nào. Họ ở đây lâu quá rồi. Chả còn ai săn sóc tới họ nữa và họ cũng khó lòng có thể xoay xở kiếm ăn được. Cách đây năm năm Campbell đã muốn nghỉ hai tháng. Chỉ tám hôm sau ông ta đã mò về. Ở ngoài, ông ta đến vỡ óc vì huyền não và người đi người lại tấp nập làm ông ta kinh hoảng.

Khi đã lành mạnh hơn và được sống trộn với bọn bệnh nhân, Ashenden thấy mình ở trong một xã hội rất ngộ nghĩnh. Một buổi sáng, bác sĩ cho phép ông từ nay dùng bữa trưa ở phòng ăn, một phòng lớn, thấp, cửa rộng, lúc nào cũng mở, và qua đó, những ngày sáng sủa, ánh mặt trời ủa vào như thác chảy. Phải một ít lâu, ông mới hết ngỡ ngàng trong đám đông ấy. Già trẻ, đủ các tuổi. Có người như Leod và Campbell đã ở bệnh viện hết năm ấy sang năm khác và định chết ở đây; có người mới đến chỉ độ vài tháng. Một quả nữ, cô Atkin, cứ mùa đông lại đến, còn mùa hè thì ở nhà các bà con. Bệnh cô đã gần bình phục hẳn, và cô có thể ở đâu cũng được, nhưng cô chỉ thích ở bệnh viện thôi. Vì là khách lâu năm, cô đã chiếm một địa vị mà hầu hết phải công nhận; cô là viên thư ký hàm của thư viện và mảy mảy tao tao với cô chánh khán hộ. Cô chỉ thích được chuyện

trò huyền thiên, nhưng chuyện gì cô cũng thuật lại. Ông bác sĩ cần biết bệnh nhân có bằng lòng không, có theo đúng những lời dặn bảo của ông không. Ít có việc gì thoát được con mắt sắc của cô Atkin, và cô đem trình cho cô chánh khán hộ và bác sĩ biết. Vì thâm niên, cô được ăn cùng bàn với Leod và Camphell và một ông nguyên soái già nhờ về chức trọng tước cao được người ta đặt ngồi đấy. Bàn ấy cũng không có gì đặc sắc hơn các bàn khác, nhưng vì dành riêng cho những bệnh nhân lâu năm nhất, nó ngấm nhiên thành cái bàn quý nhất. Nhiều bà có tuổi đã cau kinh bực tức về nỗi không được người ta nể nang bằng cô Atkin dù cô này mỗi năm vắng mặt đến bốn năm tháng mùa hạ. Sau Leod và Camphell đến một ông quan già xứ Ấn-độ. Ông đã cai trị cả một tỉnh, và ông hẳn học mong cho Leod hay Camphell chóng chết đi để được lên kế chân họ ở bàn nhất. Ashenden làm quen với Camphell. Một cái ống dài trên đỉnh có cái sọ hói. Người ta thường tự hỏi không biết tại sao chân tay lại không rời khỏi tấm thân mảnh khảnh của ông ta. Dán đeo, dùm đó trong chiếc ghế bành, ông giống như một con múa rối. Ông cầu cạy và đa nghi. Câu nói thứ nhất của ông là :

— Ông có thích âm nhạc không ?

— Có.

— Ở đây, chẳng có ai hiểu mô tê gì hết. Tôi chơi vi-ô-lông. Nhưng mà vì ông sành âm nhạc thì xin mời ông đến chơi tôi, rồi tôi kéo cho một mình ông nghe.

Leod nghe thấy liền nói ;

— Ông chớ tin mà khốn. Ghê lắm lắm kia !

Cô Atkin vội kêu ;

— Ông khả ô quá ! Ông Campbell kéo hay lắm đấy chứ.

— Ở cái xó chết rấp này không có lấy một người phân biệt nổi tiếng « si » với tiếng « fa ».

Campbell nói thế. Leod mỉm cười chế nhạo lảng xa. Cô Atkin cố thu xếp cho êm câu chuyện :

— Ông đừng lưu ý tới những lời ông ta nói.

— Không nguy hiểm gì mà. Nhưng rồi tôi sẽ cho hắn biết tay tôi.

Ông ta kéo đọc một bài suốt cả buổi trưa. Leod đập rầm rầm xuống sàn, và cho chị hầu buồng lên bảo Campbell rằng ông đương nhức đầu xin để ông được yên. Campbell trả lời rằng mình rất có quyền tấu nhạc. Ông Leod không thích, mặc kệ ! Vừa gặp mặt nhau là họ trao đổi liền những câu chua chát.

Ashenden ăn cùng bàn với cô Bishop, Templeton và Henry Chester, một nhà đại lý thương mại ở London. Ông này thân hình bé nhỏ, thấp béo, nở nang, chẳng có tí gì là có vẻ lao cả, Bỗng dưng ông bị bệnh. Đó là một người bình thường, khoảng từ ba mươi đến bốn mươi tuổi, có vợ và hai con. Ông ta ở một nơi đông đúc vùng ngoại thành. Mỗi buổi sáng vào trong thành và đọc số báo buổi sáng ; buổi chiều trở về và đọc số báo buổi chiều. Ngoài công việc và gia đình ra, ông ta không còn thiết đến cái gì nữa. Ông ta kiếm đủ tiền để sống rộng rãi và mỗi năm để ra

được một món khá khá. Chiều thứ bảy và chủ nhật nào ông ta cũng chơi golf. Ba tuần phép bao giờ ông ta cũng xin về tháng tám, và bao giờ cũng đến nghỉ mát ở nguyên một bãi biển về phía đông. Ông ta định khi các con thành gia thất rồi, sẽ giao công việc cho con trai và sẽ cùng vợ về nơi thôn quê hẻo lánh, bình yên sống nốt những ngày tuổi tác. Ông ta chẳng còn ao ước thêm một cái gì, ao ước như hàng nghìn hàng vạn người đồng loại của ông ta. Ông ta tiêu biểu cho giai cấp trưởng giả trung lưu. Thế rồi, cái bệnh ấy xảy đến. Đánh golf xong, ông ta bị cảm, ho, sổ mũi qua loa. Khỏe mạnh, rắn chắc như sắt như đá, xưa nay ông ta vẫn khinh thường thầy thuốc : nhưng nể lời vợ khẩn khoản, ông ta cũng bằng lòng đi khám bệnh. Thực một tiếng sét ! hai lá phổi của ông cùng bị rồi ! Chỉ có một cách cứu thoát là đi ngay lập tức đến một bệnh viện chuyên chữa lao. Ông thầy thuốc chuyên môn nói nghỉ hai năm dưỡng bệnh thì hi vọng lại có thể đi làm được. Nhưng hai năm đã qua, mà cứ theo bác sĩ Lennox thì ít ra còn phải một năm nữa. Bác sĩ cho ông ta xem vi trùng lao ở trong nước bọt và một bức ảnh chụp hai lá phổi của ông ta. Chester đăm nản. Số phận rõ chơi khăm quá ! Nào phải ông ta rượu chè, trai gái, thức đêm, thức hôm cho cam ! Sống như ông ta sống... Thực là một sự bất công ghê gớm quá quắt ! Tự mình không có một kế hoạch, lại không hứng đọc sách báo, ông ta còn nghĩ đến gì, nếu không luôn luôn nghĩ đến sức khỏe của mình. Cái đó trở nên một sức mạnh ám ảnh.

Người ta đã phải thu lại ống hàn thử biểu, không để cho ông ta giữ nữa ; mỗi ngày ông ta tự lấy nhiệt độ có tới mười hai lần. Ông ta yên trí rằng các thầy thuốc đều bỏ mặc ông ta. Để hy vọng bắt họ lưu ý đến mình, ông ta dùng đủ các cách làm cho nhiệt độ lên cao. Khi sự man trá bị bại lộ thì ông ta hờn dỗi. Nhưng ông ta bản tính vui vẻ và có lần ông ta không hờn dỗi nổi. Rồi ông ta thốt nhớ đến bệnh : trong mắt ông ta ai cũng có thể trông thấy rõ rệt hiện ra sự sợ chết.

Cứ cuối tháng, vợ ông ta lại đến một hai ngày, trọ ở một ký-túc-xá sát bệnh viện. Ông ta yêu vợ lắm. Gần ngày vợ đến thăm, ông ta vui sướng cuống cuống. Thế mà những ngày ấy lại làm cho ông ta đau đớn phiền não. Bác sĩ không ưng để người nhà vào thăm, cho rằng như thế chỉ thêm rối loạn lòng người ốm. Bà Chester, một người đàn bà nhỏ nhắn, vui vẻ, trạc tuổi chồng. Bà không đẹp, nhưng có duyên. Cũng tâm thường như chồng bà, sinh ra để làm người vợ tốt, người vợ hiền, bà chủ nhà chuyên tâm chú ý đến mọi việc, một tâm hồn giản dị chỉ biết có bổn phận. Đời xam ngắt của bà, bà không bao giờ thấy buồn tẻ. Thị hiếu độc nhất của cái đời bằng phẳng ấy là xem chiếu bóng, và những buổi bán hạ giá ở các cửa hàng lớn là những ngày quan trọng đáng ghi nhớ. Bà ta sống hoàn toàn mãn nguyện. Ashenden thấy bà dễ thương lắng tai chuyên chú nghe bà nói chuyện đến các con, đến nhà nghỉ mát của ba, đến những người láng giềng, đến những trách nhiệm thiện lậ của bà. Một

hôm Ashenden gặp bà ta ở đường. Vì chữa thuốc, Chester phải ở lại bệnh viện và bà ta đi tản bộ một mình. Ashenden xin cùng đi. Hai người nói những chuyện không đầu. Rồi bà Chester hỏi xem Ashenden thấy bệnh trạng chồng mình ra sao.

— Tôi coi ông nhà đã khá lắm.

— Tôi buồn quá.

— Bao giờ cũng lâu. Phải kiên nhẫn mới được.

Hai người đi vài bước, Ashenden thấy bà kia khóc liền nói dịu dàng :

— Bà cũng chẳng nên lo lắng về bệnh ông.

— Ông không biết cái khổ tâm của tôi mỗi khi tôi đến đây. Nói ra thì không phải mà im đi thì bức rộc trong người. Tôi có thể thổ lộ tâm can với ông được chứ ?

— Cái đó đã cố nhiên.

— Tôi yêu nhà tôi. Phải làm bất cứ việc gì cho nhà tôi, tôi cũng không từ nan. Chúng tôi chẳng cãi cò nhau bao giờ, bao giờ cũng đồng ý với nhau. Thế mà nay nhà tôi đã bắt đầu ghét tôi, thực tôi buồn phiền chán nản quá.

— Có thể nào thế được ! Khi bà không có đây, ông ấy nói đến bà liên liên, mà nói những lời không thể âu yếm hơn được.

— Vâng, lúc vắng tôi thì thế đấy. Chứ khi tôi đến thăm nhà tôi và khi nhà tôi thấy tôi khỏe khoắn, sức lực thì nhà tôi mới tức tối. Ông có thấy không, nhà tôi không đành chịu ốm mà nhìn tôi một mình lảnh đạm. Nhà tôi sợ chết và ghét tôi, bởi vì tôi sống lại

sau. Lúc nào tôi cũng phải giữ gìn từng ly từng tý. Tôi động nói đến con, đến tương lai là nhà tôi phát cáu, và trả lời những câu đau đớn. Thay đổi một chút ở trong nhà, mượn một đĩa đầy tớ mới chẳng hạn, thế là nhà tôi lại làm ầm lên. Nhà tôi phản nản rằng có nhà tôi cũng như không. Trước kia chúng tôi thực là ý hợp tâm đầu, nay thì bức tường ấy ngăn chúng tôi ra... Tôi cũng chẳng giận gì nhà tôi, chỉ tại nhà tôi ốm; chả có một người đàn ông nào tốt hơn và khi bình thường chả còn ai tinh nết dễ dãi hơn; thế mà mỗi khi đến đây, tôi lo sợ, và mỗi khi tôi trở về nhà, lòng tôi khoan khoái. Nếu tôi mắc bệnh lao, thì chắc nhà tôi sẽ phiền não đấy, nhưng, nếu tôi ốm thực, nhà tôi lại sẽ tự an ủi được đôi chút. Nhà tôi sẽ tha thứ tôi, tha thứ cho số phận, nếu nhà tôi yên trí rằng rồi tôi cũng chết. Có lần nhà tôi đẩy vò tôi, nói đến những hành vi của tôi sau khi nhà tôi từ trần, và lúc tôi oà lên khóc, lúc tôi lay van xin nhà tôi im đi thì nhà tôi bảo tôi có thể cho phép nhà tôi cười một chút vì nhà tôi sắp xuống lỗ rồi trong khi tôi, tôi còn sống năm ấy sang năm khác để vui thú với đời. Ai có ngờ một ái tình đắm thắm như thế mà kết cục khốn nạn như thế.

Bà Chester ngồi xuống một tảng đá bên đường và nức nở khóc. Ashenden nhìn bà, thương hại, nhưng không tìm được lời an ủi. Ông cũng không lấy làm ngạc nhiên lắm. Mãi sau bà Chester mới nói :

— Ông cho tôi xin một điều thuốc lá. Nếu mất tôi đỏ quá thì Henry lại tưởng người ta đã báo cho tôi

biết những tin chẳng lành. Cái chết ghê gớm đến thế ư? Chúng ta ai cũng sợ hãi nó đến thế ư?

— Tôi không rõ.

— Khi mẹ tôi qua đời, mẹ tôi chẳng kinh hãi gì cả. Cụ biết cụ chết. Cụ lại nói đùa nữa. Nhưng tại cụ già. Bà Chester trấn tĩnh lại và hai người lại đi. Một lúc, họ yên lặng tiến bước. Bà Chester nói:

— Nhưng ít ra cũng xin ông đừng tưởng lầm về Henry nhé.

— Chả khi nào!

— Nhà tôi là một người chồng tốt, là một người cha tốt. Trước khi ốm, không bao giờ, tôi nhắc thế, không bao giờ một ý nghĩ xằng bậy, ich kỷ lại thoáng qua đầu óc nhà tôi.

Câu chuyện làm Ashenden nghĩ ngợi. Người ta vẫn cho rằng ông khinh bỉ loài người. Sự thực có khi ông không xét đoán bọn đồng loại theo một tỷ lệ thông thường. Có cái làm người khác tức giận, mà ông chỉ mỉm cười hay ứa một giọt nước mắt; hay hơi nhún vai một tý,

Kề thì những tư tưởng cay đắng ở người hiền lành và lành thường kia cũng là một sự lạ đấy, nhưng, ai biết được con người ta khi xuống, xuống đến đâu, khi lên, lên đến bậc nào. Như Chester, thì khổ về nổi trí lực kém bề cao rộng. Sinh ra và lớn lên để sống một đời bình thường. Ông ta không thể chống lại với sự bất trắc được. Ông ta giống như một viên gạch khuôn ra để, cùng với một triệu viên gạch khác, dùng vào việc xây một tòa nhà đồ sộ, nhưng, vì một chỗ

hông, đã trở nên vô dụng. Và viên gạch cũng thế, nếu nó biết nghĩ hẳn nó sẽ phản nản : Vì có gì ta không đáng được làm trọn cái chức trách nhỏ mọn của ta mà lại phải nát vỡ, xa bạn bè trên một đồng ngói gạch vụn vứt đi ? Chester không thể đem những tư tưởng cao thượng ra tự an ủi được, cái đó không phải là lỗi ở Chester.

Người ta phải đau ai cũng có thể du lòng đau khổ của mình bằng nghệ thuật hay những trầm tư mặc tưởng ! Thời nay, những tâm hồn bình dị đã mất hy vọng và tín tưởng — mất mà không tìm thấy cái gì để thay vào — hi vọng ở trời và tín tưởng sống một đời khác, để hưởng bù lại những hạnh phúc mà họ đã không được đụng chạm tới trên trái đất.

Bảo rằng thống khổ làm người ta trở nên cao thượng, là không đúng. Thường thường, thống khổ nhỏ nhen, cấu kình, ích kỷ. Nhưng ở bệnh viện này không ai đau đớn lắm. Khi bệnh lao quá nặng, người ta chỉ hơi sốt, và người ta hăng hái lên chứ không yếu sức đi. Bệnh nhân thấy mình nhanh nhẹn hơn và vì hy vọng lời chữa, họ vui vẻ dự định tương lai ; nhưng cái ý chết vẫn ám ảnh tiềm giác họ, cái điệp ý quan trọng ấy chạy dài trong vở ca kịch nhẹ nhàng. Từng đoạn những khúc êm đềm, ngọt ngào, những điệu khiêu vũ trở nên bi đát và quất mạnh vào thần kinh người ta ; những quyền lợi vật chất những ganh tỵ, lo phiền nhỏ nhen không đáng kể nữa ; lòng trắc ẩn và sự khùng bố vụt làm cho tim ngừng đập và sự khiếp sợ cái chết liệng, như làn

yên lặng liệng trên rừng sâu trước khi có cơn giông tố. Được ít lâu tới bệnh viện một chàng trai trẻ hai mươi tuổi một thiếu úy trên tiềm thủy đỉnh, một thiếu niên cao lớn và đẹp dễ, tóc đen nâu rủ thành món, da mịn như chưa hề có nhát dao cạo chạm tới. Người ấy mắc bệnh lao tủy mã—như người ta thường nói trong các tiểu thuyết—và ngặt ngoải sắp chết.

Hai ba lần Ashenden gặp người ấy nằm dài phơi nắng trên sân thượng và ngồi bên nói chuyện. Đó là một tay chơi bởi vui tính, mê thích những tiền ca kịch và những đào chiếu bóng, động mở tờ báo ra là đọc ngay tin tức các cuộc đấu túc cầu và đấu quyền Anh. Thế rồi anh chàng nằm liệt giường và Ashenden không gặp đâu nữa. Người ta báo tin cho cha mẹ bệnh nhân đến. Hai tháng sau, người ấy chết. Chết không một tiếng than. Cũng như con vật. Người ấy đã biết rằng mình chết.

Trong một hai hôm, cả bệnh viện ngây ngất, khó chịu, y như ở ngục thất khi một tội nhân vừa bị xử giảo. Rồi, ngấm biều đồng tình với nhau, đề vâng theo cái bản năng tự bảo thủ, người ta không nghĩ đến cái chết kia nữa : sự sống lại lặng lẽ theo giòng, sự sống với ba bữa ăn một ngày, với cuộc chơi golf thu nhỏ, với những cuộc bách bộ vào những lúc nhất định, những giờ nghỉ theo lệnh bác sĩ, những lời cãi cọ, những sự ghen ghét, những chuyện đàn bà, những sự tức khí vì phạm vào lòng tự cao tự đại của nhau. Campbell vẫn kéo những bài thích nhất là những bài làm cho Leod tức lộn tiết.

Leod vẫn khoe khoang rằng mình đánh bridge cao, và vẫn thốt ra những lời bình phẩm chắc chắn về sức khỏe và niềm hạnh của từng người. Cái lưỡi rắn của cô Atkin vẫn tiết chất độc. Chester vẫn phàn nàn về tính liều lĩnh của các thầy thuốc, vẫn oán trách Trời về nỗi bất công đối với mình là người đã sống một đời mô phạm. Ashenden vẫn đọc sách, đọc báo và vẫn quan sát bằng con mắt khoan thứ và vui thích những cái đầu không có óc của bọn đồng loại.

Ashenden chơi thân với đô đốc Templeton. Templeton tuổi chưa quá tứ tuần. Trước kia ông ta làm quan trong đội tạc binh đoàn thị vệ nhưng đã xin từ chức sau khi chiến tranh kết liễu. Ông ta phải giàu lắm, vì tự đó, ông ta chỉ chơi bởi khoái lạc. Tùy từng mùa, ông ta cưỡi ngựa, bắn, săn, Rồi đến Monte Carlo. (1) Ông ta khoe với Ashenden những số tiền lớn được và thua trong bàn bài bạc. Ông ta rất yêu đàn bà và cứ tin lời ông ta, thì ông ta vừa lòng họ lắm. Ông ta biết thạo các thức ăn ngon, các thứ rượu tốt. Ở London ông ta gọi đúng từng tên những viên thiện-thất-trưởng ở các khách sạn lớn. Ông ta là hội viên của sáu bảy câu-lạc-bộ. Trong bao năm, ông ta đã sống một đời vị kỷ và vô ích, một đời mà sau này không ai sẽ nhớ đến nữa. Nhưng ông ta đã sống thẳng thắn và đường hoàng. Một hôm, Ashenden hỏi ông ta nếu có thể sống lại cuộc đời thì ông ta sẽ làm gì. Ông ta trả lời : « Y như hết trước. » Ông ta tính vui vẻ, hay điệu cợt và rất lanh

(1) Một tỉnh có sông bạc to vào bạc nhất.

trí lại thêm có khoa xử thế nhã nhặn và cách giao thiệp thân mật tự nhiên. Bao giờ ông ta cũng tìm ra được một lời nịnh khéo để nói với các cô gái già hom lém ở bệnh viện và một câu khôi hài để đùa các ông « bô » hay câu. Rất có tài nói chuyện, ông ta lướt qua bề ngoài các sự vật — trí thức ông ta ngừng lại ở chỗ đó — giọng quả quyết và phù phiếm. Ông ta khéo xoay giữa đám đông phù hoa và quá giàu như khéo chen trong phố Mayfair đông đảo. Mà lúc nào cũng sẵn sàng nhận cuộc, sẵn sàng giúp một người bạn và cho một anh hay giựt tạt một tờ giấy bạc lớn. Không bao giờ ông ta làm nhiều điều thiện thì cũng không bao giờ ông ta làm nhiều điều ác. Không có giá trị đạo đức, nhưng cứ như thế ông ta cũng còn là một người bạn tốt bằng vạn kẻ tính cách trác luyện hơn, cao quý hơn. Bây giờ ông ta bị bệnh. Ông ta sắp chết và ông ta biết thế. Đối với cái chết ông ta cũng nhẹ dạ như đối với hết thảy mọi sự ở đời. Ông ta đã chơi bời bạt mạng rồi, ông ta không tiếc gì nữa. Đen đủi mắc phải bệnh lao ! Nhưng người ta không thể sống đời, và nghĩ cho cùng thì ông ta đã có thể bị giết tại trận tiền hay gặp nạn ngã gãy cổ rồi. Nguyên tắc của ông ta bao giờ cũng là : thua cuộc thì trả ngay và đừng nghĩ đến nữa. Ông ta đã sống một đời đầy đủ và bây giờ ông ta sẵn sàng chấm dứt hết. Hội hè vui lắm nhưng hội hè nào cũng có hạn, và ngày hôm sau về sớm hay đi trưa thì phỏng có cần gì.

Trong đám bệnh nhân, ông ta chắc chắn là người

kém đạo đức nhất, nhưng ông ta cũng là người độc nhất biết bình tĩnh nhận lấy cái mà mình không sao tránh nổi. Ông ta diễn cợt cái chết: có thể cho rằng ông ta nhẹ dạ một cách quá xược hay lãnh đạm một cách quá can đảm.

Điều kỳ vọng cuối cùng của ông ta, khi đến bệnh viện, là được gặp ở đó, lần đầu tiên trong đời, một ái tình lớn lao. Xưa kia ông ta chỉ bỏ tiền ra mua lấy ân sủng của các cô vũ nữ bé nhỏ, hay chỉ được hưởng ái tình ngắn ngủi của những bà không lấy gì làm dữ dội. Ông ta vẫn tránh những cuộc gần bó keo sơn nguy hiểm đến tự do của mình. Nguyên tắc độc nhất của ông ta là ở đời mình phải chơi sao cho thỏa mãn cùng cực. Còn đối với đàn bà thì thay đổi luôn có phải chỉ toàn lợi mà chẳng hại một tí gì cho mình không? Nhưng bọn họ được ông yêu. Cả với những bà cao tuổi nhất, ông ta cũng nói chuyện âu yếm, mắt thương yêu và giọng vuốt ve. Ông ta luôn luôn gắng sức làm cho họ mến thích mình, thiết tha lưu ý đến họ khiến họ sung sướng và tưởng lầm rằng có thể tin cậy ở ông được. Một hôm ông ta thổ lộ tâm can trong một câu nói. Ông ta bảo Ashenden:

— Ông có thấy không, một người đàn ông nếu chịu mất công thì muốn người đàn bà nào cũng được, có khó khăn gì đâu; nhưng chỉ người thực say mê họ mới bỏ được họ mà không làm cho họ tủi thân.

Vì thói quen ông ta bắt đầu làm thân với cô Evie. Cô này trẻ nhất và xinh nhất bệnh viện, lại cùng ông ta cùng ở một giai cấp xã hội. Ở đây chẳng có một

nhân vật nào đáng chú ý, song có những con nhà sang trọng hơn kém nhau, đi từ hạng trung bình khá khá đến hạng chầy xém áp chảo vào vòng nhì; mà giai cấp nọ không lẫn với giai cấp kia bao giờ. Evie gần ba mươi — Ashenden không ngờ nàng đã bấy nhiêu tuổi—nhưng vì tám năm nay, nàng cứ từ bệnh viện này sang bệnh viện khác, ở Swiss, ở England, ở Scotland, nên đời cây trồng trong vườn kính giữ mãi cho nàng cái tươi mát trẻ trung. Tất cả kinh nghiệm về đời, nàng đã nhận được ở các nơi đó. Nàng đã có thể theo dõi biết bao chuyện tình. Bởi thế cho nên nàng vừa ngây thơ thành thật lại vừa sáng suốt thấu đáo nhân tâm. Nhiều người, quốc tịch khác nhau, đã đến chuyện trò thân mật với nàng. Nàng vui vẻ ân cần tiếp chuyện, nhưng óc không cuồng loạn bao giờ, rõ ra một người đàn bà trí thức. Nhưng người nào đi xa quá, tức thì bị nàng cự tuyệt. Tính cương cường ấy ở một người nhẹ dạ như nàng kể cũng lạ. Lúc nguy nan, nàng có ngay những lời sáng suốt, lạnh lùng, quyết liệt. Làm duyên, làm dáng với Templeton, thì đã sợ gì? Nàng thông thạo qui tắc của kịch đời lắm rồi. Nếu nàng tỏ vẻ âu yếm với anh chàng thì cái tính đùa bỡn và điều cốt của nàng sẽ bảo ngay cho anh chàng biết rằng nàng đã có ý kiến gì về anh chàng, và nàng không hề cho câu chuyện tình kia là trang nghiêm đâu. Cũng như Ashenden, Templeton đi ngủ từ sáu giờ và chỉ gặp Evie vào khoảng ban ngày. Trừ lúc đi chơi mát, ít khi hai người được ngồi một mình với nhau. Trong bữa ăn

trưa, câu chuyện có tính cách phổ thông, nhưng không phải vì Ashenden và Chester mà Templeton mất công tìm tòi nặn nọt để nói. Trong cuộc làm duyên làm dáng, tình tình trở nên thành thực. Mắt đỏ đốc dăm dăm nhìn Evie, âu yếm. Nàng có thấy không, và có lưu tâm đến không? Nếu Templeton liều một câu quá thân mật, nàng liền đáp lại một lời mỉa mai. Nhưng Templeton cười ròn rã và buồn rầu. Ông ta không thể chỉ đóng vai Céladon (1) được nữa. Ashenden càng biết Evie, càng thấy nàng dễ thương. Nước da sáng ấy, khuôn mặt ấy, cặp mắt có vẻ to và xanh ấy Ashenden ngắm nghía cảm động. Giống nhiều người ở bệnh viện, nàng hình như cũng trở trọi một thân. Mẹ nàng sống một đời phù hoa. Hai chị nàng đã lấy chồng và sau tám năm xa cách, đôi bên đã trở nên lạnh lẽo với nhau. Họ viết thư cho nàng, thỉnh thoảng đến thăm nàng, nhưng chẳng còn tý gì là tình thân ruột thịt. Evie đành chịu vậy và không lấy thế làm đau phiền. Có lòng tốt, lúc nào nàng cũng sẵn sàng để nghe những lời than thở của mọi người. Nàng cố trấn tĩnh Chester. Một hôm trong bữa ăn trưa, nàng bảo ông ta :

— Thế nào, ông Chester? Cuối tháng rồi. Ngày mai bà nhà ta đến. Ít ra đó cũng là một tin mừng.

— Không, lần này nhà tôi không đến, ông ta nói se sẽ, mắt nhìn xuống đĩa.

(1) Nhân vật trong tiểu thuyết « Astrée » của d'Urfé, một tình nhân trung thành, sâu nảo và nhút nhát.

—Rõ đáng tiếc ! Tại sao thế ? Các cháu vẫn mạnh chứ ?

—Ông bác sĩ cho rằng như thế có lợi cho tôi hơn.
Yên lặng, Evie nhìn đôi mắt bối rối của Chester.
Templeton giọng thân mật :

—Đó là một sự không may cho ông, ông già ạ. Vậy cứ mặc kệ bác sĩ là xong !

—Ông ấy phải biết hơn chúng ta.

Nghe nói, Evie nhìn Chester và lắng sang chuyện khác. Về sau Ashenden hiểu : Evie đã đoán biết sự thực. Hôm sau đi chơi với Chester, ông ta nói :

—Tôi lấy làm phiền cho bà nhà quá. Ông hẳn phải khổ tâm lắm.

—Khổ tâm.

Chester lờm Ashenden. Ông ta muốn nói nhưng không thể quả quyết được. Ông ta nhún vai :

—Nhà tôi không đến là lỗi tại tôi. Tôi bảo Lennox viết thư cho nhà tôi. Khổ sở quá ! Suốt tháng tôi mong mỗi nhà tôi, thế mà lúc nhà tôi đến tôi lại ghét nhà tôi. Ông có thấy không, tôi không thể đành an chịu phận đau ốm. Nhà tôi khỏe trương khỏe rục. Tôi eán tiết khi thấy mặt nhà tôi rầu rầu. Sự thực thì họ cần gì ? Ai người ta thêm lưu ý đến bệnh của chúng mình. Họ giả tảng băn khoăn nhưng họ rất bằng lòng rằng mình ốm chứ không phải họ ốm. Tôi là một thằng khốn nạn, hử ?

Ashenden nhớ lại cảnh tượng bà Chester ngồi khóc bên vệ đường

—Ông không sợ rằng ngăn cấm bà đến như thế này

ông sẽ làm phiền lòng bà ư ?

—Mặc kệ ! Tôi cũng đã khổ tâm rồi, hơi đâu tôi còn nghĩ đến cái khổ tâm của nhà tôi nữa.

Ashenden không biết nói gì và hai người cùng đi, yên lặng. Bỗng Chester giận dữ :

—Ông thì ông dễ đóng vai vị tha, ông sẽ sống. Còn tôi, tôi sắp chết, mà tôi chả húng chết một tý nào. Tại sao lại tôi ? Thực bất công !

Thời giờ qua. Trong bệnh viện không thú tiêu khiển, mọi người tất phải chú ý đến tình yêu của Templeton. Nhưng muốn biết tính tình của cô thiếu nữ thì khó hơn. Đành rằng nàng thích nói chuyện với Templeton, nhưng nàng không cố ý tìm cơ hội và hình như nàng lại muốn tránh những dịp chỉ hai người ngồi đối diện nhau. Một vài bà đạo đức đương bấy lứa nàng, nàng thừa tình khôn để không mắc. Nàng giả tảng không hiểu những lời nói bóng gió của họ và đáp lại những câu hỏi thẳng của họ bằng một tiếng cười ngờ vực. Nàng làm được họ tức uất.

—Cô ạ chẳng xuẩn ngốc gì mà không trông thấy anh chàng say mê mình.

—Cô ta không có quyền bắt ông kia phải chịu sức áp bách của mình như thế.

—Tôi thì tôi cho hai anh chị cùng mê nhau.

—Có lẽ bác sĩ phải bảo cho bà mẹ biết.

Không ai nghiêm khắc bằng Leod.

—Rõ khéo giở trò ! Không biết lấy nhau để làm gì ! Anh thì đã lao rỗng mà bệnh chị cũng chẳng kém.

Campbell không sợ sống sợ ư :

Họ có lý lắm chứ, còn hưởng được tí hạnh phúc nào thì cứ hưởng đi. Tôi cho rằng vì lẫn nhau mà đôi bên cùng sung sướng, và tôi hiểu bụng họ lắm.

— Lão già khả ố ! Leod nói.

— Thôi đi ! Templeton không phải là một gã có thể bị ván bài của cô ả làm khó dễ được, nếu gã không hi vọng hưởng chút lợi lộc gì. Mà tôi tưởng cô ả thì giảo quyết hết sức.

Ashenden biết hơn mọi người khác, Templeton đã thổ lộ tâm sự với ông ta. Templeton bảo ông ta :

— Rõ một trò cười, ngần này tuổi đầu còn đi mê một cô gái con nhà. Thực việc không ngờ nhất ! Đích xác rồi, không tưởng lắm gì nữa, tôi mê thực sự rồi. Nếu sức khỏe của tôi cho phép tôi bàn việc ấy thì mai tôi sẽ ngỏ lời xin cô ấy lấy tôi. Không tưởng tượng được một thiếu nữ lại khả ái đến bậc ấy. Đối với tôi, những thiếu nữ, những thiếu nữ thực hiệu ấy, bao giờ tôi cũng không thể kham nổi. Nhưng người này thông minh không thể ai hơn được. Và xinh đẹp. Trời ơi ! nước da ! mái tóc nữa ! Nhưng không phải vì những cái ấy mà tôi mất lương trí. Ông có muốn biết cái gì đã làm tôi say đắm không ? Đáng chê quá ! Một lão nghịch ngợm tinh quái như tôi ! Đức hạnh ! nghĩ đến tôi cười vỡ bụng mất. Cái đó hẳn là không có trong người tôi, nhưng chính thế. Không khỏi điều đó được : cô ấy trinh tiết, khiến tôi điên cuồng. Ông thấy tức cười, hử ?

Ashenden nói :

— Không khi nào. Ông không phải là người đuổi

gái đầu tiên say đắm tình ngây thơ. Đó là tính dễ cảm của con người đứng tuổi.

-- Chó quá! Templeton nói đùa.

-- Thế cô ấy nghĩ sao?

-- Trời ơi! Ông tưởng tôi kể tất cả thế với cô ấy à? Tôi chưa hề nói với cô ta một tiếng gì mà kẻ khác không thể đứng nghe được. Có lẽ sáu tháng nữa tôi chết, vả lại tôi biết đem cái gì hiến một thiếu nữ bây giờ?

Ashenden đoán Evie cũng say mê bằng Templeton. Ông ta đã nhận thấy má nàng ửng đỏ khi Templeton bước vào phòng ăn và mắt nàng đầy tình thương những khi Templeton không nhìn nàng. Cái mỉm cười của nàng dịu xuống để nghe ông kia thuật lại những kỷ niệm. Trong ý nghĩ Ashenden thì ái tình ấy cần cho nàng cũng như ánh nắng cần cho những người ốm nằm dài trên sân gác, quay mặt nhìn tuyết; nhưng có lẽ như thế cũng đủ cho nàng rồi chứ đem ngỏ với Templeton điều mà nàng muốn giữ bí mật thì thật là một sự bất hợp nghi.

Đạo ấy, có cái làm cho đời sống ở bệnh viện mất buồn tẻ. Mặc dầu câu chuyện khích bác chua cay, Leod và Campbell vẫn đánh bridge với nhau, vì, trước khi có Templeton đến bệnh viện, không một ai khá cao để đánh được họ. Họ luôn luôn cãi cọ nhau âm ỉ; đánh xong ván bài, họ còn bàn bạc mãi mãi, nhưng hai người đã biết rõ nước bài của nhau nên khi lừa bắt sát được nhau, họ lấy làm vui thích hóm hỉnh. Thường thường thì Templeton từ chối, không

chịu ngồi đánh với họ. Bài bạc vào hạng siêu đẳng, ông ta nhất định đòi cùng Evie một phe, mà Leod và Campbell thì cho rằng nàng đánh mất cả thú. Nàng thuộc vào hạng lúc thua một ván vì thấp, còn cười nói : « Bắt thêm một lần nữa thì tôi được ». Một buổi trưa, Evie nằm nghỉ lại trong buồng, nên Templeton bằng lòng đánh bài với Campbell và Leod. Ashenden là chân thứ tư. Cuối tháng ba mà trời còn mưa tuyết luôn một dạo, và họ ngồi ở hiên, ba mặt che kín, mặc áo khoác lông, đội mũ lông, bàn tay bọc bao tay. Đánh nhỏ quá, nên Templeton khinh thường, tổ rất liều lĩnh ; song vì ông ta cao hơn bọn kia nhiều quá nên thường thường giữ được hòa hay chỉ thua ít thôi. Nhưng có lần đôi bên bắt đi bắt lại nhau, kết cục ván bài thành to, và trở nên âm ỹ. Leod và Campbell châm chọc nhau. Năm giờ rưỡi, họ đánh ván cuối cùng, vì đúng sáu giờ sẽ có chuông nghỉ. Một ván kịch liệt. Leod và Campbell là hai đối thủ và cùng nhất định không chịu để thua ván này. Sáu giờ kém mười, mỗi người còn một phần bài nữa là hết. Templeton ở bên Leod, và Ashenden bên Campbell. Leod nói : « hai tréfle », Ashenden nhường; Templeton gọi luôn một đôi hoa cao hơn và sau cùng Leod xin bắt hết bài làng. Campbell bắt lại và Leod lại bắt lại. Nghe thấy bắt nhau, các bàn khác đã tan xúm lại gần và ván bài đánh trong yên lặng hoàn toàn, trước mặt một bọn đứng xem. Leod xanh tái đi và mồ hôi ướt trán. Tay thì run lẩy bẩy. Campbell vẻ mặt dữ tợn. Leod hai lần cố ra cao đề bên

địch không bắt nổi. Hai lần ông ta được, và hạ luôn một đôi kết hậu.

Cử tọa vỗ tay. Kiêu căng vì được, Leod đứng thẳng lên nắm tay dí vào mũi Campbell và gào :

— Thử kéo bài này với cái violon chết tiệt của ông xem. Grand Chelem (1) bắt đi bắt lại ! Suốt đời tôi ước ao đánh một ván như thế, và lần này mới vớ được. Trời ơi là trời ơi !

Ông ta thở hồn hèn. Run bần bật và ngã gục xuống bàn. Máu ộc ra đằng miệng. Người ta gọi bác sĩ. Các người giúp việc đều đến. Leod chết rồi.

Hai hôm sau người ta chôn ông ta rất sớm, để bệnh nhân khỏi cảm động vì trông thấy đám ma đi qua. Một người họ mặc áo đen từ Glasgow tới. Chỉ có bà chánh khan hộ và ông bác sĩ là chịu mất công đi đưa. Người chết chẳng được ai yêu. Chẳng được ai thương tiếc. Một tuần lễ sau, hầu như không ai còn nhớ đến người ấy nữa. Ông quan xứ Ấn-độ lên thay chỗ người ấy ở bàn chính và Campbell chiếm lấy cái phòng bấy lâu nay thêm muốn, Bác sĩ bảo Ashenden :

— Bây giờ thì chúng ta không bị quấy rối nữa. Trong bao nhiêu năm tôi đã cố chịu đựng những lời cãi cọ, những lời kiện cáo của hai lão... Phải kiên nhẫn lắm mới giám đốc được một bệnh viện ! Sau khi đã phiền nhiễu mình đủ cách, ông ta lại còn chết

(1) Grand Chelem : một nước bài bridge mà phe nọ bắt hết cả bài của phe kia.

như thế đó, làm hết thấy mọi người phải kinh hoàng.

Ashenden nói :

— Chắc có thể nào đây. Ông ta chẳng có gì gọi là đặc sắc, thế mà nhiều người đàn bà sầu não vì ông ta. Cô bé Bishop khổ sở khóc lóc không ngừng.

— Nếu tôi không lầm thì có lẽ chỉ một mình cô ta rơi lụy vì người chết chứ không phải vì chính cô ta.

Nhưng có người không quên. Campbell đi lang thang, tâm hồn đau khổ. Ông ta không đánh bridge nữa. Không nói nữa. Chẳng còn ngờ vực gì, ông ta thiếu Leod. Một hôm liền, ông ta đóng cửa phòng, không ra, ăn cũng ăn ở đấy. Rồi ông ta đến xin bác sĩ cho trở về phòng cũ. Lần này bác sĩ tức giận. Bao nhiêu năm ông ta làm rầy làm rà bác sĩ đề đòi cho được cái phòng ấy; vậy thì nay một là ông ta phải ở đấy, hai là ông ta ra khỏi bệnh viện. Campbell về phòng nghiền ngẫm tới sâu muộn. Bà chánh khám hỏi ông ta :

— Thế cây violon của ông đâu ? Đã mười lăm hôm nay tôi không nghe thấy tiếng.

— Tôi không kéo.

— Tại sao ?

— Chẳng có gì thú nữa mà kéo. Xưa kia tôi thích kéo là vì tiếng đàn làm cho Leod câu tiết. Nhưng ngày nay, tôi kéo hay không kéo thì ai cần gì ? Nhất định không bao giờ tôi chơi âm nhạc nữa.

Và ông ta giữ lời cho tới hôm Ashenden ra bệnh viện. Từ hôm Leod chết đi, đời hết thú vị đối với ông ta. Còn lấy ai để cãi cọ, giận dỗi. Ông ta đã mất

cái kích thích sự sống và chẳng bao lâu ông ta theo kẻ thù xuống nơi chín suối.

Nhưng đối với Templeton thì cái chết kia có một năng lực khác hẳn, có những hiệu nghiệm bất ngờ. Ông ta ngỏ tâm sự với Ashenden bằng một giọng xa xăm :

— Sung sướng thật ! qua đời trong toàn thắng. Tại sao người ta cứ lúng ta lúng túng mãi mới chết được ? Ông ta ở đây đã lâu lắm, phải không ?

— Hình như mười tám năm thì phải.

— Thế phỏng có đáng không ? Theo ý tôi thì hưởng một chút vui và chịu nhận lấy cái kết quả của cái vui ấy, như thế thú hơn nhiều.

— Còn tùy theo cái giá mà người ta định cho đời.

— Nhưng đời sống ở đây có thực là một đời sống không đã ?

Ashenden yên lặng. Ông ta hy vọng vài tháng nữa sẽ khỏi hẳn, nhưng chỉ thoáng nhìn Templeton cũng hiểu : cái chết đã in trên sắc mặt ông ta. Templeton nói tiếp :

— Ông có biết tôi đã làm gì không ? Tôi đã xin Evie lấy tôi.

Ashenden kinh ngạc :

— Cô ấy bảo sao ?

— Cô ấy bảo chưa từng nghe thấy câu gì lố lằng bằng, cô ấy bảo tôi điên.

— Cô ấy nói rất có lý, ông nên thú nhận điều đó.

— Chính thế. Nhưng cô ấy sẽ lấy tôi.

— Thực là điên rồi !

— Có lẽ. Dầu sao chúng tôi cũng đến hỏi ý kiến Lennox.

Mùa đông đã qua. Tuyết còn phủ các ngọn cao, nhưng đã tan ở nơi sơn cốc. Và ở phía dưới sườn non, mầm cây phong sắp nảy nở. Mùa xuân ảo hoặc bay lượn trong không. Mặt trời ấm. Ai ai cũng thấy mình nhanh nhẹn, và nhiều người tưởng mình sung sướng. Những bệnh nhân hằng năm cứ mùa đông mới tới, sửa soạn trở về phương nam. Templeton và Evie cùng đến bác sĩ. Họ nói rõ ý định của họ. Bác sĩ xem xét rất kỹ, chụp nhiều ảnh quang tuyến X. Khi nào biết đích xác bệnh trạng, bác sĩ sẽ cho tìm hai người. Ashenden gặp hai người giữa lúc họ đến phòng khám bệnh. Họ rất lo buồn, nhưng họ cũng cố khôi hài. Bác sĩ đưa cho họ xem ảnh và không giấu họ sự thực, Templeton nói :

— Tất cả những cái này đều đúng lắm, nhưng chúng tôi chỉ muốn biết : Chúng tôi có thể lấy nhau được không ?

— Lấy nhau thì đại đột quá lắm.

— Chúng tôi vẫn biết thế, nhưng không sao.

— Và phạm một trọng tội, nếu có con.

— Đó không phải ý định của chúng tôi, Evie nói.

— Nếu vậy thì tôi xin kể rõ tình thế với ông và cô. Rồi ông và cô sẽ định liệu.

Templeton cười nhìn Evie và cầm lấy tay nàng. Bác sĩ tiếp :

— Cô Bishop, không bao giờ, tôi tưởng thế, sẽ có thể sống một đời bình thường được. Nhưng nếu cô

cứ sống như cô đã sống tám năm nay...

— Trong các bệnh viện chữa lao ?

— Phải. Thì không cô lý gì cô lại không tới tuổi già hay ít ra cũng tới tuổi mà nhiều người biết điều mong ước. Bệnh không còn có gì đáng lo ngại. Nếu cô lấy chồng, nếu cô định sống như mọi người, thì cái ô vi trùng có thể lại nảy nở rất mạnh, và kết quả không thể đoán trước được. Còn về phần ông, ông Templeton, thì tôi xin nói vắn tắt hơn. Ông đã xem ảnh đây. Hai lá phổi của ông đều bị trùng lao ăn ruỗng. Nếu ông lấy vợ, thì tôi cho ông không đầy sáu tháng.

— Thế nếu không lấy vợ ?

— Bác sĩ ngầu ngại.

— Ông cứ nói. Tôi có thể nghe tất cả sự thực.

— Hai hay ba năm.

— Cám ơn ông, chúng tôi chỉ muốn có thế.

Hai người khi đi cũng như khi đến, tay cầm tay. Evie khóc. Không ai biết anh chị nói với nhau những gì, nhưng đến bữa ăn, mặt mày họ hơn hớn. Họ bảo cho Ashenden hay rằng làm xong các giấy tờ là họ lấy nhau liền. Rồi, Evie quay sang Chester :

— Tôi muốn được bà nhà đến dự đám cưới tôi quá. Bà sẽ đến, nhé ?

— Hẳn cô không đề làm phép cưới ở đây chứ ?

— Thừa có. Hai bên gia tộc chúng tôi chắc sẽ không ưng để chúng tôi lấy nhau. Chúng tôi sẽ báo tin cho nhà sau vậy. Bác sĩ sẽ giữ quyền phụ thân tôi.

Nàng âu yếm nhìn Chester và, như mọi lần, chờ câu trả lời. Hai người đàn ông cũng ngắm nghía ông ta. Lúc ông ta nói, tiếng ông ta run run.

— Cô tử tế với nhà tôi quá. Cô đã cần nhà tôi đến, thì thế nào tôi cũng viết thư cho nhà tôi.

Tin ấy làm náo động bệnh viện. Ai nấy chúc tụng hai người. Đám bệnh nhân bàn tán, cho đôi trai gái là quá liều lĩnh. Nhưng khi họ biết — sớm muộn cái gì rồi người ta cũng biết — rằng theo lời bác sĩ, Templeton chỉ sống sáu tháng nữa, nếu ông ta lấy vợ thì, vì kính trọng, họ im hơi lặng tiếng ngay. Những kẻ lãnh đạm nhất cũng cảm động khi nghĩ đến lòng hy sinh của hai người, hy sinh đời sống cho ái tình. Ý nghĩa nhân ái sa xuống bệnh viện, những kẻ giận nhau bắt đầu nói chuyện với nhau ; những kẻ khác quên hẳn phiền muộn. Mọi người hình như chia hạnh phúc với cặp trai gái, và không phải chỉ nhờ về mùa xuân mà có đầy hy vọng : Ái tình to tát kia như rực rỡ chiếu sáng những người chung quanh. Sự phấn khởi làm Evie trẻ thêm, xinh thêm. Templeton bông bột, cười nói, pha trò, hầu quên hết nỗi lo phiền. Tưởng chừng ông ta hy vọng hưởng hằng năm hạnh phúc. Nhưng một hôm ông ta thú hết với Ashenden :

— Nơi này thực là một nơi dễ chịu. Khi tôi ngoẻo rồi, thì Evie sẽ trở lại đây, cô đã hứa với tôi thế. Cô quen hết thầy mọi người và sẽ cảm thấy mình đỡ cô độc.

— Các ông bác sĩ thường hay lắm, Ashenden nói.

Nếu ông giữ điều độ thì tôi không hiểu tại sao ông lại không sống lâu hơn.

— Ba tháng, tôi chỉ xin có thế. Nếu tôi sống được ba tháng nữa thì thực cũng đáng đời.

Bà Chester đến trước hôn cưới hai ngày. Đã bao tháng nay bà không gặp chồng, vì thế hai người nhút nhát, sợ hãi. Chắc hẳn ngồi đối diện nhau họ ngượng ngùng. Chester cố hết sức chống lại chán nản và trong bữa ăn, ông ta biểu lộ tính tình vui vẻ thời xưa. Một ngày trước hôn cưới, mọi người cùng ăn bữa chiều với nhau, uống rượu sâm banh, và khác hẳn mọi bữa, thức đến tận mười giờ để nói khôi hài và cười đùa. Sáng hôm sau làm lễ cưới tại nhà thờ Scotlant. Ashenden phụ lễ. Tất cả những bệnh nhân còn đứng vững được đều đến dự. Cô dâu, chú rể sẽ đi xe hơi sau bữa ăn trưa. Những người ốm, ông bác sĩ và các cô khán hộ họp mặt đông đủ để từ biệt. Có người đã buộc một chiếc giày cũ vào sau xe, và khi hai vợ chồng Templeton ở bệnh viện đi ra, người ta ném theo từng nắm gạo. Một cuộc tiễn chân cặp vợ chồng mới, tiễn chân họ đi tới tình yêu và cái chết. Một bọn đông lũ lượt chảy đi, chậm chạp. Chester cùng vợ lặng lẽ lánh xa, khi thấy chung quanh không có ai, chồng bèn lên cầm lấy tay vợ. Tim bà Chester ngừng đập. Liếc nhìn trộm, bà thấy mắt chồng ướm lệ.

— Em yêu quý tha lỗi cho anh, anh đã quá khả ố đối với em.

Bà vợ ngập ngừng :

— Em vẫn biết chắc rằng anh chẳng có bụng dạ nào...

— Chính có. Anh muốn làm em khổ sở bởi vì anh khổ sở. Nhưng câu chuyện Templeton và Evie Bishop — nói thế nào được ? — câu chuyện ấy đã làm cho anh nhìn thấy mọi vật dưới làn ánh sáng mới. Bây giờ sống hay chết anh rửng rưng. Cái chết chẳng quan hệ lắm, chẳng quan trọng sao bằng tình yêu được. Và anh muốn em sông, anh muốn em sung sướng. Anh không ghen tị với em nữa. Anh không ghét em nữa. Anh rất vui mừng rằng anh chết chứ không phải em. Anh chúc em hết mọi hạnh phúc ở đời. Anh yêu em.

KHÁI HƯNG dịch

CON CHINK

của E. THOMPSON SETON

Một phương diện văn chương ít khi ta ngờ đến trong văn học Mỹ là tình cảm thiên nhiên rồi rạo. Chúng tôi xin hiến độc giả bài đoản thiên sau này, để giới thiệu với các bạn một lối ghi chép rất đáng yêu, trong đó sự quan sát trực tiếp vẫn không làm mất ý vị của sự hành văn tài tình. Câu chuyện chỉ nói đến một con chó (chó Chink), nhưng nói đến một cách rõ ràng, chu đáo và có duyên xiết bao. Văn dịch cố theo lấy đúng giọng điệu, cố giữ cho gần với nguyên tác cái nụ cười lạnh lẽ, hóm hỉnh, tai quái một chút, của những người sinh nói hài hước mà nét mặt vẫn lạnh lùng.

..

Con Chink vừa đủ tuổi khôn lớn để tự thấy mình là một con chó nhỏ xuất sắc, phi thường. Mà kể ra thì cũng phi thường thực, nhưng phi thường theo một quan niệm riêng trong tâm ý của Chink. Chink bề ngoài trông không dữ tợn, không đáng gờm sợ, sức không lấy gì làm khỏe mà chạy cũng chẳng nhanh nào. Nhưng anh chàng là một con chó oắt con hay làm ồn ã nhất, tính vô lý đệ nhất và đáng yêu hơn hết trong cái giống cứ nhè giầy dép của chủ mà nhai.

Người chủ của Chink — Bill Aubrey — là một lão dân miền núi, cắm trại ở chân dãy Garnet trong khu riêng ở Yellowstone. Khu này là một nơi rất bình tĩnh, ít khi có bọn du khách lui tới. Cho nên, trước hời chúng tôi đến ở, trại của Bill có thể gọi là một chốn vô cùng cô tịch nếu không có sự âm ỹ của con chó bông oắt con ma mánh là con Chink kia.

Chink không bao giờ ở yên được đến năm phút. Muốn bảo nó làm gì nó cũng làm ngay, chỉ trừ khi người ta muốn nó đừng làm chi hết. Lúc nào nó cũng bận rộn về một việc gì, một việc vô lý hay vô tích sự. Thảng hoặc nó rắp tính một việc có thể làm được thì nó lại mất công toi vì cái cách nó dùng để đạt tới. Một lần, cu cậu phí nửa một nửa ngày trời để tìm cách leo lên một cây thông cao rất lớn, trên cành thông một con sóc đang nhìn xuống cười gằn.

Đã có một hời, cái kỳ vọng tha thiết của đời Chink là làm thế nào bắt được một con trong bọn chó hoang (1) vẫn sinh sản rất nhiều trong những cánh đồng rộng ở xung quanh trại. Những con vật bé bỏng này thường có cái thói quen ngồi chịn mông xuống đất mình cất lên rõ thảng, hai chân trước chụm lại khít nhau; đứng xa trông tưởng như là những cái cọc ngắn. Vì vậy đã có nhiều lần, dẫn ngựa đi buộc trong đêm, chúng tôi cứ nhắm chỗ một con chó hoang đang ngồi mà tiến đến, tưởng đó là một cái cọc cắm sẵn

(1) Chó đồng, không ai nuôi, và cũng không chịn để người nuôi.

sàng; chó mãi đến khi con vật ranh con đâm nhào đầu xuống vừa biền biệt chạy, vừa kêu lên một tiếng ngao nghê, chúng tôi mới biết là bị mắc lừa.

Ngay từ hồi về ở trong thung này, Chink đã rắp tâm săn bắt cho được một con trong giống chó đồng ấy. Cố nhiên, cu cậu săn theo lối riêng của cu cậu, nghĩa là, cũng như mọi lần, bắt đầu làm những việc sau cùng (1). Bill nhắc đến chuyện này thường bảo rằng chó lão vẫn có một chút máu Ireland trong mạch đấy (2). Đây này: trước hết Chink đứng rình cách chỗ con chó đồng chừng một phần tư dặm (3); rồi dần dà bò sát đất mà lê từ khóm cỏ này đến khóm khác chừng một trăm thước; nhưng đến lúc ấy thì giây tinh thần đã căng quá sức, khiến Chink ta không thể kiên chí theo cái chiến lược ấy mãi được nữa; anh chàng liền đứng lên bốn chân và đường đường tiến thẳng đến trước con chó hoang vẫn ngồi bên cửa lỗ của mình và hoàn toàn nhận biết được tình thế lúc ấy.

Sau khi tiến lạng lẽ được một hay hai phút gì đó, sự nóng lòng sốt ruột của Chink thấy kệ cả mọi sự giữ gìn. Cu cậu liền xông xộc chạy lên, đến lúc cuối cùng — đến cái lúc mà đáng lẽ nó phải hết sức nhẹ nhàng từng bước — Chink ta liền vừa quát tháo sủa vừa

(1) nguyên văn: bắt đầu ở đoạn cuối.

(2) Máu nóng này, ương gàn hà tiện.

(3) Dặm Anh, hơn 400 mètres.

nhảy bổ đến trước con chó đồng vắn ngồi lì, im lặng như một khúc cây, đề đợi đến lúc được dịp. Lúc ấy nó mới nhào người đề chạy, vừa cấn lên một tiếng chế riều vừa hất chân sau tổng một năm cật lớn vào cái mồm há hốc của Chink.

Cái trò này cứ thế nhắc lại luôn mấy hôm liền. Chink vẫn không chịu bỏ cuộc. Xem chừng cu cậu vững tin rằng thế nào rồi sự kiên tâm cũng có ngày được thưởng công. Quả nhiên sự kiên tâm được đền công thực.

Bữa ấy, Chink dùng hết mưu mô cần trọng, rón rén từng ly từng chút đề tiến đến gần một con chó hoang đẹp mã một vẻ khác thường. Chink kết liễu cuộc rình mò bằng một cuộc tấn công ầm ỹ như mọi lần vô trúng được kẻ thù : lần này kẻ thù chỉ là một cái cọc gỗ vô tội vạ ! Và người nào còn chưa tin rằng một con chó có thể biết thẹn vì lỗi bịch tưởng cũng nên được trông thấy Chink bữa ấy, giữa cái lúc cu cậu tiu nghỉu, lúi lúi trở về sau xó trại của chủ đề ăn mình.

Tuy vậy, sự thất bại không có hiệu quả lâu đối với Chink. Nó có mẩu Ái-lan trong mạch, nhưng nó cũng có cả lòng nhất quyết nữa, và điều ấy đã làm vững chí nó trong bao nhiêu duyên phận hẩm hiu. Không có cái gì làm đổ được sự lạc quan của Chink. Chink là cả chỗ mồm vào mọi công việc ở đời, tham dự vào cùng với mọi sự hăng hái, rồi rào và một ý giữ gìn rất kém. Vớ được dịp nào đề tinh nghịch là anh chàng rất lấy làm hả lòng.

Chink thấy cái cần phải sửa theo mỗi lần có chuyện

xe hơi chở đồ nào hay có người cưỡi ngựa nào đi qua ; sửa theo các bò con đang lạng lẽ chăm chú ăn cỏ. Mà nếu con mèo ở nhà người gác mà dám mon men đến gần đó là Chink tin rằng cái hồn phận tối nghiêm trọng của Chink đối với bọn người cưỡi ngựa, đối với con mèo nọ, và đối với cả chính mình Chink là phải xông ra đuổi một mạch khẩn cấp, kỳ cho đến lúc mèo phải đến tận về nhà mèo. Ngày nào cũng có đến hai mươi năm lần Chink bám hờ nhảy vồ một cái mũ tàng mà Bill sẵn lòng liệng tới một đám tổ ong và khiến Chink ; « Bắt lấy ! ».

Phải nhiều thì giờ lắm mới làm được cho Chink hóa khôn ngoan. Nhưng bao nhiêu phen tai hại cũng khiến được nó biết nghĩ. Dần dần ngày này qua ngày khác, Chink cũng hiểu ra rằng những xe chở đồ thường đem theo những ngọn roi quất khá dài và những con chó vừa to vừa dữ ; Chink hiểu rằng những con ngựa có hàm răng ở bốn vó ; Chink hiểu rằng những bò con có những họ hàng cha mẹ mang những chày mặng ở trên đầu ; nó hiểu rằng một con mèo rất lờ đờ cũng có thể biến thành một con cáo đáng gờm và lại hiểu rằng những con ong bầu không phải là đàn bướm. Phải hiểu được thế, Chink phải mất nhiều ngày giờ. Nhưng ngày tháng dần dà, những bài học kia cũng có hiệu quả. Trong trí của Chink nảy ra một cái hạt nhỏ tí tẹo — nhưng cũng là một hạt chứ sao ! — cái hạt giống khôn ngoan của chó.

* *

Bao nhiêu lỗ của Chink khác nào bằng ấy tảng đá rắn chắc và không cân nhau ở một khung cầu xây cửa cuốn ; tảng đá chốt sau cùng được lắp vào khung cuốn — nghĩa là trí thức và tính tình của Chink được đầy đủ và vững vàng thêm—là do một sự đại đột của Chink trong chuyện gặp một con sói xám.

Con sói xám này ở không xa nơi chúng tôi dựng trại. Cố nhiên nó, cũng như mọi giống vật sống trong khu vực Yellowstone, đã thừa biết rằng ở đây, không một người nào được phép săn bắt, được mắc bẫy cạm, được bắn súng, hoặc ngược đãi bọn dân hoang dại trú ngụ ở trong miền. Nhất là trong khu vực này, gần nơi quân đóng, bọn lính tuần lúc nào cũng kiểm sát ngặt để cho luật được vâng theo. Cho nên, không còn lo ngại gì, con sói xám chiều nào cũng men men đến dạo quanh trại để mong tìm được những miếng ăn bỏ vương. Thoạt tiên tôi chỉ thấy dấu chân của nó in trên đường đầy bụi : xem chừng con vật chỉ mới quanh quần gần trại, không dám tới gần. Rồi sau chúng tôi nghe được thấy cái tiếng tru đêm dị thường của nó sau lúc mặt trời lặn một lát hoặc trước khi mặt trời mọc không bao lâu. Rồi sau cùng, theo lệ thường mỗi sáng, khi tôi ra dò những dấu tích để lại, để xem những giống vật nào đã đến thăm chúng tôi ban đêm, thì tôi điếm được những vết chân của con sói xám in rất rõ rệt lên lớp bụi đất ở chung quanh thùng rác.

Rồi càng ngày càng thêm táo bạo, con sói xám đã dám xuất đầu lộ diện giữa ban ngày. Trước còn dụt

dụt dè dè, sau biết chắc rằng không ai dám làm gì, nó mỗi lúc một vững tâm thêm; rồi sau cùng, không những đêm nào nó cũng đến mà hình như nó còn quanh quẩn gần đó suốt ngày, hoặc lên vào ăn trộm thức ăn, hoặc ngồi nghe nghe cho mọi người nhìn trên một mỏm đất cao, không xa trại chúng tôi mấy nôi.

Một buổi sáng, thấy Chink ở trên một bờ suối cách đó chừng năm mươi thước, chúng tôi hóm hỉnh bảo nó rằng :

— Này Chink ! Mà không thấy con sói xám kia nó chế mày đấy ư ? Kia kia ! Chạy mau lên. Tổng cổ nó đi xem nào !

Bao giờ cũng vậy, bảo gì Chink cũng vâng ngay. Mà bởi lúc ấy sốt sáng được dịp trở lại lập còng, Chink ta liền nhảy bờ rượt theo con sói xám; con này nhẹ nhàng lùi xa; Chink đuổi nó một chớp độ bốn trăm thước; nhưng cuộc săn đuổi lại khó có thể gọi là cuộc săn đuổi được nữa khi mà chính con sói xám quay trở lại phản công kẻ săn đuổi mình.

Chợt nhiên Chink hiểu ngay rằng người ta đem tính mệnh Chink trao cho sự hung bạo của một tên giặc dữ; thế là, có bao nhiêu gân sức cu cậu lấy ra hết để... tháo lui trở về. Nhanh lẹ hơn Chink, con sói xám đuổi kịp ngay, cắn một miếng bên này, ngoạm một miếng bên kia, hiển nhiên có vẻ rất bằng lòng, làm như đang được đem Chink ra làm một mẻ trò cười rất lý thú.

Chink ăng ăng kêu và chân nhanh được chừng

nào là chạy nhanh lên chừng nấy, Nhưng thằng cha tai ác kia vẫn không để Chink được lúc nào ngớt khổ; cứ thế mãi cho đến lúc Chink hộc tốc chạy vào giữa trại nhà. Lúc ấy những tiếng cười rộ của chúng tôi hình như hòa vào tiếng reo cười của con sói xám, và xem chừng con chó bé bỏng kia không được ai tiếp rước một cách niềm nở, gọi là đền bù lại bao sự vất vả nhọc nhằn nó đã lượm được, vì đã vâng lời chúng tôi.

Rồi một phen từng trải nữa tương tự như thế, nhưng không đến nỗi kịch liệt bằng, cũng lại làm được dịu bớt đôi phần tấm lòng hăng hái của Chink. Nó nhất định từ nay về sau không bao giờ dă động đến con sói xám nữa.

Nhưng con sói xám lại không đồng một ý ấy. Sói xám vừa tìm ra được một trò chơi mới, cũng khá thú vị kia ! Từ hồi ấy, nó ngày nào cũng đến thăm chỗ ở chúng tôi và lê quanh khu trại, bụng đã thừa biết rằng không một ai dám đuổi bắt mình. Mà thực thế, cò súng của tôi đều bị các nhà chức trách chẳng giây đánh dấu si và ở khắp nơi, quân lính lúc nào cũng tuần phòng nhắc người ta phải vâng theo luật lệ.(1)

Chink bị con sói xám rình mò vây đón và tìm đủ mọi dịp làm tội Chink.. Con chó bé bỏng tội nghiệp ấy nhọc nhằn đau đớn mà biết được rằng : cứ mỗi lần xa trại một mình, dù chỉ độ trăm thước thôi, là

(1) Bên Mỹ, muốn bảo trợ loài vật, người ta khe khắt trong luật săn bắn hơn mọi nơi.

tức thời bị con sói xám tróc nã, đuổi đánh, kỳ cho đến lúc Chink phải chạy về.

Mà ngày nào cũng như ngày nào, vẫn cứ như thế hoài : hạnh phúc, sự sống của Chink hị cái nạn ấy đầu độc. Chink không bao giờ dám một mình thò ra ngoài quá năm chục thước nữa. Mà nếu chúng tôi cười ngựa ra, Chink nhân thể theo sau, thì con sói xám, độc ác và ngạo nghễ, cũng theo liền, chạy ngang hàng chúng tôi hay bèn ngay sau gót, chăm chăm rình cơ hội để hành hạ Chink : Chink mất vui vì sợ. Tuy thế con sói xám cũng vẫn có ý tránh tầm roi của chúng tôi, và mỗi khi chúng tôi làm bộ cúi xuống nhặt đá thì nó lại tránh xa đi chút đỉnh.

Một hôm, Bill Aubrey không ở cùng khu với chúng tôi nữa và rời trại cách chỗ đó chừng một dặm về hạ vực bờ sông : con sói xám lại theo hấn đến đấy. Cũng như hăng bằng những anh hùng rơm không có ai trừng trị phản đối, nó mỗi ngày một thêm hống hách, thêm bạo ngược ; cuộc đời của con chó đáng thương bị sự khùng bố đàn áp. Nhưng người chủ nó chỉ cười.

Theo lời Aubrey thì hấn rời chỗ khác là vì muốn cho đàn ngựa của hấn được một nơi nhiều cỏ hơn. Nhưng chẳng bao lâu chúng tôi biết ngay rằng, hấn muốn ở riêng biệt một mình, chỉ là được tiện bề thưởng thức một chai *whisky* mà chẳng biết hấn moi ở đâu ra được. Mà chai *whisky* ấy hấn cũng chỉ dùng để súc miệng qua thôi. Vì ngày hôm sau, hấn lấy ngựa ra đi, và bảo con chó nhỏ của hấn rằng :

—Chink ở nhà coi trại nhé !

Rồi hấn lên đường, vượt qua núi, nhắm phía quán rượu gần miền nhất thẳng dong, để mặc Chink ở nhà nằm cuộn tròn trên mấy bao tải.

* * *

Mặc dầu bao nhiêu đại đột của một con chó thiếu niên, Chink cũng là một tên canh gác trung thành : chủ nó biết chắc rằng thế nào nó cũng đem hết tâm lực ra giữ trại.

Chiều ngày hôm đó, một người miền ấy qua chỗ Bill ở. Lúc vừa đến tầm gọi, hấn ta dừng lại và cất giọng đánh tiếng theo đúng phép tục lệ ở đấy :

— Hullo ! Bill ! Bill !

Không có ai thừa, hấn tiến bước đến tận cửa lều và được « một con chó oắt dị kỳ, bồm lông lên » đón tiếp. Chink — vì chính con Chink đó — gừ lên những tiếng dữ dội để báo trước cho hấn liệu hồn chó có bước gần thêm. Hấn ta hiểu ý ngay và không ghé lại nữa. Đêm đã phủ xuống. Nhưng chẳng thấy bóng vía ông chủ nào về để cất phiên gác cho Chink : Chink đã bắt đầu đói.

Trong lều vẫn có thịt ướp đấy : thịt sấy bọc trong một gói lớn. Nhưng cái đó bất khả xâm phạm (1). Chủ đã bảo phải canh giữ, vậy thì Chink cam tâm chịu chết còn hơn là động chạm vào.

Chink thử lần mò ra ngoài xem, họa may vớ được

(1). Nguyên văn : *it is sacred*, đó là vật thiêng liêng.

con chuột con chiếc nào hoặc một vật nào đó ăn cho đỡ đói. Bỗng nhiên, cái thằng cha sói xám khốn mặt khi đâm xỏ ngay đến và lại giở trò ra như cũ : còn Chink thì lại vội vã chuồn vào.

Nhưng khi đã vào trong lều, một cuộc đổi thay nổi lên trong tâm trí nó. Cái ý niệm về phận sự hình như biến hóa nó trong khoảnh khắc, và đem lại cho nó đủ can trường. Tiếng kêu khóc của con mèo con làm cho một con mèo mẹ rụt rè hốt nhiên biến thành con hùm cái chính tông, cũng y như thế đấy.

Chink chỉ mới là một con chó còn ít tuổi lắm, mà lại rất ngốc nghếch về dăm sáu bảy đường (1). Nhưng ở trong thâm tâm cùng thể chất của Chink vẫn có kết trăm muôn giây nghị lực nó theo năm tháng mà mạnh lớn mãi lên. Cho nên hễ lần nào con sói xám toan lọt vào chỗ ở của chủ Chink là Chink quên cả nỗi lo sợ riêng, tức khắc xông ra chống lại kẻ thù khác nào một con ác quỷ bé nhỏ.

Loài vật vẫn nhận biết được thể lực của điều hay và điều dở. Chúng phân biệt được sự can đảm của tinh thần với sự ươn hèn. Ở đây con chó bé bỏng và bị dọa nạt kia lại có sức mạnh tinh thần. Và cả hai con hình như cũng nhận thấy điều đó. Con sói xám đành phải hăm hè, nghiêng răng mà lùi bước ; Nó phát thệ — theo lối thề nguyện của sói xám — rằng hễ nắm được cơ hội là nó sẽ phanh thây, sẽ sé nhỏ con chó oắt con kia. Nhưng bây giờ thì nó

(1) Nguyên văn : mà lại rất ngu dại về nhiều phương diện.

không dám lên vào lều như hết sức rõ ràng nó muốn thế.

Thế là một cuộc vây hãm chính thức bắt đầu. Con sói sấm lại lộn lại. Nó điếu vòng quanh trại, lấy chân sau cào đất tỏ vẻ đến điều khinh bỉ, rồi đi thẳng đến lối vào trại và chạm mõm với con Chink tội nghiệp của chúng ta. Chink tuy khiếp sợ đến điếng đi như thế mà cũng thu đảm lược về ngay cái lúc nó đồ chừng kẻ thù định cướp những thứ đồ người ta giao cho nó giữ.

Trong khi ấy, Chink vẫn không được ăn uống chi hết. Mỗi ngày, một hay hai lần, nó tìm được cách lên ra, men tới suối nước, nhưng tìm được thức ăn có dễ như tìm được uống đâu ?

Kề ra thì nó cũng có thể khoét một lỗ ở cái gói lớn và lằm ít thịt sấy ở trong, nhưng thịt sấy là của trao cho nó trông coi, đụng chạm đến là điều không thể được. Nó lại có thể thừa một dịp tốt để bỏ trống đồn canh rồi lên đến tận chỗ cắm trại của bọn chúng tôi, thì thế nào cũng được chén một bữa ngon miệng. Nhưng không. Sự gian truân đã làm phát hiện được cái bằm tính chó nòi trong nó. Nó không thể đang tâm phản bội lòng tin của chủ được : nếu đến nước, nó sẵn sàng chịu chết vì phạm sự trong khi chủ nó vắng nhà để ăn uống no say.

Bốn ngày bốn đêm ròng, con chó nhỏ oanh liệt kia vẫn không ngớt canh phòng và bảo vệ cái trại và đồ đạc bên trong, đương đầu với con sói sấm

mà lòng nó vô cùng khiếp sợ.

Đến sáng ngày thứ năm Lão Bill thức dậy và nhận thấy mình không ở nhà mình ; hắn chợt nhớ ra rằng trại của mình ở trong đám trùng núi xa xa kia, vền vền chỉ có con chó con canh gác. Đã chán chường việc chè chén, hắn lên ngựa và trở về núi ; bụng tuy đói, nhưng hắn đã mệt lắm rồi. Về được chừng nửa độ đường hắn mới chợt nhớ ra rằng đã để cho Chink phải nhịn. Bụng bảo dạ : « Miễn là ông mãnh oắt con ấy đừng làm mất thịt sấy của mình. »

Hắn thúc ngựa và lên tới một mỏm núi cao từ đó có thể trông thấy trại nhà. Phía xa, ở ngay giữa lối vào, hắn thấy con sói sấm lớn dữ tợn cùng với con chó Chink tội nghiệp đang trao đổi lẫn nhau những miếng cắn hỗn độn và tiếng gầm gừ. Bill kêu lên :

— Mình thực là một thằng đốn. Mình quên bẵng ngay mất cái con chó sói sấm ôn vật kia đi thôi ! Tội nghiệp con Chink !

Thực nó đã trải qua một mẻ khó chịu lắm đấy. Mà nó không bị ăn thịt, lớp trại không bị xé tan nát, kẻ cũng lạ thực !

Chink vẫn ở đó, chống cự lại một phen cuối cùng. Chân nó sịu xuống vì khiếp nhược, nhưng nó được cái vẫn táo tợn và vẫn cố chết để bảo vệ trại nhà.

Bill đưa con mắt xanh sấm và lạnh lùng ra xem, nhận biết được tình thế lúc đó ; hắn phóng ngựa về ; vào nhà thấy chỗ thịt sấy còn nguyên vẹn, và

hiều rằng Chink chưa ăn một tý gì từ hôm hấn ra đi. Con chó nhỏ run cầm cập, lê thân đến bên, ngược mắt nhìn chủ và liếm bàn tay Bill như muốn bảo chủ rằng : « Đấy nhé, tôi vâng lời chủ đấy nhé ! »

Bill thấy vậy cảm động quá. Hai mắt đầm ướt, hấn đi dọn vôi lấy mấy thức ăn cho vị anh hùng bé nhỏ kia. Rồi ân cần nhìn Chink, hấn nói :

— Chink ạ ! Tao đối với Chink thực tề quá, mà Chink đối với tao thì bao giờ cũng tử tế như bao giờ. Từ nay không bao giờ tao đi chén mà không rủ Chink đi theo. Rồi tao sẽ sử với Chink cũng như Chink đã xử với tao. Có điều tao không thể làm được cho Chink được hả dạ nhiều lắm, bởi vì Chink không uống được rượu. Nhưng ít nhất tao cũng trừ được cho Chink cái ung độ : ghê gớm nhất đời Chink. Mà tao trừ ngay bây giờ !

Hấn đi lấy cây súng săn liên thanh xuống, — cây súng này là thứ bảo vật quý của hấn, thứ của làm cho hấn hãnh diện được với đời — rồi, không thêm kể gì đến những điều tai hại sau này, hấn dứt hết mọi chỗ đánh dấu đóng si của nhà chức trách rồi đi thẳng ra ngoài.

Con sói sám vẫn ngồi, cách đấy không bao xa. Trên vẻ mặt nó vẫn như mọi khi, phảng phất một vẻ nhạo cười ma quái.

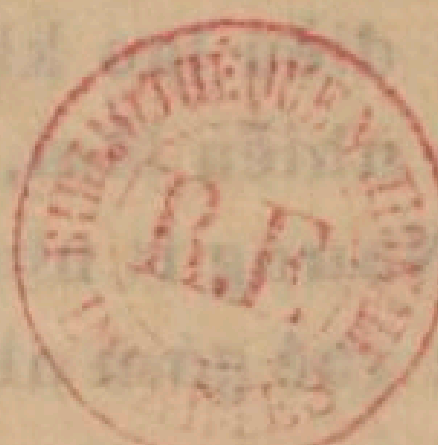
Phát súng nổ. Và cái khủng khiếp của Chink đi đời.

Lính tuần đồ đến để chứng nhận rõ ràng lệ luật khu vực đã bị trái : Bill Aubrey đã giết chết một con vật trong miền. Cây súng của Bill bị tịch thu và bị bẻ

gãy. Còn Bill thì bị trục xuất ra khỏi khu vực cùng với mọi vật phụ thuộc và người ta đe trước sẽ bỏ Bill vào ngục nếu Bill dám bèn mắng đề chân đến đấy. Nhưng quả thực là Bill cũng chẳng cần quái gì cái đó.

— Được lắm (Bill bảo thế). Tôi đã chu đáo với Chink của tôi, cũng như đối với tôi, Chink của tôi đã chu đáo.

chị LỮ-THỂ



SÁCH NÀY IN XONG NGÀY 17
THÁNG BẢY TÂY NĂM 1943
TẠI NHÀ IN NGÀY NAY, 80
ĐƯỜNG QUAN THÁNH, HÀ NỘI

1. The first part of the book is devoted to a general
 introduction to the subject of the history of the
 world, and to a description of the various
 countries and peoples which have been
 known to man from the earliest times.
 2. The second part of the book is devoted to a
 description of the various countries and peoples
 which have been known to man from the earliest
 times.

3. The third part of the book is devoted to a
 description of the various countries and peoples
 which have been known to man from the earliest
 times.

